

Phần thứ sáu

MUỘN LƯỢC MẶT TRẬN THỐNG NHẤT

6.1. TIẾN QUÂN VÀO TÂY TẠNG, CHÍNH TRỊ ĐI TRƯỚC

Tây Tạng là địa phương tuy nhân khẩu không nhiều, nhưng địa vị quốc tế vô cùng quan trọng. Để tránh nước ngoài nhúng tay vào và Tây Tạng đòi độc lập, khi đại quân Lưu, Đặng sắp kết thúc chiến sự giải phóng Đại Tây Nam, Mao Trạch Đông kịp thời đưa ra lời kêu gọi "Tiến quân vào Tây Tạng nên sớm, không nên muộn".

Cử ai phụ trách công việc quan trọng này? Lúc đầu, Mao dự định "Lấy Cục Tây Bắc làm chủ giải quyết việc Tây Tạng". Bành Đức Hoài là người chủ trì Cục Tây Bắc cho rằng theo đường đó tiến vào Tây Tạng rất khó khăn, không thể hoàn thành trong thời gian ngắn. Để có thể tiến quân vào Tây Tạng sớm, Mao Trạch Đông liền giao cho Cục Tây Nam đảm đương nhiệm vụ lịch sử quan trọng đó. Đặng Tiểu Bình là bí thư Cục Tây Nam kiêm chính ủy dã chiến quân hai, đương nhiên trở thành người trực tiếp ra quyết sách và đặt kế hoạch cụ thể cho việc giải quyết vấn đề Tây Tạng.

Các binh gia cổ đại Trung Quốc thường nói: Binh mã chưa xuất động, lương thảo phải đi trước. Tiến quân vào Tây Tạng, theo dự tính của Đặng, không những lương thảo phải đi trước, mà quan trọng hơn là chính trị phải đi trước.

Giải xét vấn đề từ góc độ chính trị là phong cách nhất quán của Đặng. Ngay từ trên đường tiến quân của đã chiến quân hai vào Ba Thục, qua các vùng dân tộc thiểu số ở vùng giáp giới Hồ Nam - Quý Châu, Đặng từng nói, ở những vùng dân tộc thiểu số thế này, cần chú trọng giải quyết vấn đề từ góc độ chính trị, có thể thành lập những vùng dân tộc tự trị, để lợi cho sự phát triển của họ.

Tình hình Tây Tạng lại càng đặc biệt và nhạy cảm, rất nhiều đế vương, quan tướng trong lịch sử đã dùng binh nhiều lần, nhưng người thì bị lật thuyền, hao binh tổn tướng, người thì không đánh mà phải lui; sau khi phân tích, so sánh lịch sử và hiện thực, chính trị và quân sự, tôn giáo và thần quyền ở Tây Tạng, Đặng nêu ra kết luận là vấn đề Tây Tạng có "ý nghĩa chính sách rất sâu sắc".

Ông nói: Giải phóng Tây Tạng, cần có một lực lượng quân sự nhất định. Xét về lịch sử, nhiều lần dùng binh vào Tây Tạng mà chưa giải quyết được. Lần này phải dựa nhiều vào chính trị, phải đoàn kết hai phái Lạt Ma và Ban Thiên, phải dựa vào chính trị mà hành quân, dựa vào chính sách mà có cơm ăn.

Căn cứ vào đó, Đặng đề ra mưu lược cơ bản khi tiến quân vào Tây Tạng là: "Chính trị trọng hơn quân sự, cung cấp trọng hơn chiến đấu".

Giải phóng Tây Tạng đương nhiên cần một số quân, nhưng Đặng thấy nếu nhiều quân quá sẽ khó giải quyết

vấn đề về sau, vì vậy, bộ đội vào Tây Tạng cần tinh nhuệ. Đặng cho rằng quân chủ lực chỉ cần ba vạn là đủ, còn tuyển cung cấp ít nhất cũng cần tới 1 vạn người để lập tuyển binh trạm. Về sau còn tổ chức một bộ tư lệnh chi viện với quy mô lớn, bao gồm bộ đội hậu cần và Bộ Tư lệnh quân khu Tây Nam, thống nhất giải quyết vấn đề sửa đường và vận tải. Những biện pháp đó là để giải quyết khi tiến quân không phải dùng lương thực của địa phương, để tạo nên hình tượng đội quân nhân nghĩa, mở đường cho việc giải quyết bằng chính trị.

Bộ đội vào Tây Tạng cần tinh nhuệ, vậy cử ai đi là thích hợp? Qua cân nhắc nhiều lần, Đặng quyết định cử Trương Quốc Hoa lúc đó mới 38 tuổi dẫn quân đoàn 18 đi làm nhiệm vụ này. Vì quân đoàn 18 có cán bộ tốt, đã có nhiều thành tích trong xây dựng khu mới. Quân đoàn trưởng Trương Quốc Hoa trẻ tuổi, có năng lực, có lợi cho việc ở lâu xây dựng Tây Tạng.

Một đội quân ba vạn người đơn độc đi vào cao nguyên Tây Tạng bát ngát, nếu không làm tốt, có thể rơi vào nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Lưu, Đặng không thể không suy nghĩ tới điều đó. Do đó, trong khi quyết định để quân đoàn 18 vào Tây Tạng, Trung ương đã "bố trí các quân đội anh em ở Tân Cương, Thanh Hải và Vân Nam yểm hộ hai bên sườn" để khi cần có thể giúp đỡ. Bố trí được hình thành như sau: Quân đoàn 18 từ tây Tứ Xuyên tiến đến Đặng Kha, Đức Lạc, Ba Đường ở bờ phía đông sông Kim Sa; trung đoàn 126 của quân khu Vân Nam tiến đến Cống Sơn; chi đội kỵ binh Thanh Hải tiến đến Ngọc Thụ; sư

đoàn kỵ binh độc lập của Tân Cương tiến đến Vu Diễn; ngoài ra, còn một trung đoàn tinh nhuệ tiến theo Đức Khâm, Khoa Mạch, theo sông Ya Lu Chang Pu tiến về phía tây, phối hợp và chỉ viện cho quân đoàn 18. Có một trận thế như vậy, "quân" tiến vào Tây Tạng tuy không nhiều, nhưng "lực" lại không nhỏ.

Đặng đề đại quân ở ngoại vi mà cho một ít lực lượng tiến vào là xuất phát từ sự suy xét về chính trị, đồng thời có thể đối phó với mọi hành động quân sự lớn, để phòng không xảy ra thất lợi.

Quân sự chỉ là hậu thuẫn, chính trị vẫn đi trước. Đặng chỉ thị cho bộ đội vào Tây Tạng thành lập "Phòng nghiên cứu Chính trị" chuyên nghiên cứu những vấn đề chính sách khi tiến quân vào Tây Tạng. Ông nhắc nhở bộ đội: chính sách là sinh mạng cần phải liên hệ chặt chẽ, dựa vào quần chúng, dùng chính sách đúng đắn để dẹp tan những lời đồn đại hoang mang do bọn phản động trong và ngoài nước tung ra, xoá bỏ những ngăn cách và thành kiến tích lũy trong lịch sử, đoàn kết mọi giới tầng lớp và nhân dân yêu nước dưới lá cờ yêu nước chống đế quốc.

Ông còn cho soạn thảo "nguyên tắc và kỷ luật tiến quân", yêu cầu bộ đội phải gương mẫu chấp hành chính sách dân tộc của đảng, nghiêm chỉnh tuân thủ kỷ luật, tôn trọng phong tục tập quán của dân Tạng. Bộ đội dù có phải hành quân trong gió tuyết, cũng chỉ được ở lều bạt mà không được vào ở các đền chùa, cấp trên không chấp nhận thì không được vào nhà dân, không xâm phạm cái kim sợi chỉ của dân. Theo nói lại, có một chiến sĩ trên đường hành quân đã dùng chân đá một con chim ưng nằm ngang giữa đường, lập tức bị xử lý kỷ luật vì không tôn trọng phong

tục đồng bào Tạng, vi phạm chính sách dân tộc và kỷ luật quân đội. Yêu cầu nghiêm khắc đó đã khiến dân Tạng gọi bộ đội là "người Hàn mới" và "quân Bồ Tát".

Tôn giáo là vấn đề rất nhạy cảm của Tây Tạng, cũng là then chốt quyết định việc thành bại của việc giải quyết bằng chính trị. Đặng nhiều lần nhắc nhở bộ đội phải chú ý giữ gìn chùa chiền Lạt Ma, tôn trọng tín ngưỡng của tăng lữ và nhân dân. Sau này, bộ đội đi trước chuẩn bị vào La Sa, Đặng tự mình nhắc nhở: Sau khi đến La Sa, khi hội kiến Đạt Lai Lạt Ma, nếu ông ta đề xuất việc xoa đầu, thì có thể không giữ sự gò bó của quân kỷ, mà để ông ta xoa đầu, còn cần thay mặt cán bộ, chiến sĩ tặng lễ vật cho ông ta.

Ngày 25-2-1950, Trung ương đánh điện chỉ thị cho Cục Tây Nam: "Kế hoạch tiến vào Tây Tạng của chúng ta là kiên quyết không thay đổi, nhưng có thể dùng mọi biện pháp đàm phán với Đạt Lai Lạt Ma, để Lạt Ma ở lại Tây Tạng hòa giải với chúng ta". Căn cứ chỉ thị đó, Đặng quyết đoán đưa biện pháp giải quyết vấn đề Tây Tạng ngả sang hướng hòa bình. Ông tự mình soạn ra 10 chính sách làm điều kiện đàm phán hòa bình với nhà đương cục Tây Tạng. Nội dung chủ yếu là: Nhân dân Tây Tạng đoàn kết lại, đuổi thế lực xâm lược Anh, Mỹ khỏi Tây Tạng; thực hiện quyền tự trị của dân tộc Tây Tạng; giữ nguyên trạng mọi chế độ hiện hành ở Tây Tạng, địa vị và chức quyền của Phật sống Đạt Lai không hề thay đổi, các quan chức giữ nguyên chức vụ; thực hiện quyền tự do tôn giáo, giữ nguyên chùa chiền Lạt Ma, tôn trọng tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của nhân dân Tây Tạng; duy trì chế độ quân sự hiện hành của Tây Tạng, quân đội hiện có của Tây Tạng trở thành một bộ phận của quân đội nước Cộng

hòa nhân dân Trung Hoa; phát triển ngôn ngữ, văn tự và trường học của Tây Tạng; phát triển nông nghiệp, chăn nuôi và buôn bán của Tây Tạng, cải thiện đời sống nhân dân; toàn bộ việc cải cách ở Tây Tạng phụ thuộc vào ý chí của nhân dân, do nhân dân Tây Tạng và những người lãnh đạo Tây Tạng bàn bạc giải quyết; với những quan chức trước kia thân Anh, Mỹ và thân Quốc dân Đảng, chỉ cần họ cắt đứt quan hệ với Anh, Mỹ và Quốc dân đảng, không phá hoại và chống đối, thì đều để giữ chức, không xét chuyện cũ; Trung Quốc Nhân dân Giải phóng quân tiến vào Tây Tạng là để củng cố quốc phòng.

Sau này, Chính phủ nhân dân Trung ương và Chính phủ địa phương Tây Tạng ký kết hiệp nghị hòa bình giải phóng Tây Tạng gồm 17 điều là căn cứ vào 10 điều đó mà phát triển lên. Điều càng thú vị là, một số nội dung của chính sách đó có nhiều điểm tương tự với chính sách do Đặng đề ra để giải quyết vấn đề Đài Loan. Hương Cảng vào những năm 80.

Mười chính sách đó xuất phát từ sự suy xét đầy đủ đối với lịch sử và hiện tình xã hội Tây Tạng, chiếu cố đến lợi ích của mọi tầng lớp. Có nhân sĩ đại biểu dân tộc Tạng sau khi xem có cảm giác là những chính sách đó rộng rãi quá. Đặng nói: "Cần phải rộng rãi một chút. Đó là thực chứ không phải là giả, không phải là lừa dối các ông đâu. Vì vậy, chính sách này có ảnh hưởng rất lớn, sức mạnh của nó không nên đánh giá thấp"¹.

Để phòng bộ đội vào Tây Tạng mang theo quan điểm đấu tranh giai cấp, không quen nhìn cảnh bọn chủ nô áp

1. Đặng tuyển, Quyển I, tr. 163.

bức bóc lột nô lệ, phạm vào bệnh nôn nóng, vi phạm chính sách, Đặng nhắc nhở cán bộ chiến sĩ, gặp trường hợp đó, nên một mắt mở một mắt nhắm. Đó không phải là vấn đề giác ngộ giai cấp hay không mà "Nhiệm vụ trung tâm trong công tác dân tộc của chúng ta là giữ vững đoàn kết, xoá bỏ ngăn cách"¹.

Vậy cử ai đi làm sứ giả hòa bình? Cục Tây Bắc trước cử hai tốp, một tốp bị đuổi về, một tốp bị giữ lại. Cục Tây Nam có một người rất lý tưởng, là ủy viên chính trị quân khu Tây Nam, phó chủ tịch tỉnh Tây Khang, một bạn người Tạng mà Chu Đức kết giao trên đường trường chinh, là Phật sống Cách Đạt ở chùa Cam Tư Bạch Lợi. Khi Cách Đạt tình nguyện vào La Sa khuyên hòa, Đặng tán dương tinh thần yêu nước của ông, nhưng cho ông biết tình hình La Sa rất phức tạp, khuyên ông không nên vội đi.

Nhưng Cách Đạt kiên quyết xin đi. Đặng phải tôn trọng ý nguyện của ông và viết một bức thư đề nghị Cách Đạt chuyển giao cho Đạt Lai Lạt Ma, nói rõ quyết sách sáng suốt và lòng thành thực của Mao Chủ tịch, Trung ương Đảng muốn hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đáng tiếc là Phật sống Cách Đạt chưa hoàn thành sứ mạng hòa bình thì đã bị ám hại tại Xương Đô. Đặng hết sức tiếc thương, đã tổ chức đại hội truy điệu, viết lời điếu, gọi Cách Đạt là "Quang vinh tuần quốc, vĩnh thù bất hủ". Để biểu dương hình tượng bất hủ đó, ngày nay ở Cam Tư có dựng một bức tượng hữu nghị giữa tổng tư lệnh Chu Đức với Phật sống Cách Đạt.

Khuyên hòa không thành, tiên lễ hậu binh. Chính trị

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 164.

đi trước, nhưng có lúc cũng cần mở đầu bằng quân sự. Nhà đương cục Cát Độ do nhiếp chính Đạt Trát cầm đầu đã ép Đạt Lai đời 14 chạy đến A Đông, với ý đồ đưa Đạt Lai ra nước ngoài, và điều động hơn một nửa số quân Tạng khoảng 9 đại bản (tương đương trung đoàn) cộng thêm 3000 dân quân bố phòng dọc sông Kim Sa phía đông Xương Đô và ở khu vực phụ cận Xương Đô, hòng dùng vũ lực chống lại Quân giải phóng vào Tây Tạng. Trong tình hình đó, Đặng quyết định lấy đánh để thúc đẩy đàm cho nhà đương cục biết sức mạnh để họ biết vương sư là không thể ngăn được.

Trận đánh diễn ra rất đẹp. Lưu, Đặng chỉ dùng một lực lượng nhỏ đương công để thu hút địch, và dùng bộ đội chủ lực tiến hành bao vây vu hồi hai bên nam bắc Xương Đô. Qua 20 ngày chiến đấu, quân ta tiêu diệt hoàn toàn 6 đại bản quân Tạng và một phần của 3 đại bản còn lại, tranh thủ động viên một đại bản khởi nghĩa, tổng cộng tiêu diệt 5.700 người là quân chủ lực của Tây Tạng, giải phóng hoàn toàn Xương Đô, mở toang cánh cửa vào Tây Tạng.

Trước thế tiến công quân sự mạnh mẽ, tầng lớp trên của Tây Tạng phân hóa mạnh mẽ, lực lượng yêu nước lâu nay bị kiểm chế (phái Ban Thiên) nay phát triển càng vững vàng; còn những phần tử thân đế quốc (phái Lạt Ma) bị dả kích nặng nề, bắt đầu dao động. Sau thắng lợi Xương Đô, việc giải quyết vấn đề Tây Tạng lại trở lại biện pháp hòa bình. Chính phủ trung ương yêu cầu nhà đương cục địa phương Tây Tạng nhanh chóng cử đại biểu về Bắc Kinh đàm phán, đồng thời tỏ ý trước khi đạt được hiệp nghị hòa bình, tạm thời không tiến quân về La Sa. Bộ đội và nhân viên công tác tiến vào Xương Đô, tuân theo chỉ thị

của Đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền dùng hành động thực tế để gây ảnh hưởng tới nhân dân Tây Tạng. Chu Ân Lai thông qua Ấn Độ, tác động với chính phủ địa phương Tây Tạng, thúc đẩy tầng lớp trên phân hóa thêm một bước. A Bây A Oang Dích Mê và một số quan chức địa phương ở Xương Đô hai lần đưa thư lên Lạt Ma xin đàm phán hoà bình. Dưới sức ép nhiều mặt, Đạt Lai Lạt Ma buộc nhìn thẳng vào hiện thực, cử đoàn đại biểu địa phương Tây Tạng do A Bây, A Oang Dích Mê cầm đầu đi đàm phán.

Đoàn của A Bây đến Trùng Khánh, được tổ chức đảng và Chính quyền, quân đội ở Tây Nam nhiệt tình tiếp đãi. Đảng tán dương cao độ A Bây, A Oang Dích Mê vào giờ phút then chốt đã hiểu rõ đại nghĩa, tiến hành sự lựa chọn lịch sử, trình bày với họ 10 chính sách để giải phóng hoà bình Tây Tạng và đề nghị Đạt Lai từ A Đông trở về đàm phán, hết sức nhấn mạnh rằng những chính sách trên là chân thành, mong họ xoá bỏ mọi hiểm nghi, thúc đẩy hòa đàm đi tới thành công.

Tháng 5-1951, Chính phủ nhân dân Trung ương ký kết với Chính phủ địa phương Tây Tạng bản hiệp nghị về biện pháp giải quyết hoà bình vấn đề Tây Tạng. Tháng 7, Quân Giải phóng nhân dân chia nhiều đường tiến vào La Sa. Ngày 9-10, bộ đội đi trước đến La Sa, ngày 26-10, bộ đội chủ lực tiến vào La Sa. Đảng đã không phụ lòng mong đợi, đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử tiến quân vào Tây Tạng.

Vấn đề còn lại là làm thế nào để quản lý Tây Tạng, một khu vực có tình hình đặc biệt này. Năm 1952, Đảng được điều lên trung ương công tác, nhưng luôn luôn chú ý

tới vấn đề Tây Tạng: "Thí dụ như thực hiện khu tự trị dân tộc, chúng ta có cử cán bộ không? Cử là cần thiết, nhưng nhất định phải ít mà tinh"¹. Ông nói với Trương Quốc Hoa: mỗi huyện nhiều nhất cử 5,6 người tới bồi dưỡng cán bộ người Tạng, tìm hiểu tình hình, làm tốt việc đoàn kết. Cơ cấu ở Tây Tạng cần hết sức tinh giản, phương thức công tác phần nhiều dùng lời, hạn chế dùng giấy tờ. Cơ quan các cấp đều tiếp nhận cán bộ người Tạng vào làm việc.

Đặng chủ trương bồi dưỡng cán bộ người Tạng bằng ba nguồn: Một là, chọn trong nông nô một số có khổ lớn thù sâu bồi dưỡng tại chỗ thành cốt cán. Hai là, lập các Trường dạy người Tạng ở Thiểm Tây, Hàm Dương. Ba là, đưa một số ưu tú về học viện dân tộc ở Thành Đô, Bắc Kinh đào tạo lâu dài. Những biện pháp đó nằm trong mưu lược "Dùng người Tạng quản lý người Tạng".

Mục tiêu cuối cùng của việc tiến quân vào Tây Tạng là thực hiện chính sách dân chủ. Đặng hiểu rõ vấn đề này rất nhạy cảm: "chúng ta xác định, trong dân tộc thiểu số, do trước kia có mâu thuẫn rất sâu với người Hán, tình hình rất phức tạp, nên không thể dùng lực lượng bên ngoài để áp đặt và phát động đấu tranh giai cấp, không thể bằng biện pháp bên ngoài để tiến hành cải cách", "cải cách là cần thiết, không tiến hành cải cách thì không xóa bỏ được tình trạng nghèo nàn trong dân tộc thiểu số, không xóa bỏ nghèo nàn thì không xóa bỏ được lạc hậu. Nhưng chính sách đó cần đợi tới khi điều kiện nội bộ của dân tộc thiểu số có đủ đã mới tiến hành được". Đặng nói, vấn đề này có "chậm một chút cũng không có quan hệ gì"².

1, 2: Đặng tuyển. Quyển I, tr. 166, 164.

Năm 1956, các tỉnh khác trên đại lục đua nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội, chính sách dân chủ ở Tây Tạng đã nên làm chưa? Hiệp định về hoà bình giải phóng Tây Tạng có mấy điểm ghi rõ là "không thay đổi". nếu ngày nay thay đổi, sẽ có quan hệ đến sự ổn định của đại lục. Đặng chủ trì hội nghị Ban bí thư, nhiều lần thận trọng thảo luận vấn đề này, nhận thấy thời cơ cải cách ở Tây Tạng vẫn chưa chín muồi, xác định kỳ hạn 6 năm chưa cải cách. Nhằm vào những ý kiến khác nhau về chính sách trong các cán bộ Tây Tạng, Đặng nói rõ: Sáu năm nữa, chưa cải cách ở Tây Tạng là điều khẳng định. Mọi việc từ nhân viên, bộ máy, sự nghiệp, tài chính đều đình chỉ, đình chỉ càng nhanh càng tốt, nhân viên điều về càng nhanh càng tốt.

Phương châm thu lại đó là căn cứ vào tình hình chính phủ địa phương Tây Tạng không muốn thay đổi hiện trạng, và đã có một vài nơi phản loạn bài xích người Hán. Phản loạn đã phát sinh thì cần có quyết sách đối phó. Đối với việc phản loạn ở Tây Khang đến Tây Tạng, ngoài lực lượng thời kỳ đầu, Đặng chỉ thị "Nhà đương cục Tây Tạng vẫn giữ nguyên bản chất cũ. Hiện nay không phát động quần chúng, chỉ chỉnh đốn đội ngũ, kết bạn và học tập. Trong xã hội, cũng không nên tuyên truyền chủ nghĩa xã hội. Bộ đội vũ trang phản loạn ở Tây Khang đến Tây Tạng, ngoài lực lượng của bản thân chính quyền Tây Tạng, chúng ta không cản cản người đi đánh. Bộ đội ở Tây Tạng tuân theo chỉ thị, co về các tuyến giao thông và cứ điểm, có một số lui về nội địa.

Bọn phản loạn hiểu sai sự kiềm chế và nhân nhượng của Đặng, chúng càng lấn tới, khiến cuộc phản loạn không ngừng leo thang, đến 1958 diễn biến thành cuộc phản loạn

vũ trang mang tính toàn cục. Lúc đó, Đặng trao đổi sách lược với Trương Quốc Hoa: Nếu bọn phi nuy hiệp cơ quan đảng chính quyền và tuyến giao thông thì phải đánh, chắc thắng thì đánh, không chắc thắng không đánh. Giao thông cần được bảo vệ. Hai biện pháp đồng thời tiến hành, trước hết chú trọng đường giao thông, đồng thời bảo vệ lực lượng. Sáu năm không thay đổi, nhưng xuất hiện rối loạn do họ chịu trách nhiệm.

Mấy hôm sau, Trương Quốc Hoa và một số cán bộ về Tây Tạng để bố trí việc quân sự. Đặng lại trực tiếp dặn việc quyền biến với họ: "Người không phạm đến ta thì ta không phạm đến người. Cùng cố trận địa của mình, bảo đảm giao thông. Nếu bị uy hiệp giao thông và chắc thắng thì đánh, Giải phóng quân không nên khinh xuất khi chiến đấu, không nên khinh suất sử dụng bộ đội. Còn thời gian bốn năm nữa, còn dài lắm.

Co về là để giành chủ động, chủ động về chính trị, lấy thoả làm tiến. Không lâu sau, Đặng lại có chỉ thị quan trọng về vấn đề Tây Tạng: Sáu năm không thay đổi, phương châm co về không thay đổi, co về là đúng. Nếu bọn thống trị muốn thay đổi thì là việc khác, không quan hệ đến ta. Nếu họ muốn thay đổi, chúng ta sẽ phát động quần chúng. Phương châm cải cách hòa bình không thể thay đổi, nhưng khó có thể hoàn toàn giải quyết bằng hòa bình. Chúng ta cần phải chuẩn bị.

Co về và nhân nhượng đến đầu năm 1959, lực lượng vũ trang phản loạn tiến công toàn diện vào bộ đội ở Tây Tạng. Kỳ hạn sáu năm chưa hết, nhưng "người đã phạm đến ta", điều đó chứng tỏ rằng nhà đương cục Tây Tạng đã xé bỏ hiệp nghị và họ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thế là từ 20-3, bộ đội đã co về các tuyến giao thông tiến hành cuộc đấu tranh dẹp loạn toàn diện từ La Sa.

Lúc này, vấn đề cải cách cũng dễ giải quyết, bộ đội dẹp loạn theo chỉ thị vừa đánh trận vừa cải cách. Khí thế như gió quét lá khô, chỉ trong một thời gian ngắn, đã xoá bỏ chế độ nông nô phong kiến ở Tây Tạng.

Đến tháng 3-1962, vừa hết kỳ hạn 6 năm, toàn bộ cuộc nổi loạn trong nội địa Tây Tạng đã được dẹp yên. Đồng thời, thời đại chuyên chế của quý tộc và tăng lữ trên cao nguyên Tây Tạng cũng vĩnh viễn kết thúc, thay vào đó là một Tây Tạng mới xã hội chủ nghĩa.

Tướng Âm Pháp Đường, người nắm đó theo Đặng Tiểu Bình tiến quân vào Tây Tạng nhớ lại: Tuy năm tháng qua đi, tang thương biến đổi, nhiều chuyện lịch sử đã dần dần phai nhạt, nhưng việc đồng chí Đặng Tiểu Bình tiến quân vào Tây Tạng, dẹp cuộc phản loạn ở Tây Tạng, đóng góp công lao và có sự cống hiến đặc biệt với việc hoàn thành cải cách dân chủ ở Tây Tạng thì sẽ vĩnh viễn được ghi khắc trên nóc nhà của thế giới.

6.2. ĐỐI VỚI ĐÀI LOAN, MAO TRẠCH ĐỒNG ÔM MỐI HẬN NHƯ LỤC DU; CHÍNH SÁCH MỘT QUỐC GIA HAI CHẾ ĐỘ, THỐNG NHẤT BẰNG BIỆN PHÁP HÒA BÌNH CỦA ÔNG ĐẶNG PHÙ HỢP VỚI NHÂN DÂN HAI BỜ EO BIỂN

Nhà báo Mỹ Oalaisơ hỏi Đặng Tiểu Bình: "Có gì là cần thiết mà phải thống nhất Đài Loan với Trung Quốc?".

Câu hỏi đó có điểm ngó ngẩn, chứng tỏ người nước ngoài không hiểu về chính trị, văn hóa Trung Quốc.

"Xuân thu" đại nhất thống đó là lẽ thường của trời đất, là điều thông suốt cổ kim" (Đồng Trọng Thu). Trung Quốc thời Tần Thủy Hoàng gồm thâu 6 nước, quân vương các triều đại đều xây dựng một giang sơn nhất thống, coi việc giữ gìn bản đồ thống nhất là thiên thu đại nghiệp. Rất nhiều nhân sĩ trí thức để lại niềm cảm thán "cảm thương không thấy chín châu đồng" (Chín châu - tức Cửu Châu, là quan niệm của người Trung Hoa về Trung Quốc - ND). Năm 1949, tuy Đảng Cộng sản chiếm được thiên hạ, nhưng chưa đạt tới thống nhất vì Đài Loan và đại lục còn tách rời nhau. Mao Trạch Đông nhất định đòi giải phóng Đài Loan, nhưng vẫn chưa được toại nguyện, đã ôm mỗi hận như Lục Du (Lục Du, nhà yêu nước, nhà thơ lớn thời Nam Tống, người luôn mong muốn giành lại phần đất phía bắc bị nước Kim chiếm, nhưng ông chết mà không được chứng kiến việc đó - ND).

Dặng Tiểu Bình quyết tâm hoàn thành đại nghiệp thống nhất mà người trước chưa thực hiện được, cho đó là một trong ba nhiệm vụ lớn của thập kỷ 80. Ông nói về hai lý do cần thống nhất: Trước hết là vấn đề tình cảm dân tộc. Phàm là con em dân tộc Trung Hoa, ai cũng hy vọng Trung Quốc thống nhất. Trường kỳ không thống nhất, biết đâu có một ngày Đài Loan sẽ thoát ly Tổ quốc, vĩnh viễn biến mất trên bản đồ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nếu đó là kết cục của việc tranh giành giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản, thì sẽ nói với nhân dân thế nào, nói với con cháu đời sau thế nào?

Dương nhiên, chỉ nói là chúng ta đều là con cháu Viêm Hoàng thì cần thống nhất trong một quốc gia, vẫn chưa đủ lý lẽ. Những đi dân sang châu Mỹ, châu úc đều là con cháu đời sau của các dân tộc châu Âu, nhưng họ nhất

định đòi độc lập thoát khỏi sự bảo hộ của nước tổ tiên, tự lập thành quốc gia, sống riêng rẽ. Đối với Đài Loan, Đặng nghĩ tới điều quan trọng nhất là chủ quyền và lãnh thổ hoàn chỉnh của quốc gia. "Nếu Đài Loan không thống nhất với đại lục, thì địa vị là lãnh thổ Trung Quốc sẽ không được bảo đảm, không biết ngày nào sẽ bị người khác chiếm đi"¹. Hai thập kỷ 50 và 60, sở dĩ Mao Trạch Đông liên tục cho pháo kích Kim Môn, Mã Tổ, giữ trạng thái nội chiến giữa hai bờ eo biển, với tư thế muốn giải phóng Đài Loan, mục đích là để "cho Tưởng Giới Thạch gần lại chúng ta một chút", để phòng vấn đề Đài Loan bị quốc tế hoá. Sau khi Trung Quốc và Mỹ xây dựng quan hệ ngoại giao, vấn đề Đài Loan từ chỗ tranh chấp chủ quyền biến thành vấn đề nội chính của Trung Quốc, nhưng trên quốc tế vẫn có người nghĩ tới việc (TQ) đánh Đài Loan. Vấn đề Đài Loan trở thành một quả bom nổ chậm trong lịch sử quan hệ Trung-Mỹ, tự nhiên cũng trở thành một mối lo trong lòng Đặng. Đặng luôn luôn phải tiến hành việc chọn lựa khó khăn giữa việc bảo vệ lãnh thổ hoàn chỉnh với việc duy trì quan hệ Trung - Mỹ. Khi nào Đài Loan thống nhất với Trung Quốc, quả bom nổ chậm đó sẽ được tự động tháo gỡ.

Cần thống nhất là điều không có gì phải nghi ngờ. Chỉ có hai phương pháp để lựa chọn: giải quyết bằng vũ lực và đàm phán hòa bình. Tuy Đặng không loại bỏ khả năng dùng vũ lực, nhưng trước sau ông vẫn cho rằng dùng vũ lực là hạ sách. Người Trung Quốc đã nếm đủ nỗi khổ chiến loạn, hiện nay cần tập trung tinh lực xây dựng bốn hiện đại. Để thống nhất, thực hiện một cuộc nội chiến nữa sẽ phải trả giá rất lớn. Vả lại, Đài Loan đã có một năng lực

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 170.

phòng vệ mạnh nếu đánh sẽ thương vong không ít. Làm tổn hại đến nhân dân Đài Loan, rồi lại phải ổn định tình hình ở đó, là một việc rất phiền phức. Hai bờ eo biển nếu đánh nhau, tất động chạm tới toàn bộ khu vực Đông Nam Á, có khả năng khiến quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á trở nên căng thẳng gây tổn hại cho hòa bình ở châu Á - Thái Bình Dương và ổn định quanh vùng là điều đã có được một cách không dễ dàng. Đài Loan rút cục không phải là Thiên An Môn, rất nhiều nước phương Tây có lợi ích ở đó. Nếu chiến tranh thực sự xảy ra, khó giữ cho nước ngoài không nhúng tay vào, như vậy sẽ khiến cho quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Mỹ, Nhật, châu Âu trở nên phức tạp, làm hỏng cục diện mới về ngoại giao vừa mới mở ra. Tất cả những điều đó đều bất lợi cho sự nghiệp bốn hiện đại.

Thập kỷ 50, 60, ở hai bên eo biển, 2 đảng Cộng sản và Quốc dân đảng đều dốc sức vào việc thống nhất, một bên đòi "giải phóng Đài Loan", một bên đòi "phản công đại lục", đều muốn nuốt sống đối phương, thống nhất đối phương vào tay mình. Kết quả, chẳng ai nuốt được ai, lại làm cho mâu thuẫn thêm sâu, hai bên thù địch nhau hơn 30 năm. Cứ căng thẳng mãi như thế thì sẽ có ngày nổ ra xung đột, thậm chí chiến tranh. Xung đột chỉ làm cho nút thắt càng chặt, cuối cùng chỉ có dùng vũ lực để quyết định sống mái trên chiến trường. Nếu vũ lực không giải quyết được, thì chỉ có một con đường. Đài Loan độc lập, ai đi đường ấy, đi vào ngõ cụt chia rẽ dân tộc.

Không thống nhất không được, giải quyết bằng vũ lực không thỏa đáng, kéo dài nhiều năm cũng không phải là biện pháp hay. Nhiều năm nay, Đặng luôn suy nghĩ để tìm

biện pháp, làm sao không dùng vũ lực mà dùng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề, thoát ra khỏi ngõ cụt.

Thời cuối Minh đầu Thanh, Trịnh Thành Công đã thu phục Đài Loan từ tay thực dân Hà Lan, dời sau cao ngai ông là anh hùng dân tộc. Nhưng triều Thanh lại coi chính quyền của họ Trịnh ở Đài Loan là lực lượng nằm bên ngoài giang sơn nhất thống, và tiến hành phong tỏa, bao vây. Đến năm Khang Hy, nhà Thanh đã đổi chính sách thảo phạt bằng vũ lực sang chính sách chiêu dụ hòa bình, hai lần cử người ra Đài Loan đàm phán. Kết quả, triều Thanh công nhận vai trò của họ Trịnh ở Đài Loan và mở cửa ven biển để cùng buôn bán, họ Trịnh đồng ý quy phục, xưng thần nộp cống. Nhưng, sau này lại sử dụng vũ lực, Khang Hy sai danh tướng Thi Lang, người có công dẹp loạn Tam Phiên đi bình định vùng biển. Qua chiến đấu kịch liệt, Thi Lang đã chiếm được Bành Hồ "giành lại vùng biển dài hàng ngàn dặm với hơn một triệu dân" từ tay họ Trịnh. Tại sao cục thế hoà bình bị phá vỡ? Nguyên do là họ Trịnh tuy thần phục nhưng "theo lệ Triều Tiên, không chịu tết bím tóc và thay đổi trang phục" theo phong tục Mãn Thanh. Khang Hy thì cho rằng "Triều Tiên xưa nay là nước ngoài, còn họ Trịnh là người Trung Quốc", không thể coi như nhau. Đó là một tư duy kỳ quái về sự đại nhất thống của Trung Quốc: nước ngoài thì không quản được, nên có thể khác; còn người Trung Quốc dưới quyền cai trị thì không cho phép được khác; xưng thần nộp cống vẫn chưa kể là thống nhất, còn yêu cầu ăn mặc và đầu tóc phải thống nhất. Chỉ vì không nhân nhượng về điểm đó, mà không tránh được chiến tranh. Nếu Khang Hy nghĩ thoáng

hơn một chút, cho phép người Đài Loan giữ trang phục và đầu tóc khác, không cần dùng tới lực lượng vũ trang, thì Đài Loan đã chẳng thuộc về Trung Quốc hay sao?

Lịch sử nền văn minh Trung Quốc trong mấy ngàn năm luôn xoay quanh việc chia rồi hợp, chiến rồi hòa. Người ta ai cũng ghét chiến tranh, có biết đâu rằng quá nửa số cuộc chiến tranh là để thống nhất. Thống nhất là việc tốt, có thể tránh khỏi chiến loạn, nhưng bản thân thống nhất lại phải thực hiện bằng chiến tranh. Tại sao thống nhất khó khăn như thế, không dùng chiến tranh thì không được? Trong đó ít nhất có một nửa nguyên nhân là do yêu cầu thống nhất quá hà khắc. Gọi là thống nhất tức là bên này nuốt sống bên kia, muốn không bị nuốt sống, chỉ có một cách là dùng vũ lực chống trả hoặc khoanh vùng tự chủ. Kẻ thống trị độc tôn không cho phép kẻ bị thống trị có chút nào khác biệt. Kiểu thống nhất như thế đương nhiên không dùng vũ lực thì không thể đạt được. Rất nhiều kẻ thống trị vì mục đích bình định thiên hạ, thống nhất quốc gia đã hao mòn sức lực, thậm chí bươm đầu sút trán. Nếu nghĩ thoáng hơn một chút, hạ thấp tiêu chuẩn thống nhất xuống một chút không gò ép chư hầu bốn phương phải tuyệt đối nhất trí với vương triều trung ương, làm cho dung lượng thống nhất được nới rộng ra, có thể tiếp nhận sự khác biệt, thì chiến tranh chẳng phải có thể tránh được sao?

Đài Loan và đại lục đã phân liệt đối kháng hơn 30 năm, căn nguyên là do chế độ và chủ nghĩa hai bên khác nhau, hai bên đều có tư duy chính trị giống nhau, cho rằng trong một nước không thể có hai chủ nghĩa. Có thể nói tới thống nhất, nhưng phải dùng chủ nghĩa của mình để

thống trị đối phương. Thống nhất mang ý nghĩa một sống một chết, bên này nuốt sống bên kia. Bên nào cũng muốn nuốt sống đối phương và sợ đối phương nuốt sống mình. Vì thế mà đối chọi nhau. Trong khi những nước thù địch trước kia nay đã hòa dịu, thì hai bên eo biển lại vẫn không hòa hợp được với nhau. Vì vậy mà phải suy nghĩ rất nhiều: Giữa các nước còn có thể bỏ qua sự khác biệt về chế độ và hình thái ý thức để bắt tay hòa hảo, tại sao cùng là con cháu Viêm Hoàng lại không thể vượt qua điểm đó, cứ để sự khác biệt về chế độ gây trở ngại cho sự nghiệp thống nhất? Chẳng lẽ máu không đậm đặc hơn nước, không nuốt sống đối phương thì không thỏa dạ? Tại sao không nghĩ thoáng hơn một chút, gác sang một bên sự tranh chấp về chế độ, trước hết nắm điều chủ yếu là giải quyết vấn đề thống nhất đất nước.

Đặng khuyên mọi người nghĩ thoáng hơn một chút: "Nhà đương cục Đài Loan đề ra yêu cầu phải thống nhất theo chủ nghĩa Tam Dân, ít nhất cũng tỏ ra thiếu nhận thức về hiện thực. Có thể dùng chế độ của mười mấy triệu dân Đài Loan để thống nhất đại lục có 1.100 triệu dân sao?"¹. Tương tự, đại lục muốn dùng chế độ xã hội chủ nghĩa để thống nhất Đài Loan cũng không làm được, trừ phi dùng vũ lực. Dùng vũ lực cưỡng ép đối phương tiếp thu, cũng có thể gây nên hỗn loạn lớn. Dù không xảy ra xung đột, Đài Loan cũng sẽ bị tiêu diệt, để lại nhiều di chứng. Đó không phải là hy vọng muốn có của Đảng Cộng sản với Đài Loan. Hai bên đã không dễ nuốt sống nhau, thì phải tôn trọng hiện thực, thừa nhận sự khác biệt, hạ

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.97.

thấp tiêu chuẩn thống nhất xuống một chút, thực hiện biện pháp tôi không thanh toán anh, anh cũng không thanh toán tôi, hai bên đều có thể tiếp nhận, hai bờ eo biển gác sang một bên sự khác biệt, thống nhất trong một quốc gia. Còn chế độ xã hội, lối sống và quan niệm giá trị của mỗi bên thì cứ giữ, anh theo chủ nghĩa tam dân, tôi theo chủ nghĩa xã hội, không ép nhau phải nhất trí. Như vậy, thì trở ngại cho thống nhất có thể gạt bỏ, hai bên có thể ngồi lại đàm phán với nhau.

Dặng đưa ra những điều kiện hòa đàm với Đài Loan rất rộng: Sau khi thống nhất, Đài Loan là một khu hành chính đặc biệt, tuy là chính quyền địa phương nhưng có những quyền lực đặc biệt mà không tỉnh, thành phố, khu tự trị nào có được: hoàn toàn tự thực hiện chính sách đối nội, chế độ xã hội, kinh tế hiện hành và lối sống có thể giữ nguyên không thay đổi, tư pháp độc lập, quyền chung thẩm không cần tới Bắc Kinh, miễn là không gây tổn hại đến lợi ích thống nhất quốc gia là được. Đại lục không cử người đến Đài Loan, mọi hệ thống đảng, chính quyền, quân đội của Đài Loan do Đài Loan tự quản lý, chính phủ trung ương vẫn để ngoài danh sách. Đài Loan có thể phát triển quan hệ kinh tế văn hóa đối ngoại, chỉ cần thay đổi danh nghĩa là "Đài Loan Trung Quốc" chứ không phải "Trung Hoa dân quốc", tỏ rõ thay mặt cho Trung Quốc trên quốc tế, chỉ có nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Quân đội là vấn đề gay gắt nhất. Theo lẽ, đã là một nước, thì ít nhất ngoại giao và quốc phòng phải thống nhất. Trong vấn đề Hương Cảng, Đặng nhấn mạnh sự cần thiết phải đưa quân đội sang: "Đã là lãnh thổ Trung Quốc thì tại sao không được đóng quân?", "Ngoài việc đóng quân, Trung Quốc còn có gì để thể hiện việc thực hiện chủ

quyên ở Hương Cảng nữa?". Nhưng Đài Loan có chỗ khác. Trong thập kỷ 40, hai đảng Quốc-Cộng đã có mấy lần hòa đàm, nhưng đều tan vỡ vì vấn đề quy thuộc quân đội. Nay nếu lại đề xuất việc đóng quân tại Đài Loan, thì nhà đương cục Đài Loan nhất định sẽ không tiếp nhận, vì khó mà giải thích được là "tôi sẽ không nuốt sống anh". Đảng dứt khoát không đòi hỏi ngay cả điểm đó nữa, hứa là sau khi thống nhất, vấn đề Đài Loan giữ nguyên quân đội, có điều cần đổi tên, không thể gọi là "Quốc quân", còn gọi là gì thì có thể bàn bạc trong đàm phán.

Tuy sau khi thống nhất, Đài Loan nhất định chỉ là chính phủ địa phương, nhưng nghĩ đến thể diện của Trung Quốc, không nêu ra là đàm phán giữa trung ương và địa phương, mà gọi là đàm phán giữa hai đảng. Chỉ có hai đảng đàm phán, chứ không để người nước ngoài nhúng tay như thập kỷ 40 thì sẽ có hậu hoạn vô cùng lớn.

Trên thế giới này còn có quốc gia nào mà chính phủ đề ra một chính sách sáng suốt như vậy? Đài Loan sau khi thống nhất chỉ thay đổi quốc kỳ, quốc huy, còn hầu như vẫn như cũ. Việc thống nhất như vậy có gì tổn hại cho Đài Loan? Nhà đương cục Đài Loan nếu vẫn không hướng về Tổ quốc thì thật là khó nói.

Điều kiện và thành ý của Đảng về thống nhất Tổ quốc khiến nhà đương cục Đài Loan khó cự tuyệt. Mọi cái đều có thể thương lượng, còn đòi hỏi gì nữa? Đồng thời, trước sau Đảng vẫn không đưa ra lời hứa từ bỏ phương thức thống nhất không hòa bình. "Chúng ta không thể hứa như vậy. Nếu nhà đương cục Đài Loan vĩnh viễn không đàm phán với chúng ta, lẽ nào chúng ta có thể từ bỏ sự nghiệp thống nhất Tổ quốc? Đương nhiên không thể khinh suất sử dụng

vũ lực, ... nhưng, không thể từ bỏ biện pháp sử dụng vũ lực... Đó là sự suy xét về chiến lược"¹.

Một là thống nhất, hai là hòa bình, ba là vũ lực, quyết tâm thống nhất và thành ý hòa bình đều công khai. Nếu nhà đương cục Đài Loan không muốn mang tội chia rẽ, không muốn mạo hiểm về quân sự, thì họ chỉ còn một sự chọn lựa: ngồi lại đàm phán.

Vì giá đề ra đã rất thấp, phía Đài Loan chỉ có thể nhận đàm phán trên cơ sở đó, mà khó đề xuất thêm yêu cầu gì. Có thể Đài Loan không hài lòng với vai trò "chính phủ địa phương", muốn tranh địa vị chính thống với Đảng Cộng sản, nhưng Đài Loan có thể coi đại lục với 1.100 triệu người là chính phủ địa phương chăng? Một quốc gia chỉ có một chính phủ trung ương, nếu lập ra hai trung ương, ngang hàng nhau thì coi như thực hiện "một Trung Quốc một Đài Loan", không còn thống nhất nữa. Làm sao có thể có lý lẽ "Một nước hai chính phủ"? Đòi tự trị chăng, thì đã có đầy đủ rồi, ngay quân đội vẫn còn có thể giữ, có thể gọi là tự trị đến cao độ. Còn đòi tự trị nữa, trở thành "hoàn toàn tự trị", thì có khác gì một nước độc lập, lại chẳng thành "hai Trung Quốc" sao? Tất cả những cuộc mặc cả có thể có như vậy chỉ khiến người ta thấy là thiếu thành ý hòa bình thống nhất. Mưu lược hạ thấp tiêu chuẩn thống nhất của ông Đặng đã chặn đứng mọi luận cứ của Đài Loan muốn chia rẽ, đòi độc lập.

Đặng nói với các bạn Mỹ: "Biện pháp áp dụng một nước hai chế độ, không những chỉ giải quyết việc thống

1. Đặng tuyên. Quyển III, tr. 87.

nhất Trung Quốc, mà lợi ích của Mỹ cũng không bị tổn hại"¹. Người Mỹ vẫn có thể buôn bán với Đài Loan như cũ và giao dịch với Đài Loan, có điều cần làm rõ là giao dịch với một tỉnh của Trung Quốc, cần phải tôn trọng ý kiến của Bắc Kinh, không thể coi Đài Loan là một "hàng không mẫu hạm không thể bị đánh chìm" để đối phó với Trung Quốc nữa.

Có thể có người nói thống nhất như thế chỉ là danh nghĩa, thực chất là không thống nhất. Theo tiêu chuẩn cũ mà xét thì đúng như vậy, nhưng như thế có quan hệ gì? Thực chất thống nhất hay không là vấn đề nội chính, có thể để bước sau, chỉ cần thống nhất trên danh nghĩa, địa vị Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc được bảo đảm. "Dù mọi chế độ mà nó thực hiện không thay đổi, nhưng tình hình sẽ ổn định"². Một số người muốn mượn việc Đài Loan để gây chuyện cũng không còn cách gì, điểm nóng trong quan hệ Trung - Mỹ cũng được trừ bỏ. Những ai muốn gây chuyện với Trung Quốc phải tìm đề tài khác.

Tình hình đã ổn định, cũng để nói với nhân dân. Đặng chỉ nói rộng một chút, càng không cần tốn một phát đạn cũng hoàn thành được đại nghiệp thống nhất mà người trước chưa làm xong. Đại lục không bị thua thiệt gì, ít nhất là về chính trị vẫn được bảo đảm, Đài Loan dù đặc biệt thế nào cũng vẫn là chính phủ địa phương. Một số người chưa thoát khỏi khuôn sáo cũ có thể thấy việc thống nhất như thế chưa thỏa đáng, chưa triệt để nuốt sống được đối phương. Điều đó không quan trọng. Đặng có thể giải thích, thuyết phục bằng "chủ nghĩa xã hội mang màu sắc

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr.97, 220.

riêng của Trung Quốc", không nuốt sống không những không có gì hại, mà lại có lợi. Hai bờ eo biển không còn phải nhăm nhăm súng đạn, không còn lo Đài Loan độc lập, không lo nước ngoài nhúng tay. Còn mâu thuẫn giữa hai chế độ, có thể dần dần giải quyết sau.

6.3. HAI CHẾ ĐỘ CHUNG SỐNG HÒA BÌNH, ĐÓ LÀ CÁCH NGHĨ MỚI MẸ, TRONG LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI CHƯA BAO GIỜ CÓ

Mưu lược quan trọng để Đảng Tiểu Bình làm sống động quan hệ đối ngoại của Trung Quốc là chung sống hòa bình, vượt qua những khác biệt về chế độ xã hội và hình thái ý thức giữa các quốc gia.

Qua sự suy xét sâu thêm, Đảng phát hiện nguyên tắc chung sống hòa bình cũng là một biện pháp tốt để giải quyết một số vấn đề trong nội bộ một quốc gia. Dùng biện pháp một quốc gia hai chế độ để giải quyết vấn đề thống nhất Trung Quốc, sau khi thống nhất, trên một tỷ dân đại lục vẫn tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đài Loan và Hương Cảng vẫn cứ xây dựng chủ nghĩa tư bản của họ. Bắc Kinh không phải người đến, anh không nuốt sống tôi, tôi cũng không nuốt sống anh, thế chẳng phải là chung sống hòa bình hay sao?

Suy luận theo lôgic một nước hai chế độ cũng chỉ có thể như sau: 50 năm không thay đổi và cả hai bên đều không thay đổi, không những chủ nghĩa tư bản ở Hương Cảng, Đài Loan không thay đổi, mà chủ nghĩa xã hội ở lục

địa cũng không thay đổi, kết luận chỉ có thể là chung sống hòa bình, ít nhất cũng là chung sống 50 năm.

Đó là cách nghĩ mới mẻ chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản thế giới. Quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản xưa nay vẫn được coi là một mất một còn, sao có thể "chung sống hòa bình"? Trong và ngoài nước đều có người cho rằng Đặng làm như thế là một sự thách thức với cơ sở của hình thái ý thức xã hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng Đặng đã sớm có sự đối phó: "Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc", "màu sắc riêng đó, nội dung rất quan trọng là sự giải quyết vấn đề Đài Loan, Hương Cảng, Áo Môn", "có thể cho phép tồn tại hai chế độ"¹.

Đúng là, chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc đã dung nạp mấy đặc khu kinh tế và hơn 20 thành phố mở cửa. Những nơi đó đều cho phép tư bản nước ngoài tồn tại, mà vẫn không làm thay đổi được chế độ xã hội chủ nghĩa ở đó. Chủ nghĩa xã hội đã có thể chung sống hòa bình với tư bản nước ngoài, tại sao lại không thể chung sống hòa bình với tư bản trong nước? Đặng chỉ cần mở rộng một chút khái niệm về đặc khu kinh tế, là có thể tìm thấy chỗ đứng cho Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan trong tương lai trong chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc. Từ "đặc khu kinh tế" đến "khu hành chính đặc biệt" chỉ là sự mở rộng hợp lôgích, mà chỉ thêm hai chữ "hành chính". Theo lôgích đó suy luận tiếp, Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan sau khi thống nhất với đại

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 217-218.

lực, sẽ không cần vội vã thay đổi quan hệ sản xuất ở những nơi đó, chẳng qua chỉ là thêm vào trong bản đồ của nước Cộng hòa mấy vùng có chữ "đặc biệt" mà thôi.

Dương nhiên, hai chế độ chung sống hòa bình không có nghĩa là lực lượng ngang nhau. Đặng nhấn mạnh "Một quốc gia hai chế độ, ngoài chủ nghĩa tư bản còn có chủ nghĩa xã hội là chủ thể của Trung Quốc, vùng rộng lớn gồm hơn 1 tỷ dân vùng vàng xây dựng chủ nghĩa xã hội". "Đó là một tiền đề, không có tiền đề đó thì không được. Dưới tiền đề đó, có thể cho phép thực hiện chủ nghĩa tư bản trong khu vực nhỏ và phạm vi nhỏ ngay bên cạnh mình"¹. Đó đại thể là vì ông thấy chủ nghĩa xã hội còn chưa hoàn toàn phát huy được ưu thế so với chủ nghĩa tư bản (trước nửa đầu thế kỷ sau). Nếu không có ưu thế về số lượng (diện tích và nhân khẩu), mà cứ chung sống trong tình trạng "nửa cân tám lạng", thì chủ nghĩa xã hội rất có khả năng bị chủ nghĩa tư bản dần dần "nuốt sống". Đến lúc đó Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan bao nhiêu năm không thay đổi sẽ được bảo đảm nhưng phía đại lục sẽ thay đổi. Như vậy "hai chế độ" sẽ chẳng thành "một chế độ" sao?

Đặng nói như vậy, chủ yếu là làm công tác với phía mình: Xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể không có đảm lược và dũng khí đó. Đồng thời cũng tỏ rõ thái độ của người cộng sản với bên ngoài: Đại lục không thể vì tính linh hoạt một nước hai chế độ mà vứt bỏ nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, địa vị chủ thể của đại lục là sự thực rành rành, đại lục có hơn 1 tỷ dân, Hương Cảng, Áo

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 103.

Môn, Đài Loan cộng lại mới có 25 triệu, "càng quan trọng hơn là chính quyền nằm trong tay chúng ta"¹. Trừ phi Đảng Cộng sản chủ động rút bỏ chủ nghĩa xã hội, nếu không dù Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan dù có phát triển thế nào cũng không thay đổi được hiện thực của hơn một tỷ dân đại lục.

Lại nói về mặt chính trị, đã là một nước thì chỉ có một chính phủ trung ương. Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan dù có đặc thù thế nào, tự trị thế nào, cũng chỉ được coi là chính quyền địa phương. Không nói Hương Cảng, Áo Môn, riêng Đài Loan rất có khả năng không phục, muốn tranh quyền chính thống với Đảng Cộng sản. Nhưng Đài Loan sao có thể gọi đại lục là chính quyền địa phương được? Chính phủ trung ương cố nhiên là có thể để dành chỗ cho Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan, song bản thân chính phủ trung ương cũng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như vậy, Đài Loan chỉ có thể nhận địa vị là chính quyền địa phương. Dù cho phép họ còn có quân đội, thì cũng chỉ có thể là quân đội địa phương. Quân đội địa phương nếu xung đột với quân đội quốc gia, thì ai có lý ai vô lý chẳng đã rõ ràng sao?

Còn có gì đáng sợ nữa? Có thể cũng có "ảnh hưởng" tư bản. Nhưng cần biết rằng hai chế độ lại ở hai khu vực khác nhau, mà ở giữa còn có sự cách ly bởi các đặc khu kinh tế của chủ nghĩa xã hội nữa. Sau khi Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan thống nhất với đại lục, những đặc khu kinh tế như Thâm Quyển sẽ trở thành dải đất đệm, có thể làm giảm rất nhiều lần sóng xung kích của chủ nghĩa tư bản

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 373.

vào đại lục. Các đặc khu ven biển có thể ví như bộ lọc, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa bản trong một phạm vi nhất định, đồng thời tận khả năng hấp thu tác dụng tích cực của nó.

Hương Cảng và Đài Loan không thể nuốt được đại lục xã hội chủ nghĩa, vấn đề còn lại là đại lục có thể nuốt sống chủ nghĩa tư bản ở Hương Cảng, Đài Loan không? Đại lục có nhà lý luận đưa ra lý luận: "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã cùng sống với nhau trên trái đất lâu như thế, tại sao chúng lại không thể cùng tồn tại và chung sống trong một quốc gia?" Kỳ thực, sự so sánh đó không hoàn toàn thỏa đáng, không thể suy từ "cùng một trái đất" thành "cùng một quốc gia". Hai chế độ mà Đặng nói không giống với hai chế độ của các nước độc lập trong pháp luật quốc tế. Hai chế độ của các quốc gia độc lập sở dĩ không thể cùng chung sống hòa bình là vì có sự bảo đảm về chủ quyền quốc gia. Một quốc gia này muốn thay đổi chế độ nội bộ của một quốc gia khác thì gọi là "can thiệp vào chính trị nội bộ", không thể được quốc tế chấp nhận. Còn sự chung sống hòa bình giữa hai chế độ trong một quốc gia thì lấy gì để bảo đảm? Đặng đưa ra sự bảo đảm từ bản thân nền thống nhất quốc gia và chủ nghĩa xã hội: "Nếu không bảo đảm cho Hương Cảng và Đài Loan thực hiện chế độ tư bản, thì sẽ không thể bảo đảm sự phồn vinh và ổn định của họ, và cũng không giải quyết được vấn đề hoà bình thống nhất Tổ quốc"¹.

Các nhân sĩ ở Hương Cảng, Đài Loan không rõ điều đó rút cục là sự nhượng bộ về nguyên tắc hay sự tính toán về

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr.67.

sách lược. Đảng không phủ nhận đó là sách lược mặt trận, nhưng ông thừa nhận đó "không phải là sự bông bột tình cảm nhất thời, cũng không phải là trò lừa bịp", mà do lợi ích chiến lược của sự phát triển lớn mạnh của Trung Quốc quyết định. Lý do là, dưới tiền đề chủ nghĩa xã hội là chủ thể, cho phép thực hiện chủ nghĩa tư bản trong một phạm vi nhỏ, không những không thay đổi được chính thể là tính chất xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc, mà ngược lại, có lợi cho việc phát triển và lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Đã có lợi cho chủ nghĩa xã hội, thì chủ nghĩa xã hội sao lại nuốt sống đi? Hai chế độ chung sống hòa bình, bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau, sau cùng có khả năng tiếp cận nhau. Điều đó rút cục có phải là sự nhượng bộ về nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội hay không, điều đó tùy thuộc vào những người lãnh đạo sau này hiểu "nguyên tắc" là thế nào.

Nhân tố thực sự khiến cho hai chế độ mất đi sự cân bằng, phá vỡ cục diện chung sống rất có thể không phải là mâu thuẫn về mặt kinh tế giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, mà là giữa trung ương và địa phương đối đãi thế nào với nhau về mặt chính trị. Có người nói đại lục tạm thời chưa nuốt sống Hương Cảng, Đài Loan, là vì lực lượng của chủ nghĩa xã hội còn chưa đủ, tới khi chủ nghĩa xã hội phát triển lớn mạnh rồi, thì sẽ không ngần ngại gì mà không nuốt sống. Chỉ cần sau khi thống nhất, đại lục hoàn toàn có năng lực dùng mọi phương thức thanh toán gọn mấy khu vực tư bản chủ nghĩa, coi đó là việc nội bộ, không lực lượng nước ngoài nào can thiệp được. Bởi vì quyền chủ động ở trong tay đại lục, trong tay chính phủ trung ương, trong tay Đảng Cộng sản, nên nuốt sống hay không không phải là vấn đề năng lực mà là có

muốn hay không. Thuyết đó chưa hẳn đã hợp với thực tế. Thực tế đã không nuốt là bởi vì chủ nghĩa tư bản ở Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan phần vịnh có lợi cho sự phát triển chủ nghĩa xã hội ở đại lục, ít nhất cũng là lợi nhiều hơn hại. Chỉ khi sự tồn tại đó không có lợi cho đại lục, thậm chí uy hiếp, thí dụ trở thành căn cứ chống cộng, chống đại lục, phát sinh động loạn, hòng làm thay đổi chế độ xã hội chủ nghĩa ở đại lục hoặc lật đổ địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tới mức một mất một còn, thì nhất định sẽ phải thanh toán, và có đầy đủ lý do để thanh toán: Người không phạm đến ta, ta không phạm đến người, người đã phạm đến ta, ta đương nhiên sẽ phạm đến người!

Nhưng, tính hai cực có thể duy trì được bao lâu? Đại lục có nuốt sống được Hương Cảng, Đài Loan không? Sự việc vẫn là do con người định đoạt, cần xem sự vận dụng chính sách của đại lục đối đãi với chủ nghĩa tư bản như thế nào, xét cho cùng, do những người ra quyết sách của hai phía đối đãi với nhau như thế nào, chỉ cần thỏa mãn hai điều kiện: 1) Đại lục giữ vững, không thay đổi chính sách cải cách mở cửa; 2) Đài Loan tương đối an phận, không công khai thách thức với chế độ hiện hành ở đại lục, đặc biệt là đối với địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Hai mặt đó, trong một trình độ nhất định lại có tác động nhân quả với nhau.. thì hai chế độ có thể tiếp tục chung sống hòa bình.

Hai ngàn năm trước, nhà chính trị Lã Bất Vi đã chẩn đoán chứng bệnh chính trị của Trung Quốc bằng 6 chữ: "Một là trị, hai là loạn". Hai chế độ khác nhau, thậm chí ngược nhau có thể trường kỳ tồn tại, chung sống hòa bình đều phát triển bình an vô sự như Đặng Tiểu Bình đã thiết kế, sẽ có ảnh hưởng to lớn không lường hết đối với mô thức

chính trị đại nhất thống từ mấy ngàn năm nay ở Trung Quốc. Nền chính trị Trung Quốc luôn tuần hoàn giữa trị và loạn, hợp và phân trên cơ sở mâu thuẫn trường kỳ giữa trung ương và địa phương, không thoát ra khỏi vòng: nhất thống là chết, buông ra là loạn. Cho đến tận ngày nay, việc phân quyền thỏa đáng giữa trung ương và địa phương vẫn là một vấn đề rất khó nắm vững. Tuy Mao và Đặng đều đã bỏ ra rất nhiều công sức vào hai mặt đó, vẫn luôn luôn nhấn mạnh việc tập trung thống nhất của trung ương để hy sinh sức sống của địa phương mà nhấn mạnh sức sống của địa phương, trao quyền lực xuống dưới, lại có thể làm yếu quyền uy của trung ương, có mối nguy mất điều khiển về chính trị. Nếu tính năng đặc biệt của Hương Cảng, Đài Loan có thể dung hợp với sự tập quyền của Trung ương, thì sau này, người Trung Quốc khi xử lý mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, tập quyền và phân quyền khẳng định sẽ ngày càng có lý trí, càng giàu tính hiện đại.

6.4. CỰU TỔNG THỐNG MỸ BUSO NÓI: TRONG KHI HỘI KIẾN VỚI NGƯỜI LÃNH ĐẠO NƯỚC NGOÀI, ĐẶNG TIỂU BÌNH CÓ MỘT TÀI NĂNG CAO SIÊU LÀ NẮM VỮNG TỶ LỆ TỐI ƯU GIỮA CỨNG RẮN VÀ LINH HOẠT

Ngày 22-9-1982, một chiếc máy bay của Hoàng gia Anh chở nữ thủ tướng Thatcher cùng chồng bà là Đanixơ và các quan chức chính phủ cùng 16 nhà báo tới Bắc Kinh.

Rất khéo, hôm đó đúng là ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ 2463 của nhà tư tưởng cổ đại vĩ đại là Khổng Tử, thì

"chung sống hòa bình". lúc đó nhiều nước đổi lập về chế độ xã hội, cũng chuyển thù thành bạn, như với Mỹ và Nhật.

Thủ tướng Anh chọn thời cơ này để thăm Trung Quốc, tỏ rõ nước tư bản lão luyện này cũng muốn đáp chuyến tàu sớm tới thị trường Trung Quốc. Nhưng mục đích chuyến đi của bà ta mà nhiều người chú ý lại là một chuyện khác. Chính thức hội đàm với người lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề Hương Cảng.

Bà Thatcher là nhân vật có bàn tay sắt trong chính giới Anh sau Sôcsin, thường được gọi là "người đàn bà thép" nổi tiếng về sự cứng rắn và linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Vấn đề Hương Cảng bắt đầu bàn từ đầu, bà ta đã có phương án sẵn.

Anh chiếm Hương Cảng¹ đã hơn 100 năm, trong đó có hai lần: sau đại chiến thứ hai và đầu thập kỷ 50, suýt bị lấy lại, nhưng đều đã qua khỏi được. Lần này, không thể tránh khỏi được may rủi. Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố: giải quyết vấn đề Đài Loan, thực hiện thống nhất Tổ quốc là một trong ba nhiệm vụ lớn trong thập kỷ 80, Hương Cảng tất nhiên cũng nằm trong số đó, chậm nhất không thể quá năm 1997. Vấn đề sẽ giải quyết như thế nào, người Anh rất muốn thăm dò tình hình để xác định đối sách. Tháng 3-1979, toàn quyền Hương Cảng thăm Bắc Kinh, lần đầu tiên trao đổi với Đặng Tiểu Bình về vấn đề đó. Tháng 4-1981, Bộ trưởng ngoại giao Anh Calinton thăm Trung Quốc, Đặng ngỏ ý cho ông ta biết: nếu địa vị của Hương Cảng sau này thay đổi, người đầu tư nước ngoài sẽ không bị tổn hại đến lợi ích. Năm sau, khi Bắc Kinh tuyên bố

1. Hương Cảng, còn được phát âm là Hồng Kông.

9 nguyên tắc hòa bình thống nhất Đài Loan, trên thực tế là gián tiếp nói công khai về phương án tham khảo giải quyết vấn đề Hương Cảng. Tháng 4-1982, khi Đặng hội kiến với Thủ tướng tiến nhiệm của Anh, đã nói rõ 9 nguyên tắc giải quyết vấn đề Đài Loan cũng thích dụng đối với Hương Cảng.

Như vậy là người Anh đã rõ, toàn quyền Hương Cảng thậm chí còn cho rằng việc chuyển giao chủ quyền Hương Cảng chẳng qua chỉ là vấn đề thủ tục. Nữ thủ tướng Thatcher vốn là người sành sỏi về các vấn đề quốc tế đương nhiên không coi vấn đề đơn giản như vậy. Nhưng, qua tiếp xúc có tính thăm dò, bà ta cho rằng đã nắm được lập trường của Trung Quốc: Trung Quốc quyết tâm thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng, nhưng không muốn thay đổi vai trò của Hương Cảng là một cảng tự do và một trung tâm buôn bán quốc tế. Mô hình "một quốc gia hai chế độ" là có ý tách riêng chính trị và kinh tế. Người Trung Quốc theo nguyên tắc tách riêng chính trị và kinh tế, đã tách biệt quyền sở hữu và quyền kinh doanh đối với xí nghiệp quốc doanh, thì ở Hương Cảng, nơi có tính chất địa khu, chủ quyền và quyền quản trị có thể tách riêng ra không? Chủ quyền của Hương Cảng xem ra không thể không trao trả, thái độ của Trung Quốc về vấn đề này rất rõ ràng và không nhượng bộ. Nhưng nếu nghĩ cách hướng sự suy nghĩ của người Trung Quốc về việc tách riêng hai quyền, thì

nước Anh có thể có khả năng: sau khi trao trả chủ quyền của Hương Cảng, vẫn giữ được quyền quản trị trên thực tế.

Đương nhiên, bà thủ tướng biết rằng muốn làm như vậy cần phải có tiền đề lớn là giữ vững tính hợp pháp của

ba điều ước quốc tế về Hương Cảng đã ký kết trong lịch sử. "Điều ước Nam Kinh" năm 1842 và "Điều ước Bắc Kinh" năm 1860 đã quy định vĩnh viễn cắt nhượng cho Anh bán đảo Hương Cảng và mỏm phía nam bán đảo Cửu Long. "Điều khoản chuyên môn về địa giới khai thác Hương Cảng" năm 1898 lại cắt một mảnh đất lớn của bán đảo Cửu Long và hơn hai trăm đảo nhỏ xung quanh (gọi chung là Tân giới) cho nước Anh thuê trong 99 năm. Nếu cả ba điều ước vẫn còn hiệu lực, thì có nghĩa là, đến năm 1997, nước Anh đương nhiên sẽ trao trả Tân Giới cho Trung Quốc, nhưng vẫn giữ chủ quyền ở Hương Cảng, Cửu Long. Diện tích của Tân giới là 984,53 km² còn cả Hương Cảng, Cửu Long gộp lại chỉ có 91,49km². Nước Anh không có Tân Giới thì Hương Cảng, Cửu Long cũng không tồn tại được. Nhưng có thể mặc cả: Trung Quốc vốn rất coi trọng chủ quyền, vậy thì Anh sẽ trao trả chủ quyền của Hương Cảng, Cửu Long để đổi lấy quyền quản trị Tân Giới. Nếu được như vậy, thì đến kỳ hạn, toàn bộ chủ quyền ở khu vực Hương Cảng sẽ trao trả cho Trung Quốc, và Anh vẫn quản trị toàn bộ khu vực đó, tương đương như một xứ nửa thuộc địa, thì vẫn rất tốt đối với Anh.

Những người am hiểu tình hình còn biết rằng, lần này "người dân bà thép" còn mang theo cả dư uy của chiến thắng Manvinát giữa Anh và Achentina để đến thảo luận vấn đề Hương Cảng. Trước khi đến Trung Quốc bà ta còn đồng đặc tuyên bố: "Ba điều ước liên quan đến Hương Cảng vẫn còn hiệu lực". Tư thế đó như tỏ rằng, cuộc hội đàm khẳng định sẽ đem tới kết quả có lợi.

Phía Trung Quốc đã chuẩn bị kỹ cho cuộc hội đàm. Đầu tiên, Thủ tướng Triệu Tử Dương đứng ra, chính thức thông báo cho phía Anh là Trung Quốc quyết định chính

thức thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng từ năm 1997, đồng thời nói rõ sau khi thu hồi sẽ thực hiện chính sách đặc biệt để tiếp tục bảo đảm phồn vinh cho Hương Cảng.

Người đàn bà thép vẫn kiên trì luận điểm cho rằng ba bản điều ước vẫn còn có hiệu lực, và đề xuất nếu Trung Quốc đồng ý sau 1997, Anh vẫn tiếp tục quản trị Hương Cảng, thì Anh sẽ xét yêu cầu đòi chủ quyền của Trung Quốc, làm như không phải là trả vật về cho chủ cũ, mà là ban cho Trung Quốc một ân huệ từng mơ ước, chỉ với một điều kiện nho nhỏ.

Đối với Trung Quốc, đây là một cuộc "trình sát bằng hỏa lực" cần thiết. Cuộc hội đàm mang tính thực chất diễn ra vào hôm sau, tức ngày 24-9. Đối thủ của người đàn bà thép là một "công ty gang thép". Nói theo cách nói của tổng thống Mỹ Gioócgio Busơ thì "Khi hội kiến với người lãnh đạo nước ngoài, Đặng Tiểu Bình có một tài năng cao siêu là nắm vững tỷ lệ tối ưu giữa cứng rắn và linh hoạt".

Hôm đó, người đàn bà thép mặc bộ váy màu xanh pha chấm đỏ, đi giày cao gót bằng da đen, tay xách chiếc túi đen, cổ đeo chuỗi hạt ngọc, tỏ ra rất cao sang quý phái, tư thế đường hoàng. Bà ta được báo cho biết, trước hết sẽ gặp gỡ Đặng Dĩnh Siêu tại phòng Tân Cương trong giây lát, sau đó sẽ đến phòng Phúc Kiến cạnh đó để hội đàm với Đặng Tiểu Bình.

Rất lạ là, khi bà ta ra khỏi phòng Tân Cương đi tới phòng Phúc Kiến, đi được nửa đường vẫn chưa thấy bóng dáng Đặng Tiểu Bình. Cửa phòng Phúc Kiến vẫn đóng kín, hoàn toàn khác với quang cảnh vừa rồi, Đặng Dĩnh Siêu đã đứng sẵn trước cửa chờ đón một cách tôn trọng. Các nhà báo chú ý phát hiện thấy, nữ thủ tướng tuy vẫn bước

khoan thai, nhưng nét mặt đã có vẻ bồn khoăn nghi ngại: Tại sao vẫn chưa thấy chủ nhân ra đón?

Chủ nhân đã có ý định trước, không vội vàng ra đón nữ thủ tướng, cũng không tỏ ra quá lạnh nhạt với vị khách từ xa tới. Trong lúc người đàn bà thép đang nghi hoặc tiến cách cửa chừng hai mươi bước, cửa đột nhiên mở ra, Đặng Tiểu Bình tươi cười tiến lại nghênh tiếp, cùng khách bắt tay chào hỏi.

Cuối cùng đã gặp được nhân vật số 1 của Trung Quốc, người đàn bà thép nói: "Tôi là thủ tướng đương nhiệm đến thăm Trung Quốc, rất vui mừng được gặp Ngài".

Không ngờ, Đặng Tiểu Bình lại trả lời: "Vâng, tôi đã biết mấy thủ tướng nước Anh, nhưng những người đó đều đã không còn giữ chức. Hoan nghênh bà đến thăm!".

Đó vốn là một câu nói thực. Nhưng những người thích nghe và phỏng đoán suy diễn thì lại lấy đó làm chuyện cười. Cảm tưởng của người đàn bà thép lúc đó thế nào không ai được biết.

Sau vài câu thăm hỏi, đi vào vấn đề chính, các nhà báo được mời ra khỏi hội trường. Cuộc hội đàm diễn ra trong phòng kín nhưng trên khắp thế giới, người ta có thể theo dõi mọi chi tiết của cuộc hội đàm qua hình ảnh truyền trên vệ tinh, nghe được từng câu nói của hai nhân vật cỡ thế giới.

Người đàn bà thép ngồi nghiêm chỉnh, đã có phương án sẵn sàng, đưa ra con bài đã chuẩn bị sẵn, nhấn mạnh ba điều ước lịch sử, theo công pháp quốc tế vẫn có hiệu lực, sau năm 1997, nước Anh vẫn tiếp tục quản trị Hương Cảng.

Hương Cảng vốn là đất đai Trung Quốc, "cất nhượng" và "cho thuê" đều là các điều ước bất bình đẳng mà chính sách pháo hạm đế quốc đã gán ghép cho Trung Quốc. Nước Anh đã dựa vào những điều ước đó để chiếm hữu Hương Cảng hơn 100 năm, bây giờ lại nói đến tính hợp pháp của điều ước, đó chẳng phải là thách thức chủ quyền của Trung Quốc sao? Đặng nói danh thép: "Vấn đề chủ quyền không phải là vấn đề có thể thảo luận". "Hương Cảng là lãnh thổ Trung Quốc, chúng tôi nhất định sẽ thu hồi". Thời gian có thể định vào năm 1997, nhưng Đặng nhắc thủ tướng chớ nên hiểu lầm, đến lúc đó "Trung Quốc không chỉ thu hồi Tân Giới mà toàn bộ đảo Hương Cảng, Cửu Long".

Đã là đất đai của Trung Quốc, Trung Quốc có quyền thu hồi bất cứ lúc nào. Năm 1943, tại hội nghị Cairô, Tưởng Giới Thạch đã cùng Sôcsin và Rôdôven nghiêm túc thảo luận vấn đề trả lại Hương Cảng cho Trung Quốc. Sau khi Nhật đầu hàng, nước Anh đã chuẩn bị trả lại Hương Cảng cho Trung Quốc, sau vì có chiến tranh Quốc-Cộng nên tạm gác lại. Năm 1949, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đánh tới đảo Hải Nam, nhưng cuối cùng vẫn không vượt qua sông Thẩm Quyến. Từ đó đến hơn 30 năm sau, bất kỳ lúc nào Trung Quốc cũng có thể gây trở ngại cho Hương Cảng, nhưng trước sau chính phủ Trung Quốc không làm như vậy, ngược lại còn hết sức quan tâm đến sự phồn vinh ổn định của Hương Cảng. Từ 1962, Thủ tướng Chu Ân Lai thân tự phê chuẩn cho phép mỗi ngày có ba

chuyến tàu ra Hương Cảng, để bảo đảm cung cấp thực phẩm và rau quả cho Hương Cảng, ngay cả trong những năm có thiên tai cũng không hề gián đoạn. Trung Quốc luôn có ý giữ nguyên hiện trạng ở Hương Cảng vì sự tồn tại của Hương Cảng có lợi nhất định đối với Trung Quốc,

giúp Trung Quốc kiểm được ngoại tệ và quan sát ra thế giới. Mặt khác, là đo lực địa Trung Quốc thường xuyên không ổn định, chưa tìm ra biện pháp vừa thu hồi được chủ quyền, lại bảo đảm cho Hương Cảng giữ được phần vinh. Đặng nói là nhân dân Trung Quốc đã chờ đợi trong nhiều năm, đã chờ 33 năm rồi, nếu thêm 15 năm nữa là 48 năm, cộng với 100 năm trước kia là một thế kỷ rưỡi. Dù thấy Trung Quốc đã nhần nại lắm rồi, mà người Anh còn chưa biết điều, lại đề ra yêu sách tiếp tục quản trị nữa!

Đặng đặc biệt nhắc tới việc, hiện nay thời cơ để Trung Quốc thu hồi Hương Cảng đã đến. Năm 1945, Chính phủ Quốc dân đảng ký điều ước cho Liên Xô thuê Đại Liên. Lữ Thuận trong 30 năm, kết quả đến năm 1950, chỉ mới có 5 năm, nhân dân Trung Quốc đã đứng lên thu hồi. Đặng nói, nếu đến 1997 vẫn chưa thu hồi Hương Cảng thì coi như chính phủ Trung Quốc cũng như chính phủ Mãn Thanh, những người lãnh đạo Trung Quốc cũng như Lý Hồng Chương, không người lãnh đạo và chính phủ nào có thể ăn nói với nhân dân Trung Quốc, thậm chí có thể ăn nói với nhân dân thế giới, cần phải rút khỏi vũ đài chính trị, chứ không có cách lựa chọn nào khác. Câu nói đó là để nhân dân Anh thông cảm với khó khăn của chính phủ Trung Quốc không xác đáng bằng để nhắc nhở người Anh rằng Chính phủ Trung Quốc ngày nay không yếu đuối như chính phủ Mãn Thanh, những người lãnh đạo Trung Quốc cũng không quỳ gối cầu hòa như Lý Hồng Chương nữa. Nước Anh mạnh hơn Liên Xô bao nhiêu mà mới cho Liên Xô thuê 5 năm Trung Quốc đã đòi lại, trong khi Trung Quốc cho Anh thuê đã 90 năm mà vẫn chưa thu hồi là vì sao?

Đặng gợi ý cho nữ thủ tướng Anh: Trung Quốc thu hồi chủ quyền Hương Cảng, cũng có lợi cho nước Anh, vì nó tỏ ra rằng chính phủ Anh hiện nay đã triệt để từ bỏ sự thống trị thực dân, sẽ được dư luận thế giới đánh giá tốt. Người đàn bà thép thấy rằng, Trung Quốc bằng lòng thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề Hương Cảng vẫn là muốn lưu thể diện cho nước Anh. Vì thời đại đế quốc đã qua rồi, thuộc địa trên thế giới chỉ còn lại có Hương Cảng và Áo Môn. Trung Quốc đòi thu hồi Hương Cảng, không ai có thể nói gì được. Muốn thu hồi, chỉ cần thông báo là đủ, thậm chí cũng không cần thông báo nữa. Giống như Ấn Độ thu hồi vùng Goa, cứ đưa quân đội vào là được. Ngày nay, cùng ngồi đàm phán, đã là lịch sự lắm rồi, nước Anh còn đòi cò kè mặc cả gì nữa?

"Con bài chủ quyền" đã bị thua, người đàn bà thép liền chuyển qua nói chuyện lợi hại: Trung Quốc chẳng phải rất quan tâm đến chuyện phồn vinh của Hương Cảng đó sao? Nếu Trung Quốc thu hồi Hương Cảng, thì sẽ có hậu quả tai hại chứ không phải phồn vinh cho Hương Cảng. Điều đó sẽ không có lợi cho bốn hiện đại hóa của Trung Quốc!

Nói thực lòng, Đặng quyết định thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề Hương Cảng, một trong những mục đích là tiếp tục giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng. Dự tính đó bị người đàn bà thép nắm được. Nhưng Đặng nhắc nhở đối phương: Không thể nói rằng muốn giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng thì phải để Hương Cảng dưới sự quản trị của Anh. Sau khi thu hồi Hương Cảng, Trung Quốc sẽ tự có biện pháp tiếp tục giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng. Đó là một quốc gia hai chế độ, cho phép Hương Cảng giữ nguyên chế độ hiện hành ít nhất là 50 năm nữa.

Đặng nói thẳng thắn, triệt để: dù Hương Cảng có không giữ được phần vinh như trước thì cũng không có ảnh hưởng lớn đến sự phần vinh và bốn hiện đại của Trung Quốc. Đặng thừa nhận có thể có ảnh hưởng, nhưng người Anh nên biết rằng ảnh hưởng đó không lớn "Nếu Trung Quốc đặt sự thành công của bốn hiện đại hóa phụ thuộc vào sự phần vinh của Hương Cảng, thì bản thân quyết sách đó là sai lầm".

Còn có gì có thể ngăn trở Trung Quốc thu hồi Hương Cảng nữa? "Nếu nói như bà Thủ tướng là thu hồi Hương Cảng sẽ đem lại tai nạn thì chúng tôi sẽ dùng cảm dương dầu với tai nạn đó". Đặng không giấu giếm rằng tiến hành trao đổi qua con đường ngoại giao là để tránh tai nạn đó, nhưng ông nói rõ với phía Anh rằng: Trung Quốc còn nghĩ tới một vấn đề mà mình không muốn làm, đó là nếu quả có người không muốn hợp tác, toan tạo nên sự hỗn loạn ở Hương Cảng, thì Trung Quốc không thể không suy xét lại về thời gian và phương thức thu hồi Hương Cảng.

Mở đầu, bà Thatcher nêu lên đề mục đàm phán là vấn đề quy thuộc chủ quyền. Cuộc đàm phán diễn ra như vậy đã rất rõ là có lợi cho ai. David Trương nói: "Nếu Bắc Kinh công nhận tính hợp pháp của ba điều ước đó, thì cuộc đàm phán ngoại giao sau đó, hai bên sẽ giữ lập trường hoàn toàn khác nhau".

Đặng khéo léo phân vấn đề mà đối phương đưa ra thành ba điểm: Một là, vấn đề chủ quyền. Hai là, từ sau năm 1997 sẽ quản lý thế nào. Ba là, thời kỳ quá độ sẽ sắp xếp ra sao. Những gì phải đàm phán, những gì không phải đàm phán. Đặng một lần nữa tỏ rõ "tài năng cao siêu trong việc nắm vững tỷ lệ tối ưu giữa cứng rắn và linh

hoạt" : "Vấn đề chủ quyền là không thể đàm phán, năm 1997 Trung Quốc sẽ thu hồi toàn bộ Hương Cảng. Còn phương pháp thu hồi như thế nào, chúng tôi quyết định đàm phán".

Đàm phán như vậy có ba điều lợi đối với Trung Quốc: 1) Hết sức tránh vì thu hồi chủ quyền mà gây ảnh hưởng xấu cho sự phồn vinh của Hương Cảng; 2) Tranh thủ sự hợp tác của Anh trong thời kỳ quá độ, có lợi cho việc giữ quan hệ bình thường với Anh sau khi thu hồi; 3) Đặt cơ sở cho việc giải quyết vấn đề Đài Loan.

Phía Anh có thể không có hứng thú về việc giải quyết cuộc đàm phán như vậy. Hương Cảng hiện nằm trong tay họ, ít nhất họ cũng có thể đối phó một cách tiêu cực. Tiếp đó, Đặng đưa ra thời gian biểu đàm phán: Không quá một, hai năm, Trung Quốc sẽ chính thức tuyên bố quyết định thu hồi Đài Loan. "Chúng tôi có thể đợi một hai năm sau sẽ tuyên bố, nhưng không thể kéo dài thời gian thêm nữa". Xem ra, nước Anh muốn dùng chiến thuật kéo dài thời gian cũng không được nữa.

Nếu đàm phán thuận lợi, cùng hợp tác tốt đẹp, Đặng tỏ ý sẽ suy xét đầy đủ tới lợi ích của Anh. Thời kỳ quá độ sẽ xếp sắp ra sao, Đặng muốn biết ý kiến của phía Anh. Sau năm 1997, người Anh có thể ở lại Hương Cảng với tính cách cố vấn, còn có thể được hưởng điều kiện tối huệ cho việc buôn bán và đầu tư.

Mọi điều kiện tốt xấu Đặng đều nói trước rõ ràng. Nếu hai bên Trung - Anh đàm phán không đi tới kết quả thì làm thế nào? Đặng đã nói rõ: Trung Quốc không thể không suy xét lại về thời gian và phương thức thu hồi Hương Cảng. Điều đó tất nhiên sẽ không có gì tốt đối với Anh.

Bên ngoài bình luận về lần hội đàm này: Bà Thátchơ thì đưa hết mọi đe dọa, còn Đặng Tiểu Bình thì dấu kim trong bông. Sau khi hội đàm, bà Thátchơ lặng lẽ ra khỏi cửa, nét mặt căng thẳng. Khi bà ta bước xuống thềm Đại hội đường nhân dân, chỉ còn một bậc nữa, vì không thận trọng để giày cao gót vấp phải bậc đá, mất thăng bằng, ngã xoài xuống phía dưới, văng cả giày và túi sang một bên. May mà chỗ đó đã là đất bằng, ngã không mạnh lắm, tả hữu vội chạy đến đỡ bà ta dậy.

Đặng đã đả phá lý luận về "sự hợp pháp của ba điều ước", giành quyền chủ động về mình, xác định được nội dung thảo luận về vấn đề Hương Cảng". Hai phía Trung-Anh tiếp tục trao đổi về vấn đề này qua con đường ngoại giao với tiền đề Trung Quốc sẽ thu hồi Hương Cảng vào năm 1997, bàn việc giải quyết vấn đề quá độ trong 15 năm và tình hình Hương Cảng sau năm 1997.

Người đàn bà thép đúng là thép, tuy trong hiệp đầu chịu lép, nhưng vẫn không ngừng biện luận về chủ quyền Hương Cảng. Trong nửa năm, cuộc đàm phán của hai bên không tiến triển, người đàn bà thép biết rằng đàm phán không tiến triển cũng không có lợi gì cho Anh. Đến tháng 3-1983, bà ta viết thư cho thủ tướng Trung Quốc, nói bà ta chuẩn bị đề nghị với quốc hội 'trao trả toàn bộ chủ quyền Hương Cảng cho Trung Quốc.

Ngày 13-7-1983, bà Thátchơ lại tới Trung Quốc, hai đoàn đại biểu bắt đầu hội đàm vòng đầu. Kế hoạch cũ dự định đàm phán trong hai năm, nay đã sắp hết 1 năm, Đặng đã có phần nôn nóng. Mong mỗi đùng chính sách "một quốc gia, hai chế độ", giải quyết vấn đề Đài Loan, nếu giải quyết vấn đề Hương Cảng đã khó thế này, thì làm

sao được. Đến khi vòng hội đàm thứ hai bắt đầu, Đặng chỉ thị cho đoàn đại biểu Trung Quốc: chỉ cho phép thành công, không cho phép thất bại.

Nhưng phía Anh vẫn kiên trì đòi sau năm 1997 vẫn quản trị Hương Cảng, chuyển chủ quyền thành trị quyền. Đến vòng đàm phán thứ tư vẫn không tiến triển. Tháng 9-1983, Đặng lại hội kiến cựu thủ tướng Anh, nói rõ Anh muốn đổi chủ quyền sang trị quyền là không thể được. Trung Quốc đòi thu hồi chủ quyền hoàn chỉnh, trị quyền là biểu hiện cụ thể của chủ quyền, không có trị quyền thì còn gọi là chủ quyền gì nữa? Trị quyền có thể trao cho người Hương Cảng chứ không thể trao cho người Anh. Nếu không như vậy thì không phải là một quốc gia hai chế độ mà biến thành "hai quốc gia hai chế độ" rồi. Đặng khuyên phía Anh thay đổi thái độ để tránh tình hình đến tháng 9-1994 Trung Quốc sẽ phải đơn phương công bố phương châm chính sách giải quyết vấn đề Hương Cảng. Đương nhiên, để cho hội đàm thành công, phía Trung Quốc cũng phải tỏ ra có tính linh hoạt tương ứng.

Phía Anh đành nhượng bộ, thừa nhận việc đàm phán cần đặt trên cơ sở sau năm 1997, toàn bộ chủ quyền ở Hương Cảng được trao trả Trung Quốc. Anh Quốc phải bỏ chủ trương ba điều ước vẫn còn hiệu lực thì không còn gì nhiều để mặc cả nữa. Từ vòng hội đàm thứ 7 vào tháng 12-1983, cuộc hội đàm bắt đầu đi vào quỹ đạo do Đặng thiết kế.

Hai năm đàm phán, tuy mất một năm sa lầy vào vấn đề chủ quyền, nhưng nhìn chung lại, do Đặng ngay từ đầu đã giữ vững nguyên tắc không thảo luận vấn đề chủ quyền, nên tiến trình đàm phán được khống chế rất tốt. Tháng 9-1984, vừa đúng hết kỳ hạn hai năm do Đặng quy

định. Trung-Anh đạt được tuyên bố chung, xác nhận từ 1-7-1997, Trung Quốc khôi phục chủ quyền ở Hương Cảng. Điều ước bất bình đẳng hơn 100 năm trước cuối cùng đã bị Đặng Tiểu Bình xoá bỏ.

6.5. ĐẶNG NÓI VỚI NGƯỜI ANH: CÁI GỌI LÀ "GHẾ BA CHÂN" TRƯỚC KIA, CHÚNG TÔI KHÔNG THỪA NHẬN. CHÚNG TÔI CHỈ THỪA NHẬN HAI CHÂN, KHÔNG CÓ BA CHÂN

Tháng 5-1984, Hương Cảng lập pháp, các nghị viện của Cục Hành Chính là Chung Sĩ Nguyên gồm 9 người sang Anh du thuyết, tại sân bay đã ra một bản tuyên bố mất thể diện. Chưa hết, Chung Sĩ Nguyên, Đặng Phùng Như, Lợi Quốc Vĩ lại cùng nhau đến thăm Bắc Kinh, làm ra vẻ "đại biểu cho dân".

Ngày 22-6, Đặng Tiểu Bình tiếp kiến ba vị nghị viên của hai viện tại Phòng Tứ Xuyên của Đại Hội Đường nhân dân. Trước khi hội đàm, không chụp ảnh lưu niệm với ba vị, cũng không bước ra ngoài bắt tay chào. Khi hội đàm, Đặng không nói chuyện phiếm với họ, cũng không nói lời khách khí, mà nói thẳng ngay: "Tôi hoan nghênh các ông đến Bắc Kinh với tư cách cá nhân. Nghe nói các ông có nhiều ý kiến, tôi muốn được nghe."

"Với tư cách cá nhân", Chung Sĩ Nguyên thấy cách nói có ý riêng, vội nói rõ ba người họ là nghị viên của hai viện hành chính, lập pháp Hương cảng, không phải là quan chức lần đầu tới thăm quan Bắc Kinh. Khi nói tới "không phải là quan chức", Chung tỏ ý nhấn mạnh, họ không phải là đại diện của chính quyền Hương Cảng.

Đặng khăng định ba người họ "đến thăm quan Bắc Kinh", lợi dụng dịp này để tìm hiểu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, tìm hiểu dân tộc Trung Hoa là rất tốt. Sau đó, ông nói thẳng: Trong cuộc đi Luân Đôn mới đây của các ông, chúng tôi đều hiểu rõ tình hình. Các ông có thể nói những gì các ông muốn, nhưng tôi cần nói một câu: Phương châm, lập trường và chính sách của Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là kiên định không thay đổi, dù có bao nhiêu người hiểu rõ và tán đồng lập trường đó, chúng tôi tin rằng nó phù hợp với lợi ích của 5 triệu dân Hương Cảng. Chúng tôi đã nghe thấy những ý kiến khác nhau của những người có quan điểm khác nhau nhưng chúng tôi không cho rằng những ý kiến đó là đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân Hương Cảng. Các ông đã rõ cuộc đàm phán Trung-Anh. Cuộc đàm phán Trung-Anh, chúng tôi sẽ giải quyết với nước Anh, không thể có ai can thiệp. Cái gọi là "ghế ba chân" trước kia, chúng tôi không thừa nhận, chúng tôi chỉ thừa nhận hai chân, không có ba chân.

Đặng Tiểu Bình nhiều lần nói, biện pháp giải quyết vấn đề Hương Cảng phải làm sao để cả ba bên Anh, Trung Quốc và Hương Cảng đều có thể tiếp thu. Phía Anh nắm lấy câu đó, nhiều lần đề xuất cần để các quan chức trong chính quyền Hương Cảng tham gia cuộc đàm phán giữa hai nước Trung-Anh. Chính quyền và nhân dân Hương Cảng cũng có người hưởng ứng. Người Hương Cảng gọi đề xuất đó của Anh là trò chơi "ghế ba chân".

"Ghế ba chân" có lợi cho ai là điều rất rõ ràng. Nước Anh quản lý Hương Cảng hơn 100 năm, cho đến trước 1-7-1997, Hương Cảng vẫn còn thuộc quyền họ, chính quyền Hương cảng phải nghe theo lệnh của mẫu quốc thực dân.

Với ưu thế đó, nước Anh hoàn toàn có thể chọn những người trung thành với họ trong chính quyền và nhân dân Hương Cảng. Họ tự cho mình là đại biểu của nhân dân Hương Cảng, nhưng thực tế sẽ đứng về phía Anh. Nếu cho phép người Hương Cảng tham gia đàm phán, dù với tư cách bên thứ ba hay với tư cách một bộ phận của đoàn Anh, cũng đều làm tăng thêm sức nặng cho đoàn Anh, hình thành cục diện "hai chọi một" bất lợi cho Trung Quốc, khiến Anh có nhiều cơ hội và quyền lực để cò kè mặc cả với Trung Quốc.

Người Trung Quốc tỉnh táo không thể bị mắc lừa. Ngay từ vòng đàm phán Trung-Anh lần thứ hai, toàn quyền Hương Cảng đã hăng hái tình nguyện tham gia đàm phán thay mặt nhân dân Hương Cảng. Trung Quốc từ chối, không chấp nhận yêu cầu đó. Tháng 4-1992, hai nước Trung-Anh bàn bạc về vấn đề bầu cử năm 1994, 1995 ở Hương Cảng, phía Anh lại đề xuất, cử một đoàn đại biểu do đại sứ Anh ở Trung Quốc cầm đầu, gồm ba quan chức chính quyền Hương Cảng và một quan chức ngoại giao Anh làm thành viên cùng tham gia hội đàm, và yêu cầu phía Trung Quốc xác nhận những quan chức của Anh và của Hương Cảng không khác gì nhau. Phía Trung Quốc đòi phải phân biệt: chỉ cho phép quan chức Hương Cảng tham gia với tư cách cố vấn hoặc chuyên gia mà thôi.

Về thời kỳ quá độ, toàn quyền Anh đưa ra "phương án cải cách chính trị", càng cao giọng chơi trò "ghế ba chân". Khi phía Trung Quốc không tiếp thu, nhà đương cục Anh ở Hương Cảng đưa ra trò "trưng cầu dân ý" toàn dân Hương Cảng về "phương án cải cách chính trị", và đe dọa sẽ đưa ra Viện lập pháp thông qua. Trung Quốc cho rằng vấn đề

thứ nhất là cho một số người ở khu vực nhỏ quyết định về một vấn đề có tính toàn quốc (tức chủ quyền của Trung Quốc), vấn đề thứ hai là cho Cục lập pháp địa phương Hương Cảng đề lên trên cuộc hội đàm của hai nước Trung-Anh. Lý lẽ rất giản đơn: căn cứ hiệp nghị Trung-Anh, vấn đề Hương Cảng trước năm 1997 là việc của hai nước Trung-Anh, chính quyền Hương Cảng chẳng qua chỉ là một chính quyền thực dân địa phương, chỉ có trách nhiệm chấp hành hiệp nghị giữa hai nước, không thể có địa vị ngang hàng với hai nước chủ quyền, nhúng tay vào cuộc đàm phán cấp chính phủ giữa hai nước.

Gạt chính quyền và nhân dân Hương Cảng sang một bên không có nghĩa là không tôn trọng phía Hương Cảng, phủ nhận sự tồn tại của cái chân đó, mà là để giành lấy "con bài dân ý" của Anh, hạn chế vấn đề Hương Cảng trong quan hệ ngoại giao Trung-Anh. Với vấn đề Đài Loan, Đặng nhấn mạnh nhất định không để nước ngoài nhúng tay vào, khi đã nhúng tay vào thì vấn đề sẽ trở nên phức tạp, sức nặng của phía Đài Loan sẽ tăng lên. Vấn đề Hương Cảng ngược lại, không thể để cho người Hương Cảng nhúng vào, nhúng vào thì lại gây phức tạp, làm tăng thêm sức nặng cho phía Anh. Hai nước Trung-Anh cùng thảo luận vấn đề Hương Cảng trong phạm vi ngoại giao thì Anh không có bao nhiêu đề tài để mặc cả. Nếu họ gây khó khăn, thái độ quá cứng rắn họ sẽ đứng trước mối nguy làm tan vỡ quan hệ bình thường giữa hai nước. Người Anh vốn giỏi tính lợi hại, sẽ phải nghĩ rằng: chỉ vì vấn đề Hương Cảng mà làm hỏng quan hệ với một nước Trung Quốc lớn như vậy, có thị trường rộng rãi như vậy thì có lợi

gì. Các nhà chính trị của Đảng Bảo thủ Anh nói chung sẽ không lựa chọn con đường đó. Mặc cả thì vẫn cứ mặc cả, nhưng phải lấy quan hệ giữa hai nước làm giới hạn, vì vậy, cuối cùng họ sẽ phải nhượng bộ. Còn đối với "chân" còn lại là Hương Cảng thì sẽ giải quyết ra sao, Chính phủ Bắc Kinh sẽ dùng phương thức khác để nói chuyện với họ, để họ phát huy tác dụng cần có. Điều đó không liên quan gì tới nước Anh, mà là việc nội chính của Trung Quốc.

Ngày 22-3-1993, khi trả lời trên vô tuyến truyền hình, toàn quyền Anh tuyên bố sẽ trao trách nhiệm quản trị Hương Cảng cho người Hương Cảng. Lời nói đó thoát nghe có vẻ tốt: Người Hương Cảng cai trị người Hương Cảng mà! Nhưng người Hương Cảng là những ai? Hương Cảng là một xã hội đa dạng, mỗi người một khác, trong đó không loại trừ có những phần tử thân Anh. Đặng hy vọng có thể "chọn được những người tốt trong đó để quản lý Hương Cảng". Vì vậy, ông tích cực ủng hộ người Hương Cảng tham gia quản lý cùng với chính quyền Hương Cảng trong thời kỳ quá độ, chọn những nhân sĩ có tiếng ở Hương Cảng mời vào Đoàn Chủ tịch Hội hiệp thương chính trị (Tổ chức Mặt trận thống nhất của Trung Quốc-ND) và Quốc hội, mời các nhà báo Hương Cảng đến thăm Bắc Kinh, mời các đoàn đại biểu Hương Cảng đến thăm Bắc Kinh dự lễ quốc khánh, đi thăm các địa phương ở Trung Quốc, ủng hộ họ đầu tư vào đại lục, ca ngợi hành động yêu nước của họ, cùng họ trò chuyện, chụp ảnh kỷ niệm... Tất cả những việc làm đó là để cho "cái chân thứ ba" đứng về phía Trung Quốc trong cuộc độ sức Trung-Anh, đồng thời chuẩn bị cho công việc sau năm 1997.

6.6. NGƯỜI HƯƠNG CẢNG QUẢN TRỊ HƯƠNG CẢNG, TRƯỚC HẾT LOẠI TRỪ VIỆC NGƯỜI ANH TIẾP TỤC QUẢN TRỊ HƯƠNG CẢNG

Đường hướng chính thể để Đảng Tiểu Bình giải quyết vấn đề Hương Cảng là căn cứ trên hai điểm: thu hồi chủ quyền, giữ gìn phồn vinh.

Quyền quản trị là biểu hiện cụ thể của chủ quyền. Sau khi thu hồi chủ quyền, quyền quản trị trao cho ai? Nếu trao cho người Anh hoặc bất kỳ người nước ngoài nào khác thì mâu thuẫn với nguyên tắc chủ quyền của Trung Quốc. Nếu Bắc Kinh cử người đến tiếp quản thì không có lợi cho sự phồn vinh và ổn định. Kết luận chỉ có thể là "người Hương Cảng quản trị Hương Cảng".

Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng trước hết loại trừ việc người Anh tiếp tục quản trị Hương Cảng.

Thế nào là người Hương Cảng? Chủ yếu là "Người Trung Quốc ở Hương Cảng", nhưng cũng không loại trừ người nước ngoài kể cả người Anh. Huyết thống không thay đổi được, nhưng quốc tịch có thể thay đổi. Những người có quốc tịch Anh hoặc quốc tịch khác, nếu có được tư cách là cư dân Hương Cảng thì có thể tham dự việc người Hương Cảng quản trị Hương Cảng. Họ chiếm tỷ lệ bao nhiêu ở Hương Cảng là thứ yếu, nhưng tham dự đến mức nào lại cần được nghiên cứu kỹ. Phía Anh yêu cầu những quan chức nước ngoài có chứng minh thư Hương Cảng đều có thể đảm nhiệm "là viên chức, thậm chí quan chức cao

nhất trong hệ thống chính quyền". Ai cũng biết rằng, chứng minh thư Hương Cảng trước năm 1997 thì phía Anh rất dễ dàng tạo ra. Phía Trung Quốc đưa ra một hạn chế, chỉ cho phép họ làm cố vấn hoặc một số ngành trong chính quyền "cao nhất là cấp phó ty" mà thôi. Cố vấn thì không có quyền lực hoặc chỉ có quyền kiến nghị, không có quyền quyết định. Ty là một cấp dưới bộ, chính quyền hành chính đặc biệt của Hương Cảng trực thuộc chính phủ trung ương, tương đương với cấp bộ, cấp ty là dưới bộ, lại thêm chữ "phó" nữa, chính là tương đương với nhiều thủ lĩnh đảng phái dân chủ và nhân sĩ dân chủ ngoài đảng đã từng giữ chức thời kỳ đầu lập nước. Máu đào tất nhiên là hơn nước lã, nếu để người nước ngoài đảm nhiệm quan chức cao nhất có thể sẽ tác động đến tình hình Hương Cảng, có thể gây nên hiện tượng khách đoạt quyền chủ, làm cho người Hương Cảng quản trị Hương Cảng biến thành người Anh hoặc người nước ngoài quản trị Hương Cảng, làm yếu chủ quyền của Trung Quốc. Người Anh hoặc người nước ngoài tham dự việc người Hương Cảng quản trị Hương Cảng, cần phải ghi nhận rằng tư cách chính trị của họ khác với trước kia, không còn là quan chức của nước mẹ phái đến, mà là cố vấn hoặc người được thuê do chính phủ Trung Quốc mời đến. Nước Anh là một nước ngoài, có thể phái lãnh sự đến Hương Cảng cũng như các nước khác, còn lại cơ cấu vượt khuôn khổ như kiểu "chuyên viên của nước Anh" thì không thể chấp nhận được. Người Hương Cảng sống nhiều năm dưới sự thống trị thực dân của Anh, bỗng nhiên thấy mình được làm chủ, lúc đầu chưa đủ tự tin. Đặng khuyến khích họ: "Cần phải tin rằng người Trung Quốc ở Hương Cảng có

thể quản trị tốt Hương Cảng". Nếu không đủ năng lực, có thể xin chính phủ trung ương giúp đỡ, có điều "không thể tiếp tục để người nước ngoài thống trị"¹.

Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng cũng loại trừ việc Bắc Kinh cử người đến tiếp quản.

Đảng công khai tuyên bố: "Bắc Kinh ngoài việc cử quân đội tới, không cử cán bộ tham gia vào chính quyền đặc khu... cử quân đội là để duy trì sự an toàn cho đất nước, mà không phải để can dự vào công việc nội bộ của Hương Cảng"² xưa nay, sau khi đường lối chính trị đã được xác định, cán bộ là nhân tố quyết định. Đảng Cộng sản có thể thực hiện sự lãnh đạo trên đất nước rộng lớn như vậy, điều then chốt là nhờ có một đội ngũ cán bộ đông đảo, và đội ngũ đó do các cấp lãnh đạo đảng từ trên xuống dưới nắm vững. Tương lai, không cử cán bộ đến Hương Cảng, không có hệ thống tổ chức đảng, đúng là một đặc điểm khác biệt lớn giữa khu vực hành chính đặc biệt Hương Cảng với các tỉnh, thậm chí với các khu tự trị. Sở dĩ làm như vậy là để giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng. Sự thành công về kinh tế trước kia của Hương Cảng là do nó là một cảng tự do. Vì vậy, Hương Cảng tương lai muốn tiếp tục thành công trong cuộc cạnh tranh kinh tế giữ được địa vị là trung tâm đứng hàng thứ ba thế giới về tài chính và mậu dịch, để tạo thuận lợi cho công cuộc cải cách và mở cửa của đại lục, thì không thể bị sự gò bó nghiêm ngặt của chính phủ Trung ương, mà cần có quyền tự trị địa phương ở mức cao.

1. 2.Đặng tuyển, Quyển III, tr. 60-61, 58.

Nhưng phần vinh không làm nguy hại cho ổn định, không thể đi tới chỗ khiến chính phủ trung ương không khống chế được. Điều này có liên quan tới việc trong tương lai, giữa chính phủ trung ương và đặc khu có sự phân chia quyền lực sao cho thỏa đáng. Do đó, Đặng đã tự mình lãnh đạo việc hoạch định bộ luật cơ bản cho Hương Cảng:

Hương cảng có thể tiếp tục duy trì kết cấu kinh tế đặc biệt cùng với chế độ xã hội, lối sống và mức sống của mình bao gồm quyền sở hữu tài sản, quyền tự do ngôn luận, quyền di chuyển cư trú, quyền lập hội, tín ngưỡng tôn giáo và quyền bãi công như hiện nay. Những quyền đó đều được pháp luật bảo vệ.

Tài chính độc lập: Giấy bạc vẫn do Ngân hàng Hội Phong phát hành, không phụ thuộc vào Nhân dân tệ, ngược lại vẫn giữ liên hệ với tiền tệ quốc tế, được tự do chuyển đổi: không bị quản chế về ngoại hối, tự do chuyển vốn ra vào; giữ nguyên thể chế ngoại thương; không phải đóng góp quỹ quốc phòng... Tóm lại, tiếp tục giữ Hương Cảng là một cảng tự do, khu độc lập về thuế quan và trung tâm tài chính.

Hương Cảng có thể có quyền đối ngoại thích đáng, có thể đơn độc phát triển quan hệ đối ngoại, nhưng chỉ là quan hệ kinh tế, văn hóa. Chính quyền Hương Cảng có thể gia nhập các tổ chức quốc tế hữu quan, thậm chí tham gia các điều ước quốc tế, còn có thể phái đại biểu thường trú về mặt địch và bộ máy đại lý kinh tế ở các nước khác. Nhưng khi Hương Cảng ký kết hiệp nghị với các nước, các khu vực và tổ chức quốc tế, cần sử dụng tên "Hương Cảng Trung Quốc". Hương Cảng ngoài việc treo quốc kỳ và quốc huy của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, còn có thể

treo cờ và huy hiệu của khu hành chính đặc biệt, để tiện cho việc giữ gìn và phát triển quan hệ mật địch quốc tế với tư cách độc lập.

Chính phủ Trung ương có quyền cử quân đội ra đóng tại Hương Cảng, nhưng quân đồn trú chỉ phụ trách việc an toàn quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của Hương Cảng. Việc trị an xã hội của Hương Cảng do chính quyền địa phương tổ chức ra cảnh sát để giữ gìn. Chính quyền địa phương không được giữ lại lực lượng vũ trang hiện nay (quân Anh), càng không được mua vũ khí của nước ngoài. Nhưng lực lượng cảnh sát và bảo an cũ (các đoàn đội ở Hương Cảng) thì có thể giữ lại.

Như vậy, ngoài việc ngoại giao và quốc phòng do chính phủ Trung ương quản lý, Hương Cảng có quyền tự trị cao độ.

Sau khi chủ trương "lấy chủ quyền đổi lấy tự trị" của Anh bị thất bại, họ muốn kiếm chuyện trong quyền tự trị của Hương Cảng, nên tỏ ra không hài lòng với "tự trị cao độ" mà muốn gọi là "tự trị với mức độ lớn nhất". Rõ ràng, mức độ tự trị của Hương Cảng với chính phủ Trung ương càng cao thì càng có lợi cho Anh là người nước ngoài. Cái gọi là "tự trị với mức độ lớn nhất" rõ ràng là phản đối đặc khu Hương Cảng trực thuộc chính phủ trung ương, khiến nó biến thành một thực thể chính trị độc lập hoặc nửa độc lập. Như vậy, nước Anh có thể lợi dụng cơ sở của họ ở Hương Cảng để phân hưởng một phần quyền quản trị, làm cho tình hình "người Hương Cảng quản trị Hương Cảng" bị bớt xén.

Đặng Tiểu Bình đồng ý "tự trị cao độ" nhưng phản đối "hoàn toàn tự trị", vì tự trị bao giờ cũng là tương đối, có

giới hạn. "Tự trị hoàn toàn" thì sẽ trở thành một thực tế chính trị độc lập. "hai chế độ" mà không phải trong "một quốc gia" nữa.

Quyền "tự trị cao độ" có giới hạn là có tính cơ giản, chế độ pháp luật hiện hành cơ bản không thay đổi, chứ không phải hoàn toàn không thay đổi. "Cơ bản" tức là rất có tính cơ giản, vừa thay đổi vừa không thay đổi, trong sự không thay đổi lại có sự thay đổi. Thay đổi nhiều hay ít, thay đổi như thế nào là tùy thuộc vào tình hình chính trị và hoàn cảnh diễn biến sau này.

Hương Cảng có cơ quan tư pháp độc lập, ít nhất là có tòa án hai cấp. Quyền chung thẩm cần thiết theo trình tự pháp luật có thể không cần đưa lên Bắc Kinh, điển này hầu như không khác với các tỉnh và thành phố khác. Trong quốc hội toàn quốc sẽ có khoảng 50 đại biểu Hương Cảng, trực tiếp thay mặt cho Hương Cảng. Còn ở Hương Cảng, có thể có tổ chức giống như Đại hội đại biểu nhân dân, đóng vai trò cơ quan quyền lực và cơ quan lập pháp tối cao của Hương Cảng. Nó có quyền căn cứ vào luật cơ bản về Hương Cảng do Quốc hội toàn quốc ban bố để định ra pháp luật địa phương, và Quốc hội toàn quốc cũng căn cứ vào luật cơ bản về Hương Cảng để giải thích pháp luật địa phương của Hương Cảng. Như vậy, sau 1997, trên thực tế, Hương Cảng chỉ tự trị dưới sự lãnh đạo của cơ quan lập pháp Trung ương, không có sự lãnh đạo của đảng, cũng không có sự can dự của cơ quan hành chính cấp trên. Quan hệ về quyền lực giữa trung ương và địa phương dựa trên luật cơ bản nhưng luật cơ bản phải phục tùng hiến pháp. Theo quy định trong điều 89 của hiến pháp, Quốc Vụ viện có quyền hủy bỏ những quyết định, và phủ định không

thích hợp của cơ quan quyền lực các cấp. Đó, là giới hạn trên của quyền "tự trị cao độ".

Vì "tự trị cao độ" là có giới hạn nên sự can dự của chính phủ trung ương không thể nhất luật loại trừ.

Đặng ra sức bác bỏ cách nhìn nhận cho rằng "việc ở Hương Cảng hoàn toàn do người Hương Cảng quản lý, trung ương không hề quản lý gì thì mọi việc sẽ yên". Ông nói: "Trung ương không can dự vào những công việc cụ thể của khu hành chính đặc biệt, cũng không cần thiết phải can dự. Nhưng khu hành chính đặc biệt có thể có những việc gây nguy hại cho lợi ích quốc gia không?" (chẳng lẽ không thể có sao? Lúc đó, Bắc Kinh có cần hỏi han tới không?). Nếu Trung ương từ bỏ mọi quyền lực, thì sẽ xuất hiện hỗn loạn, thậm chí động loạn. Nếu xảy ra động loạn, chính phủ trung ương sẽ phải can dự. Đạp loạn để đưa lại trị an, việc can dự như thế cần được hoan nghênh chứ không nên cự tuyệt".

Đặng khuyến cáo các nhân sĩ Hương Cảng lo ngại việc can dự: Mọi người hãy thử bình tâm suy nghĩ, Hương Cảng có lúc nào có thể xuất hiện tình hình nếu không có sự can dự của Bắc Kinh thì không thể giải quyết được không? Trước kia Hương Cảng nếu xảy ra vấn đề gì đã có nước Anh đứng ra! Nhất định sẽ có một số việc nếu không có Trung ương thì Hương Cảng không thể giải quyết được. Thí dụ sau năm 1997, Hương Cảng có người chủi rửa Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủi rửa Trung Quốc, chúng tôi còn có thể để họ chủi, nhưng nếu biến thành hành động, muốn biến Hương Cảng thành một căn cứ mang chiêu bài "dân chủ" để chống đại lục, thì sẽ làm thế nào? Như vậy, không thể không can dự.

Đối tượng can dự là với những việc gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, bao gồm lợi ích của bản thân Hương Cảng. Còn việc can dự do chính phủ địa phương quyết định và tiến hành, trong phạm vi tự trị, thì không gọi là can dự của trung ương. Những việc can dự của trung ương có thể tiến hành theo trình tự sau:

1. Phát sinh một sự kiện, Trung ương và địa phương có cách đánh giá khác nhau, địa phương cho rằng không cần thiết phải can dự, Trung ương cảm thấy cần phải can dự. Như vậy, Trung ương sẽ thông qua phương pháp hành chính hoặc pháp luật ra lệnh cho địa phương can dự, và chính quyền địa phương nghe theo. Đó là loại can dự gián tiếp bằng pháp luật.

2. Nếu địa phương chống lại lệnh của trung ương, không chịu can dự, thì lúc đó chính phủ trung ương phải trực tiếp đứng ra can dự, thí dụ phái người ra đốc thúc địa phương, trực tiếp truyền đạt mệnh lệnh can dự.

3. Nếu thủ đoạn pháp luật không thu được hiệu quả, chỉ huy bằng hành chính không được, có nguy cơ xảy ra mất điều khiển giữa trung ương với địa phương, thì trung ương sẽ dùng quân đồn trú tiến hành can dự bằng vũ trang cho tới khi dẹp yên sự kiện, sau đó sẽ có thay đổi về nhân sự và điều chỉnh về chính sách.

Những điều đó là đưa ra những hạn định về quyền tự trị cao độ trên thực tế.

Sự can dự và hệ thống khống chế mà Đặng thiết kế, bao gồm ba cấp độ dưới đây:

1) Sự ước thúc về pháp luật: Đặc khu chịu sự ước thúc của luật cơ bản, đặc biệt thế nào cũng không ra ngoài luật

cơ bản, mà luật cơ bản lại bị hiến pháp quốc gia chi phối, có quyền điều chỉnh, sửa đổi.

2) Can dự về hành chính. Xét tới tính đặc thù của đặc khu, Bắc Kinh không cử cán bộ, không có các tổ chức đảng đoàn địa phương giữ tác dụng chiến đấu, phạm vi và hiệu quả của can dự hành chính tất có hạn và phần nhiều là phối hợp với thủ đoạn pháp luật.

3) Uy hiếp và can dự bằng quân sự. Chủ yếu là uy hiếp, tức là vào thời bình, quân đồn trú tuy không huy động, nhưng vẫn có tác dụng tăng cường rất lớn đối với pháp luật và hành chính, do đó giảm khả năng phải động binh. Nhưng trong tình hình can dự bằng pháp luật và hành chính đều không có kết quả, thì không thể không sử dụng biện pháp quân sự.

Có thể khẳng định, nếu không phải là vạn bất đắc dĩ thì không huy động quân đồn trú. "Chỉ khi phát sinh động loạn, đại động loạn thì mới huy động quân đồn trú"¹. Huy động quân đội có thể tạo nên uy hiếp nghiêm trọng đối với mô thức một quốc gia hai chế độ. Muốn hết sức tránh hình thức cực đoan là huy động quân đội, đạt tới mục đích trị an lâu dài mà không dùng tới quân đội, thì ngoài sự ước thúc về pháp luật, kế sách căn bản vẫn là chọn lựa người về mặt chính trị.

"Do người Hương Cảng chọn ra những người quản lý Hương Cảng, được chính phủ trung ương uỷ nhiệm, mà không phải do Bắc Kinh cử đến." Như vậy, khiến việc chọn người trở nên vô cùng quan trọng, mà cần có nghệ thuật cao nữa.

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 221.

Hương Cảng không có cán bộ do trung ương trực tiếp cử đến, càng không có tổ chức đảng đoàn địa phương, để người Hương Cảng tự trị. Nhưng người Hương Cảng khó có thể nhất trí với trung ương về mọi mặt, thậm chí còn tồn tại thế lực thân Anh chống Trung Quốc. Nếu không nhất trí với Trung ương về nguyên tắc lớn, thì sẽ có mối nguy mất điều khiển, quyền lực ở Hương Cảng rơi vào tay những phần tử chống Trung Quốc thì sẽ khó giải quyết. Do đó, "người Hương Cảng quản trị Hương Cảng có giới tuyến và tiêu chuẩn"¹.

Giới tuyến, đương nhiên không phải là đường lối giai cấp, mà là mặt trận thống nhất yêu nước "Cần phải do người Hương Cảng yêu nước làm chủ để quản trị Hương Cảng"².

Thế nào là người yêu nước? Định định ra tiêu chuẩn là: "Tôn trọng dân tộc mình, thành tâm thành ý ủng hộ việc Tổ quốc khôi phục và sử dụng chủ quyền ở Hương Cảng, không gây tổn hại cho sự phồn vinh và ổn định của Hương Cảng. Chỉ cần những điều kiện đó, còn thì dù họ có tin theo chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phong kiến hoặc thậm chí chế độ nô lệ, vẫn đều là người yêu nước." Định rõ ràng loại bỏ tiêu chuẩn tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, "chúng ta không yêu cầu họ đều tán thành chế độ xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc, chỉ yêu cầu họ yêu Tổ quốc, yêu Hương Cảng"³.

Yêu nước, yêu Hương Cảng, nói cụ thể là không làm những việc gây tổn hại cho lợi ích của Tổ quốc và đồng bào

1, 2 3. Đặng tuyến, Quyển III, tr. 61.

Hương Cảng. Cụ thể hơn nữa, là không đòi độc lập với trung ương.

"Thành phần chủ yếu của chính quyền đặc khu Hương Cảng tương lai là những người yêu nước, đương nhiên cũng cần dung nạp những người khác, còn có thể mời người nước ngoài làm cố vấn". Đảng không chủ trương chỉ gồm toàn một loại người.

Người yêu nước cũng có tả, trung, hữu, "chọn lựa người, phe tả đương nhiên cần có, nhưng cần ít, phe hữu cũng cần có, tốt nhất là chọn nhiều người trung gian"¹.

Hữu đến mức độ nào? Có thể chỉ Đảng Cộng sản, nhưng về hành động không được gây hỗn loạn. Đó là giới hạn dưới.

Tả, trung, hữu đều cần có, nhưng khác với chính quyền tam tam chế thời kỳ kháng chiến. Đảng chủ trương hai đầu uhỏ, khúc giữa lớn. "Như vậy, tâm tình của mọi phía mới thoải mái". Đồng thời có thể bảo đảm "lấy người yêu nước Hương Cảng làm chủ thể để quản trị Hương Cảng".

Đảng tin rằng, chỉ cần "chọn được những nhân vật tốt để quản lý Hương Cảng, thì không sợ loạn, có thể phòng được loạn. Dù có loạn cũng không thể lớn và dễ giải quyết"².

Nhân sĩ Hương Cảng có một nỗi lo là Hương Cảng có rất nhiều nhân tài về buôn bán; nhưng về chính trị thì vẫn ở giai đoạn ấu trĩ, không có nhân tài; cần phải qua một thời gian rèn luyện mới có được chính đảng và nhân tài

1, 2. Đặng tuyển, Quyển III, tr.74, 75.

chính trị thành thực. Như vậy, trong một giai đoạn, không tránh khỏi cần được trung ương nâng đỡ và bồi dưỡng.

Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng dựa trên mô thức thiết kế của Đặng cuối cùng cần được đưa vào vận dụng trong thực tiễn. Mong muốn Hương Cảng sẽ sản sinh ra được những nhân vật chính trị: vừa có lòng yêu nước vững vàng, đồng thời nắm vững nghệ thuật giải quyết mối quan hệ giữa Hương Cảng với Bắc Kinh, khéo léo sử dụng đầy đủ quyền tự trị trong phạm vi cho phép để giải quyết tốt mọi công việc ở Hương Cảng vì quyền lợi của người dân Hương Cảng. Những người chỉ biết đến Bắc Kinh, không xét tới lợi ích của người Hương Cảng cũng như những người chỉ biết làm theo ý mình, không đếm xỉa đến mệnh lệnh của trung ương, đều không thích hợp với nhiệm vụ này.

6.7. ĐÃ LÀ LÃNH THỔ TRUNG QUỐC, THÌ TẠI SAO KHÔNG ĐƯỢC ĐỒNG QUÂN?

Súng dẻ ra chính quyền, quân đội xưa nay vẫn là nhân tố quyết định trị, loạn, phân, hợp trong xã hội Trung Quốc, tất nhiên cũng là vấn đề nhạy cảm nhất trong đại kế thống nhất của Đặng Tiểu Bình.

Trong 9 điều về hoà bình thống nhất Đài Loan có một nội dung đáng chú ý: sau khi thống nhất, Đài Loan có thể giữ nguyên quân đội của mình. Như thế có nghĩa là, tương lai, chính phủ trung ương ở đại lục sẽ không phái quân đội ra Đài Loan, những việc do quân đội cần làm ở Đài Loan sẽ do quân đội ở đó đảm nhiệm. Đặng đưa ra lời hứa đó là đã suy xét đầy đủ về tình hình thực tế của Đài Loan. Rút

bài học lịch sử về hòa đàm Quốc - Cộng trong thập kỷ 40. nhà đương cục Đài Loan tuyệt đối không thể đồng ý cho động tới quân đội của họ trên bàn hoà đàm, mà phái quân đội ra Đài Loan không khác gì tuyên chiến với Đài Loan, sẽ không có khả năng hòa bình thống nhất nữa.

Nhưng thiết kế đó trước hết lại được khảo nghiệm ở Hương Cảng: nếu mô thức thống nhất Đài Loan cũng thích dụng với Hương Cảng, thì Đài Loan không đóng quân. Hương Cảng có cần đóng quân không?

Người Anh hiểu rất rõ sức nặng của quân đội trong nền chính trị Trung Quốc, nên trong khi hội đàm, nhiều lần nêu ra yêu cầu Trung Quốc hứa là sẽ không mang quân đội ra đóng tại Hương Cảng. Nhưng yêu cầu đó xung đột với nguyên tắc chủ quyền của Trung Quốc. Theo lý lẽ thông thường của chính trị học, một quốc gia có chủ quyền đều có quyền quản hạt không ai thay thế được đối với mọi người, vật và sự việc trong lãnh thổ của mình, bao gồm việc đóng quân. Sau năm 1997, Trung Quốc thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng, đóng quân hay không đóng quân là quyền của Trung Quốc, nước Anh không có quyền can thiệp.

Đặng dùng vũ khí chủ quyền, đã bác bỏ nhanh chóng yêu cầu của phía Anh: "Trung Quốc có quyền đóng quân ở Hương Cảng. Ngoài việc đóng quân ở Hương Cảng, Trung Quốc còn có gì để thể hiện việc thực hiện chủ quyền của mình ở Hương Cảng nữa?". Bộ trưởng ngoại giao Anh không thể không khuất phục trước sức mạnh lôgích của Đặng. Ông ta nói, đương nhiên hy vọng Trung Quốc không trú quân mà áp dụng một hình thức khác, nhưng ông ta thừa nhận, chính phủ Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng thì có quyền đóng quân ở Hương Cảng.

Trong khi hai bên Trung - Anh đàm luận vấn đề trú quân, nước Anh rõ ràng tỏ ra đuối lý. Nước Anh, là một nước ngoài, không có quyền yên cần Trung Quốc không đóng quân ở Hương Cảng sau năm 1997. Thế là phía Anh ở Hương Cảng giở ra con bài dân ý, thông qua một số người môi giới, bắn tin là không mong muốn, thậm chí phản đối chính phủ trung ương đưa quân ra đóng tại Hương Cảng. Lời nói về việc trú quân của Đặng đã một thời gian gây nên dư luận xôn xao ở Hương Cảng. Lúc đó, đàm phán Trung - Anh đang ở vào lúc then chốt. Một tờ báo ở Hương Cảng có thể vì dễ làm yên lòng người đã đưa tin nguyên bộ trưởng quốc phòng Cảnh Tiều nói trong cuộc họp tiểu tổ quốc hội tỉnh Hồ Nam ngày 21-5-1984 rằng: "Quân đội Trung Quốc tương lai sẽ không đóng tại Hương Cảng".

Sau khi được tin đó, Đặng vô cùng nổi giận. Ngày 25-5, ông nói với các nhà báo Hương Cảng: "Tôi cần cải chính lời đồn đại. Cảnh Tiều nói về vấn đề không đóng quân ở Hương Cảng, không phải là ý kiến của Trung ương. Các ông đã đăng tin đó, nhưng không có việc ấy. Cần phải đóng quân ở Hương Cảng. Đã là lãnh thổ Trung Quốc, thì tại sao lại không được đóng quân? Bộ trưởng ngoại giao Anh khi hội đàm với tôi, cũng đã thừa nhận... Chẳng lẽ ngay đến quyền đó cũng không có sao? Như thế thì sao gọi là lãnh thổ Trung Quốc?"

Sau đó, Đặng lại nói dịu hơn với những đại biểu Hương Cảng: Đóng quân là có tính chất tượng trưng, là tượng trưng của việc giữ chủ quyền của Trung Quốc. Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng là sự tự trị rộng rãi nhất, ngoài việc đóng quân, hẳn như không có tượng trưng

nào khác. Số quân đóng không cần quá nhiều, đại khái tầm ba ngàn là đủ.

Thế là dân Hương Cảng thả phào nhẹ nhõm: Đóng quân chỉ là tượng trưng cho chủ quyền quốc gia.

Song, so với quyền hạn tự trị mà Đài Loan sau này có thể được hưởng, tâm lý người Hương Cảng có điểm vẫn chưa rõ: Tại sao giữ lại quân đội Đài Loan mà không ảnh hưởng đến chủ quyền và sự thống nhất quốc gia? Có thể giải thích như sau: Quân đội Đài Loan vốn là quân đội Trung Quốc. Còn "Quốc phòng quân" của Hương Cảng trước kia là do nước Anh phái đến. Hương Cảng trong nhiều năm vẫn có lực lượng vũ trang của mình, gọi là "Hương Cảng đoàn đội". Để giữ gìn chủ quyền quốc gia, yêu cầu quân đội Anh rút đi, quân đội Trung Quốc ở Hương Cảng làm nhiệm vụ là được, tại sao còn cần phải quân đội tới đóng nữa?

Đặng thuyết phục đồng bào Hương Cảng rằng đóng quân còn có một tác dụng khác: có thể phòng và ngăn chặn động loạn.

Đây thực tế là ý định của Đặng kiên trì muốn đóng quân ở Hương Cảng. Cuộc tranh luận về việc Trung Quốc có quyền đóng quân ở Hương Cảng hay không, xuất phát từ sự tính toán có cần đóng quân ở đó hay không.

Trong mấy chục năm gần đây, ngoài năm 1967, Hương Cảng có trải qua lộn xộn, nhưng chưa bao giờ có động loạn lớn. Trong mười năm cách mạng văn hóa, đại lục xảy ra nội chiến toàn diện, nhưng Hương Cảng vẫn bình an vô sự. Song sau năm 1997 sẽ ra sao? Đặng không dám lạc quan. "Có thể giả thiết Hương Cảng không có lộn xộn, không có lực lượng phá hoại không? Tôi thấy không có căn

cứ để tự an ủi như vậy"¹. Đặng tính toán đầy đủ đến việc sau này sẽ có người làm loạn. Những nhân tố rối loạn, những nhân tố gây rối loạn, những nhân tố không ổn định bao giờ cũng có, không có mới là lạ! Những nhân tố đó đương nhiên không phải từ Bắc Kinh tới, nhưng không loại trừ việc nó tồn tại trong nội bộ Hương Cảng, cũng không loại trừ nó do lực lượng quốc tế nào đó gây ra. Có những nhân tố động loạn, thì phải có biện pháp bảo đảm an toàn, đó là một lý lẽ rất giản đơn.

Sự suy tính đó của Đặng rõ ràng không phải là thừa. Hương Cảng thực hiện chủ nghĩa tư bản lại không có các tổ chức đảng để làm chỗ dựa, nếu lại không đóng một ít quân đội, thì khi xảy ra chuyện, Trung ương lấy gì để ổn định lại tình hình? Người không lo xa, tất có họa gần. Năm 1989, Bắc Kinh xảy ra động loạn, nếu không có quân đội thì có dẹp yên được không? Huống chi lại là Hương Cảng!

Để làm giảm nỗi lo của người Hương Cảng, Đặng nói rõ quân đội đóng ở Hương Cảng chỉ phụ trách công việc phòng ngự, phòng tránh động loạn, không quản lý việc trị an cụ thể, không can dự vào công việc nội bộ của Hương Cảng.

Phòng ngự đối ngoại và trị an xã hội là hai việc hoàn toàn khác nhau, nhưng việc động loạn nội bộ và việc trị an thì rất khó phân biệt. Nói như vậy, giải quyết việc "nội loạn" có liên quan đến trị an địa phương, thì có thể vận dụng như ở Đài Loan, do "Hương Cảng đoàn đội" là lực lượng vũ trang địa phương đảm nhiệm là được. Nếu đo

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 221.

người nước ngoài gây loạn, uy hiếp đến an toàn quốc gia, thì lúc đó phải quân đội ra đối phó cũng vẫn kịp, không cần phải ra đóng quân trước ở đó làm gì.

Song Đặng lo lắng chính là vấn đề "nội loạn". Một khi Hương Cảng xảy ra động loạn thì sẽ trở thành quan hệ giữa Trung ương và địa phương. Gặp tình hình đó, đương nhiên Trung ương sẽ ra lệnh cho chính quyền đặc khu Hương Cảng đứng ra can dự, chứ không khinh suất sử dụng quân đội. Nhưng thực tiễn chính trị lâu dài đã cho ông biết dù là "vấn đề nội chính" thì hiện năng giải quyết bằng chính trị cũng rất có hạn. Nếu xảy ra động loạn lớn, thí dụ Hương Cảng biến thành một căn cứ để chống lại đại lục với chiêu bài dân chủ, thì làm thế nào? Trước hết là can dự về hành chính. Can dự về hành chính không có tác dụng thì không thể không huy động quân đội. Muốn đứng vững trên mảnh đất không bao giờ thất bại về chính trị thì quân đội không thể nào thiếu được.

Đợi đến khi có loạn mới đem quân ra thì tình hình sẽ khác. Như vậy tuy vẫn kịp, cũng không khó tìm ra lý do, nhưng dễ xảy ra chuyện bình luận thị phi, làm vấn đề thêm phức tạp. Như vậy, thì tại sao không giữ nguyên tắc, trước hết đem quân đội ra đóng ở đó, để phòng loạn khi chưa xảy ra? Có quân đội, dù có động loạn cũng không thể lớn và có thể giải quyết kịp thời. Quân đội bố trí ở đấy, có thể có tác dụng uy hiếp. Những kẻ muốn nổi loạn, biết ở Hương Cảng có quân đội Trung Quốc, sẽ phải suy nghĩ không dám làm bừa, không thể gây nên được phong trào. Có quân đội thì những cuộc động loạn như thế không thể

xây ra, tình hình có vẻ như không cần tới quân đội, nhưng chính đó là hiệu quả của việc có mặt quân đội.

Tóm lại, đóng quân là chủ trương đúng đắn để bảo đảm chắc chắn cho sự ổn định tương lai của Hương Cảng, và điều đó đã được pháp luật thông qua. Đặng giải quyết vấn đề đó là xuất phát từ yêu cầu của chủ quyền cần lo toan trước để đạt tới yên ổn lâu dài. Vấn đề còn lại là dưới tiền đề chính trị "không thể không đóng quân", thì Đài Loan tương lai sẽ như thế nào? Nếu Đài Loan mà cũng đem quân ra thì không thể nói tới chuyện hòa bình thống nhất; nhưng nếu không đem quân ra đóng, thì có thể gọi là thống nhất được không?

6.8. "15 NĂM QUÁ NGẮN. VẬY DỨT KHOÁT ĐỂ 50 NĂM"

Với Hương Cảng sau năm 1997, Đặng tuyên bố luôn một loạt năm điều không thay đổi: "Chế độ xã hội kinh tế hiện hành không thay đổi, pháp luật cơ bản không thay đổi, phương thức sinh hoạt không thay đổi, địa vị của một cảng tự do, địa vị là trung tâm thương mại và tài chính của Hương Cảng không thay đổi, Bắc Kinh ngoài việc phái quân đến đóng, không cử cán bộ tham gia vào chính quyền đặc khu, điều đó cũng không thay đổi"¹.

Còn tại sao lại đưa ra những lời hứa đó, Đặng nói rõ ràng không giấu giếm: "Không bảo đảm Hương Cảng và Đài Loan tiếp tục thực hiện chế độ tư bản thì không thể

1. Đặng tuyên, Quyển III, tr. 58.

bảo đảm được phần vinh và ổn định ở những nơi đó, cũng không thể thực hiện được việc hòa bình thống nhất Tổ quốc"¹. Tiền đề của hòa bình thống nhất cần được các phía đều chấp nhận, nếu dùng chủ nghĩa xã hội để thống nhất thì Hương Cảng không thể chấp nhận được. "dù có bị buộc phải chấp nhận, cũng sẽ tạo thành cục diện hỗn loạn"².

Câu nói đó khiến người ta có cảm giác là bảo đảm không thay đổi là để ổn định lòng dân Hương Cảng, để tiện cho việc hòa bình thống nhất khi đến thời hạn. Điều người Hương Cảng lo lắng là, sau khi thống nhất có thay đổi không? Do đó cần đưa ra lời hứa trong tương lai dài hơn.

Với Hương Cảng, ban đầu định là sau 15 năm không thay đổi. Ngày 29-10-1984, Đảng hội kiến với các bạn Hương Cảng, nói tới vấn đề kỳ hạn, có phát biểu: "15 năm quá ngắn. Vậy dứt khoát để 50 năm thôi".

Một bạn Nhật Bản không hiểu rõ điều đó, liền hỏi Đặng: Đã nói không thay đổi, tại sao còn có kỳ hạn 50 năm? Căn cứ vào điều gì? Hay là còn có tính toán gì? Kỳ thực, những người có nghi hoặc không chỉ gồm người bạn Nhật Bản đó. Hương Cảng đến năm 1997 mới thu hồi, trước đó bảo đảm không thay đổi là để giải quyết hòa bình. Giải quyết xong rồi thì dựa vào điều gì để bảo đảm không thay đổi?

Đặng nói ra "cách nghĩ" của ông: "Cần xuất phát từ mục tiêu suốt mấy chục năm của chúng tôi để xét ý nghĩa

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 67.

2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 101.

của việc không thay đổi"¹. Mục tiêu chiến lược ba bước, không bước nào tách rời chính sách cải cách mở cửa. Bước thứ nhất đã được thực tiễn chứng minh. Bước thứ hai tới cuối thế kỷ này, tuy còn là ẩn số, nhưng Hương Cảng cũng tới lúc đó mới thu hồi, nên không cần phải lo có sự thay đổi. Đặng căn cứ vào đó để suy ra: Trung Quốc muốn thực hiện hiện đại hóa còn phải đi tiếp bước thứ ba, tức đến giữa thế kỷ sau mới tiếp cận trình độ những nước phát triển trung bình. Như thế chẳng phải là 50 năm sao?

Parasi Tainâyso của Hungari và Davít Trương của Mỹ cùng tiên sinh Lục Khanh ở Hương Cảng, nên ra mấy lý do làm căn cứ cho việc Trung Quốc không vội thu hồi Hương Cảng, cũng có thể coi là căn cứ để sau 50 năm không thay đổi: 1) Hương Cảng là nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của Trung Quốc, đại bộ phận sản phẩm xuất khẩu của đại lục đều đi qua trạm đầu tiên là Hương Cảng có lượng vận chuyển hàng năm là 5 triệu tấn. Nếu thay đổi địa vị cảng tự do của Hương Cảng thì Trung Quốc sẽ mất đi 1/3 thu nhập ngoại tệ, là một tổn thất lớn về kinh tế. 2) Thay đổi, thì vốn của tư nhân và của nước ngoài sẽ chạy khỏi Hương Cảng. Khác với Thượng Hải là nơi tiền vốn chỉ hoạt động ở trong nước, không chạy đi đâu được, vốn ở Hương Cảng có thể chạy bất cứ lúc nào, như con tàu chở ngọc đi trên biển, có thể đi bất cứ đâu. Ngoài ra, Hương Cảng còn là chiếc cửa sổ để nhìn ra thế giới, cũng là bài thí nghiệm của cải cách mở cửa.

Đặng còn đưa ra thí dụ nói về ý nghĩa của việc không thay đổi: Có người từng tỏ ra rất lo lắng trước việc thuê

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 216.

muốn nhân công ở trong nước, chủ trương cân can thiệp, cấm chỉ. Đảng chủ trương cứ để yên hai năm rồi sẽ nói, hai năm đã qua, lại nói cứ để xem sao đã. Không phải là Đảng Cộng sản không cấm được điều đó. "Muốn cấm cũng dễ, nhưng như thế là chính sách lại thay đổi, dễ dẫn tới sự xáo động nhân tâm"¹. Từ đó suy ra, đối với Hương Cảng tương lai, muốn thay đổi cũng rất dễ. Nhưng sau khi thay đổi, Đảng lo sẽ xảy ra hỗn loạn "đều không xảy ra xung đột vũ lực, Hương Cảng cũng sẽ trở thành một Hương Cảng tiên tiến, không còn là Hương Cảng mà chúng ta mong muốn"².

Như vậy, lời hứa 50 năm không thay đổi là lời hứa trịnh trọng, không phải là sự bốc đồng nhất thời về tình cảm, tuy tiện nói huyên thiên, cũng không phải là có thủ đoạn gì. "chỉ là để ổn định nhân tâm ở Hương Cảng, mà là xét tới mối quan hệ giữa sự phồn vinh ổn định của Hương Cảng với chiến lược phát triển của Trung Quốc". Để thực hiện chiến lược phát triển đó "chúng tôi còn mở mấy "Hương Cảng" ở nội địa... thì làm sao lại thay đổi chính sách đối với Hương Cảng được?"³.

Hứa là 50 năm không thay đổi, có phải có nghĩa là sau đó sẽ thay đổi? Tuy người Hương Cảng không suy nghĩ xa đến như vậy, nhưng vấn đề này cũng rất thú vị. 50 năm không thay đổi vì Trung Quốc chưa phát triển lên, cần tới sự phồn vinh và ổn định của Hương Cảng. 50 năm sau, Trung Quốc phát triển lên rồi, Hương Cảng phồn vinh hay không không còn quan trọng thì lúc đó có thể thay đổi chăng?

Đặng dùng một cách nói khác: "Trước 50 năm không thể thay đổi, sau 50 năm không cần thiết phải thay đổi"⁴.

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr.216, 101, 267.

Lý do là: "Sau 50 năm, chúng tôi càng giao dịch nhiều với quốc tế, càng phụ thuộc vào nhau nhiều hơn, chính sách mở cửa càng không thể thay đổi"¹. Thêm nữa "Đến 50 năm sau, đại lục phát triển lên rồi, lúc đó còn giải quyết vấn đề một cách nhỏ nhất như vậy sao?"².

Cuối cùng mọi người hiểu rõ, chính sách với Hương Cảng, Đài Loan 50 năm không thay đổi, thậm chí toàn bộ chính sách mở cửa và cải cách cũng không thay đổi. Nhưng Trung Quốc có một đặc điểm, là việc thay đổi chính sách hoàn toàn phụ thuộc vào người cầm quyền. Khi Đặng còn sống thì không ai dám thay đổi, nhưng sau Đặng thì ai dám bảo đảm?

Nói đến thế, Đặng đành chỉ đưa ra "sự ủng hộ của nhân dân": Những chính sách ấy được thực tiễn chứng minh là đúng đắn, nhân dân đều ủng hộ, thì không ai thay đổi được, ai muốn thay đổi, người đó sẽ bị đánh đổ. "Tôi không còn, nhưng tin rằng những người kế tục tôi sẽ hiểu được lý lẽ đó"³.

Như vậy, không ai còn có thể phủ nhận thành ý trong lời hứa 50 năm không thay đổi của Đặng nữa. Song, nước ngoài vẫn có người nói: "Bản thân lòng thành là một thứ duy tâm, mà lịch sử hơn 30 năm qua của đại lục là duy vật, không thể thay đổi bằng ý chí chủ quan" (Tống Ân Vinh). Đặng không thể sống tới lúc lời hứa của ông được thực hiện, thì làm sao có thể tin vào lời hứa của ông ta rằng mọi việc sau mấy chục năm nữa vẫn không thay đổi?

Chỉ có thể căn cứ vào pháp luật. Người ta không thể

1, 2, 3. Đặng tuyển, Quyển III, 103, 73, 217.

tin vào một cá nhân, thì nên tin vào pháp luật! Pháp luật có tính ổn định. Vì vậy Đặng chỉ thị: "Luật cơ bản về Hương Cảng ít nhất phải bao quát 50 năm". Có được căn cứ pháp luật như vậy có thể chứng minh 50 năm không thay đổi không phải là lời nói thuận miệng, mà là có ghi chép vào văn bản. Điều đó cũng là sự ước thúc với những người kế tục về sau, Giữ tín nghĩa là phong độ của dân tộc Trung Hoa và của đất nước lâu đời này. Ngay dù trong những năm động loạn, chính phủ và đảng Trung Quốc cũng vẫn coi trọng lời hứa về những vấn đề quốc tế, giấy trắng mực đen rõ ràng, làm thế nào muốn thay đổi là thay đổi được?

Sau khi đã chứng minh và bảo đảm nhiều như vậy về sự không thay đổi, Đặng cảm thấy không vừa ý. Tại sao lại chỉ buộc một phía đại lục chịu trách nhiệm về sự không thay đổi? Vì vậy, ông nói lại: không nên chỉ nói có một bề là sợ thay đổi. Thay đổi cũng không phải là việc xấu, có cái thay đổi là tốt. Vấn đề là thay đổi cái gì. Chúng ta không thể nói dưới chế độ tư bản ở Hương Cảng, mọi cái đều hoàn mỹ? Dưa Hương Cảng tới sự tốt đẹp hơn, chẳng phải cũng là thay đổi sao? Thay đổi như vậy, có cái gì là không tốt? Người Hương Cảng cần phải hoan nghênh mới đúng.

Đặng nói với các nhân sĩ Hương Cảng: "Nếu có người nói mọi thứ đều không thay đổi thì các ông không nên tin"¹. Vì vậy, "luật cơ bản không nên chi tiết quá"². Cần chừa chỗ cho những thay đổi khi cần. Còn cần thay đổi đến mức nào, có thể suy ra từ vấn đề thuê mướn người. Đặng

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 73, 220.

đã nói, vấn đề thuê mướn người "vẫn cần phải can thiệp, vì chúng ta không để xảy ra sự phân hóa hai cực quá lớn. Nhưng vào lúc nào, dùng phương pháp nào, cần phải nghiên cứu, can thiệp cũng cần có sự kiểm chế"¹.

Xem ra, điều mà người Hương Cảng cần quan tâm không phải là lúc nào đại lục có thể thay đổi chính sách với Hương Cảng, mà là người Hương Cảng nên tìm hiểu giới hạn của chính sách đó như thế nào, học lấy phương thức phương pháp cư xử với Trung ương. Nếu ở Hương Cảng xảy ra sự kiện mà Trung ương không muốn có, thí dụ có người muốn biến Hương Cảng thành một căn cứ chống đại lục, thì cần ngăn chặn, không thể để xảy ra chuyện vượt giới hạn.

6.9. CƯ DÂN HƯƠNG CẢNG BẮT ĐẦU PHÉP ĐẾM NGƯỢC ĐỂ TÍNH THỜI GIAN TRAO TRẢ HƯƠNG CẢNG. LÚC ĐÓ, SỰ GIAO NHẬN THUẬN LỢI MÀ ĐẢNG HY VỌNG KHẮNG ĐỊNH SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN

Theo Tuyên bố chung Trung-Anh, ngày 1-7-1997, nói cụ thể hơn là vào 0 giờ, 0 phút, 0 giây, trên bầu trời Hương Cảng sẽ có sự thay đổi lớn: Lá cờ Anh được hạ xuống, lá cờ đỏ 5 sao được kéo lên, toàn quyền Hương Cảng do Anh bổ nhiệm sẽ trao quả ấn quyền lực cho người đứng đầu khu hành chính đặc biệt do chính phủ Trung Quốc ủy nhiệm.

Ngày hôm đó, vào giờ phút đó, quang cảnh trên đường

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 216.

Nữ hoàng của Hương Cảng và trên Quảng trường Thiên An Môn Bắc Kinh sẽ ra sao? Nhân dân Trung Quốc vừa rửa được mối nhục tâng quỳ nhục quốc hơn 100 năm vừa chúc mừng sinh nhật lần thứ 76 Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lúc đó, Đặng Tiểu Bình vừa 94 tuổi còn kém 17 ngày. Ông rất mong sống tới ngày đó, tới Hương Cảng nhìn tận mắt quang cảnh đó, dù rằng có ngồi trên xe đẩy đi tới Hương Cảng để đứng trên mảnh đất đó, cùng nhân dân chung hưởng thắng lợi, tự hào vào giờ phút là cờ đỏ 5 sao lần đầu tiên tung bay trên bầu trời Hương Cảng.

Nhưng trước đó 13 năm, Đặng đã dự tính tới một mặt khác của vấn đề: Hạ cờ Anh xuống, thay bằng cờ đỏ 5 sao là việc dễ dàng nhưng "không thể dự kiến được tới ngày 30-6-1997, chỉ trong một đêm, sẽ thay hết những người làm việc".

Điều đó có thể giải thích, ba điều ước về Hương Cảng là những điều ước bất bình đẳng, Trung Quốc không thừa nhận tính hợp pháp của chúng, chúng không có giá trị ước thú gì với Trung Quốc, Trung Quốc có thể thu hồi Hương Cảng bất cứ lúc nào. Trước kia chưa thu hồi là vì điều kiện chưa thành thực, đầu thập kỷ 80, điều kiện đã thành thực, tại sao lại phải đợi tới năm 1997? Ngoài ra, lúc nào thu hồi thì báo cho Anh lúc đó là được, nước Anh không có lý do thoái thác việc trao trả lãnh thổ Trung Quốc, tại sao phải tốn công đàm phán với Anh?

Trước khi chính thức thu hồi Hương Cảng, Trung Quốc cố ý để ra một thời gian, nhiều lần bàn bạc nghiêm túc với Anh qua con đường ngoại giao. Làm như vậy, không phải để làm ra vẻ lịch sự, cũng không phải sợ người Anh không chịu giao, mà là xuất phát từ sự suy nghĩ sâu

xa này: Tranh thủ sự phối hợp của Anh, thực hiện sự quá độ bình ổn, trao nhận thuận lợi để đạt tới mục đích vừa thu hồi được chủ quyền ở Hương Cảng, vừa không làm ảnh hưởng tới phồn vinh và ổn định ở đây.

Nhưng sự tình bao giờ cũng có hai mặt: có cái lợi, tất có cái hại. Nếu thu hồi trong chốc lát (hoặc đầu thập kỷ 80 khi mới tiếp xúc với Anh liền tuyên bố lập tức thu hồi, hoặc chưa đề cập tới, đợi tới năm 1997 hay một thời gian thích hợp nào đó là đột nhiên tuyên bố thu hồi) nhanh chóng dứt khoát, làm cho Anh trở tay không kịp, không có chỗ cò kè mặc cả, bớt được tranh cãi. Nhưng thu được về như vậy rồi sẽ ra sao? Khủng định sẽ dẫn tới hỗn loạn, thậm chí động loạn. Người Hương Cảng, pháp chế Hương Cảng sẽ không chịu nổi tiếng sét giữa trời quang. Đại lục dù có biện pháp thu xếp tình hình, vẫn rất có khả năng là sau khi thu hồi chủ quyền, chỉ nhận được một cảnh tiêu điều chứa đầy hậu hoạn, một cảnh trống rỗng, một cảnh chết.

Cứ từ từ đàm phán cũng có tình hai mặt. Để ra một thời gian cho người dân Hương Cảng, tình hình Hương Cảng dần dần thích ứng, có lợi cho việc tiếp quản sau này, nhưng đồng thời cũng tạo cơ hội cho nước Anh tiếp tục kiểm soát. Nước Anh biết lúc nào mình sẽ phải rời Hương Cảng, và trước khi rời khỏi, họ vẫn có quyền chi phối địa phương này, thì tất sẽ nắm lấy cơ hội để vơ vét, thậm chí có thể tạo ra đủ chuyện phiền phức.

Đặng không lo lắng sự việc sau năm 1997, chỉ lo lắng thời kỳ quá độ trước năm 1997. Sau 1997 có thay đổi không, thay đổi thế nào là việc của Trung Quốc. Trung Quốc sẽ tự thu xếp. Còn trước 1997, quyền quản trị vẫn

còn trong tay người ta, sẽ không tránh khỏi xảy ra một số sự việc không hợp ý mình. Những điều đáng quan tâm nhất là:

1. Tư bản Anh dần dần rút vốn đi, làm cho Hương Cảng trở thành một cảng trống.

2. Dùng hết quỹ dự trữ, làm cho đồng tiền Hương Cảng với tính cách là một đồng tiền chuyển đổi được, sẽ bị lung lay.

3. Nguồn thu hiện tại, chủ yếu là tiền cho thuê đất bị cạn kiệt, tạo nên khó khăn tài chính cho chính quyền đặc khu sau này.

4. Chính quyền Anh ở Hương Cảng lập ra một đội ngũ khác trong thời kỳ quá độ, tạo nên những khó khăn không lường trước được cho việc bàn giao sau này.

Rõ ràng, trong thời kỳ quá độ nếu xảy ra những tình hình đó, thì không những không có cách gì giữ được phần vinh, mà còn dẫn tới rung động, hỗn loạn, hoặc là loạn khiến cho không tiếp thu được, hoặc là loạn sau khi tiếp thu, cuối cùng cũng đẹp được loạn nhưng không có phần vinh nữa.

Tiếp xúc, đàm phán là để tranh thủ chính phủ Anh tích cực hợp tác, bao gồm kiểm chế các nhà doanh nghiệp và thương gia, không để họ làm những việc gây tổn hại đến phần vinh và ổn định sau này cho Hương Cảng.

Nhưng nước Anh dựa vào cái gì để hợp tác? Phải chăng để tỏ lòng cảm tạ người chủ đã để họ chiếm dụng hơn 100 năm?

Hương Cảng trước kia chỉ là hòn đảo nhỏ vắng vẻ không hề được nói tới trong sử sách. Mà ngày nay nhà cửa ngụy nga, tắc đất ngàn vàng, trở thành trung tâm tiền tệ và thương mại đứng hàng thứ ba thế giới, được gọi là "hòn ngọc phương Đông". Đặng yên cầu nước Anh trao trả cho Trung Quốc vào đúng kỳ hạn "hòn ngọc" đó nguyên vẹn. Từ nay, Anh có thể sử dụng thêm một thời gian nữa, nhưng không được gây tổn hại cho nó, không được để có một vết xước, còn phải ra sức giúp đỡ để Trung Quốc học được cách quản lý nó sau này.

Nước Anh có thể nói: cái mà tôi thuê trước kia chỉ là một đảo hoang, mà ngày nay là một "hòn ngọc"! Đòi Anh quốc trao trả lại, hoặc nói cách khác là vứt bỏ, thì sao có thể tự nguyện được? Nếu nói có ngày họ không thể không rời bỏ, họ cũng không thể chịu trách nhiệm với cái sắp phải từ bỏ. Dù họ không cố ý gây phiền phức, họ cũng phải nghĩ cách làm thế nào để trong mấy năm còn lại vơ vét được thêm. Cho nên đòi nước Anh làm theo ý Trung Quốc trong thời kỳ quá độ, để tạo điều kiện cho Trung Quốc tiếp quản trong tương lai từ tay họ, là một việc rất khó khăn.

Cái khó của Đặng là, vì Trung Quốc thiếu kinh nghiệm, cần có một quá trình thích ứng để tìm hiểu người dân Hương Cảng và tình hình Hương Cảng, không thể thu hồi ngay trong chốc lát, mà để nước Anh quản lý thêm một thời gian, nhưng lại không thể để nước Anh làm rối loạn trong thời gian đó, nếu không sau này tiếp quản sẽ càng thêm khó khăn. Do đó nảy ra vấn đề: Trong thời gian Trung Quốc chưa tiếp quản cũng không thể phó mặc không quản. Nếu quỹ dự trữ dùng hết, đồng tiền Hương Cảng lại mất giá, thì sẽ xảy ra động loạn. Trong thời kỳ quá độ, chúng tôi không thể không hỏi đến quỹ dự trữ được sao?

Còn vấn đề đất đai nữa, nếu đem bán hết đất dùng vào chi tiêu hành chính, trút hậu quả lên đầu chính quyền Hương Cảng sau này, thì không can dự sao được?

Làm thế nào để thực hiện được việc chưa tiếp quản mà đã quản lý được? Biện pháp tốt nhất là hai chính phủ đàm phán về mọi công việc trong thời kỳ quá độ.

Đàm phán, nước Anh chưa hẳn đã nghe theo Trung Quốc cả. Nhưng qua đàm phán, có thể kéo chính phủ Anh và chính quyền Anh ở Hương Cảng vào trách nhiệm đó. Không đàm phán, coi như buông xuôi không quản, để mặc cho rối loạn, không xoay trở được. Đàm phán, không sợ họ không hợp tác, ít nhất họ cũng không thể đi tới chỗ đoạn giao với Trung Quốc. Đặng từng nói với Thủ tướng Anh, ông chỉ lo trong thời gian quá độ xuất hiện những hỗn loạn được cố tình tạo ra "Trong đó không chỉ có người nước ngoài, mà có cả người Trung Quốc nữa, nhưng chủ yếu là người Anh. Tạo ra hỗn loạn thì rất dễ. Chúng tôi tiến hành tiếp xúc, đàm phán chính là để giải quyết vấn đề đó"¹.

Đặng không nói về chủ quyền, cũng không lo sự việc sau năm 1997, chỉ nhấn mạnh trọng điểm vào thời kỳ quá độ, lý do là như vậy. Làm sao để người Anh, trên một mức nhất định, làm theo ý kiến của Trung Quốc, để tạo cơ sở cho việc sau này Trung Quốc chính thức tiếp quản Hương Cảng được thuận lợi.

Cuộc đàm phán việc xếp sắp trong thời kỳ quá độ và việc chuyển giao chính quyền Hương Cảng bắt đầu từ tháng 4-1984. Trong đó, thắng lợi lớn nhất là thành lập tiểu tổ liên lạc Trung-Anh.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 14.

Bắt đầu, Anh không đồng ý: Trước năm 1997, làm thế nào ở Hương Cảng là việc của Anh, lập ra một tiểu tổ liên lạc Trung-Anh có khác gì hai nước "cùng quản lý" Hương Cảng?

Dặng nói lý lẽ với bộ trưởng ngoại giao Anh: Trong thời kỳ quá độ, có rất nhiều việc phải làm, nếu không có một cơ cấu làm việc thì sao được? Phía Anh có thể cho rằng lập ra cơ cấu làm việc đó thì phía Trung Quốc sẽ có lợi. Dặng tỏ ý: Tiểu tổ đó có thể đặt tại Hương Cảng và luân lưu hợp ở Hương Cảng, Luân Đôn, Bắc Kinh. Như vậy có thể nói là cân bằng! Phía Anh đành nhận đàm phán về việc đó.

Đàm phán trong ba tháng, phía Anh vẫn không thông, cho rằng Trung Quốc đòi lập trước tiểu tổ liên hợp tức là đòi can dự trước vào công việc của Hương Cảng. Đến tháng 7, cách thời gian biểu do Dặng quy định 2 tháng, bộ trưởng ngoại giao Anh lại thăm Trung Quốc, phía Trung Quốc đưa ra một biện pháp linh hoạt: nếu Anh đồng ý lập tiểu tổ liên hợp và lấy Hương Cảng làm trụ sở thường trú, thì có thể thương lượng về thời gian tổ đó vào Hương Cảng và thời gian kéo dài sự tồn tại của nó sau năm 1997. Kết quả thương lượng là: Tiểu tổ liên hợp tiến vào Hương Cảng ngày 1-7-1988, đến 1-1-2000 mới rút đi, như vậy, là "cùng quản lý" một thời gian, chắc là phía Anh phải mãn ý!

Sứ mạng của tiểu tổ liên hợp Trung-Anh là điều hành những biện pháp cụ thể trong hiệp nghị Trung-Anh, bàn bạc và xem xét về những "biện pháp để tiến hành thuận lợi công việc trong thời kỳ quá độ trước năm 1997". Có được cơ cấu này, làm những gì trong thời kỳ quá độ ở Hương Cảng không chỉ do phía Anh quyết định nữa. Trung

Quốc sẽ có cơ hội tham dự, lúc đó mọi hành động của Anh đều đặt dưới sự giám sát đôn đốc của Trung Quốc. Những việc Trung Quốc không đồng ý thì Anh không làm được.

Tháng 9-1984, tuyên bố chung Trung-Anh được ký kết, việc quá độ đã được pháp luật bảo đảm. Việc đó xảy ra trước lễ quốc khánh mấy ngày. Sau quốc khánh ba ngày Đặng hội kiến đoàn đại biểu Hương Cảng về dự lễ quốc khánh, đề cập tới việc tham dự rộng rãi hơn: "Không thể dự kiến rằng, đến 30-6-1997, chỉ trong một đêm có thể thay thế hết người làm việc. Nếu làm như vậy, những người mới không quen thuộc công việc, nếu không để xảy ra động loạn thì cũng là hỗn loạn. Trong khoảng 6,7 năm ở giai đoạn sau của thời kỳ quá độ, các ngành các giới nên giới thiệu một số người trẻ tuổi có năng lực tham gia vào việc quản lý của chính quyền Hương Cảng, thậm chí vào cả lĩnh vực tài chính tiền tệ. Không thể không tham dự, vì không tham dự thì không nắm vững tình hình. Trong quá trình tham dự, sẽ có dịp phát hiện, chọn lựa nhân tài, chuẩn bị cho việc quản lý Hương Cảng sau năm 1997"¹.

Đặng còn nói "điều kiện của người tham dự chỉ có một điều, đó là người yêu nước". Công việc Hương Cảng không phải là không có người quản lý. Nhưng trong những người quản lý không phải đều là người yêu nước cả. Để những người yêu nước tham dự vào, tức là dần dần chuyển quyền quản lý Hương Cảng từ tay những người thân Luân Đôn sang tay những người thân Bắc Kinh. Đương nhiên, việc tham dự đó không phải do Bắc Kinh trực tiếp đứng ra, mà là người Hương Cảng tham dự - "chính phủ trung ương ủng hộ việc người Hương Cảng tham dự"².

1,2. Đặng tuyển. Quyển III, tr 74.

Tuyên bố chung Trung-Anh và tiểu tổ liên hợp Trung-Anh đã kiểm chế phía Anh, khiến họ không thể tự tiện gây lộn xộn. Đồng thời, mặt trận thống nhất yêu nước do đồng bào Hương Cảng là đối tượng được tăng cường. Trong danh sách quốc hội và ủy ban hiệp thương chính trị xuất hiện một số đại biểu Hương Cảng, Áo Môn. Tháng 5-1984, khi các đại biểu đến họp, Bắc Kinh lần đầu tiên mời các nhà báo Hương Cảng đến Bắc Kinh theo dõi hai hội nghị. Đặng trong khi rất bận rộn, cũng dành thời gian hội kiến với họ, nói chuyện thân thiết và chụp ảnh kỷ niệm. Ngày 1-10 năm đó, một đoàn đại biểu đông đảo đồng bào Hương Cảng về Bắc Kinh dự lễ quốc khánh, gồm đủ các ngành, các giới, các quan điểm. Đặng tiếp riêng họ và giải thích về chính sách của Trung ương đối với Hương Cảng, nêu lên hy vọng tha thiết, đề nghị họ sau khi trở về Hương Cảng sẽ tuyên truyền giải thích cho năm triệu đồng bào, mong đồng bào năng về thăm đất nước. Sau đó, nhân sĩ Hương Cảng thường về thăm Bắc Kinh. Bắc Kinh cho họ đi khắp nơi trong toàn quốc để khơi dậy nhiệt tình yêu nước. Người Hương Cảng đầu tư và quyên góp ở đại lục đều được ủng hộ, khuyến khích và ca ngợi là hành động yêu nước. Qua những hoạt động đó, Bắc Kinh đã mở rộng có hiệu quả ảnh hưởng của mình trong cư dân Hương Cảng, dân tình Hương Cảng ngả nghiêng về phía Bắc Kinh, tạo ra cơ sở quần chúng cho việc quá độ được yên ổn.

Năm 1984, thời kỳ quá độ bắt đầu diễn ra một cách bình ổn theo thiết kế của ông Đặng. Năm 1986, thảo ra luật cơ bản cho khu hành chính đặc biệt Hương Cảng để quy hoạch tương lai cho Hương Cảng. Ngày 13-4-1987, tuyên bố chung Trung Quốc - Bồ Đào Nha về vấn đề Áo Môn được ký. Đến đây, ba đối tượng thống nhất mà Đặng

cần hoàn thành là Hương Cảng - Áo Môn - Đài Loan đã giải quyết gần trọn vẹn được hai. Xem ra chính sách "một quốc gia hai chế độ" có thể thực hiện được.

Ba ngày sau, Đặng tiếp kiến ủy ban khởi thảo luật cơ bản, phát biểu một bài nói rất quan trọng về tương lai Hương Cảng. Bài nói đó dành riêng nói về hai vấn đề trong luật cơ bản, thái độ hết sức rõ ràng.

Vấn đề thứ nhất đề cập tới chế độ chính trị tương lai của Hương Cảng. Theo dự kiến của chính sách "một quốc gia hai chế độ", tương lai, Hương Cảng sẽ thực hiện chủ nghĩa tư bản, khác với đại lục. Điểm này là khẳng định. Nhưng Đặng nhấn mạnh, chế độ tương lai của Hương Cảng không thể rập theo y như phương Tây, như kiểu thực hiện tam quyền phân lập, chế độ nghị viện... Đặng đặc biệt nói tới việc không thể áp dụng chế độ phổ thông đầu phiếu, vì nó không bảo đảm được những người quản lý Hương Cảng tương lai là những người yêu nước ở Hương Cảng.

Vấn đề thứ hai đề cập tới quan hệ giữa chính phủ trung ương với chính quyền Hương Cảng tương lai. Đặng nhấn mạnh tới sự cần thiết có sự can dự của Trung ương: "Nếu.....biến Hương Cảng thành một căn cứ chống lại đại lục với chiêu bài dân chủ, thì làm thế nào? Như vậy, không thể không can dự, trước hết là cơ quan hành chính Hương Cảng phải can dự, chứ chưa cần huy động quân đồn trú. Chỉ khi xảy ra động loạn, đại động loạn, mới huy động quân đồn trú. Nhưng vẫn là phải can dự"¹.

Hai quan điểm đó đã hoạch định phạm vi hoạt động tương lai của Hương Cảng về mặt chính trị. Liên hệ tới

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr 221.

việc xử lý của chính phủ hồi đầu năm đối với phong trào học sinh và hành động chống tự do hóa càng ngày càng rõ ràng, các nhân sĩ bên ngoài thấy được cái dân chủ theo quan niệm của họ khác rất nhiều với cái dân chủ mà Đảng Cộng sản có thể cho phép. Cuộc động loạn năm 1989 và biện pháp xử lý cuộc động loạn đó càng làm cho nhận thức đó thêm sâu sắc. Nhưng đến tháng 4-1990, luật cơ bản về Hương Cảng đã được cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước thông qua. Đại cục đã định rồi, những người có ý khác cũng phải bỏ ý định của họ.

Song, khi thời kỳ quá độ chưa kết thúc, Hương Cảng vẫn chưa hoàn toàn nằm trong tay Bắc Kinh, nếu có mâu thuẫn thì vẫn dễ bùng nổ. Tháng 10-1992, toàn quyền mới của Hương Cảng đề ra "phương án cải cách chính trị" khiến thời kỳ quá độ bình ổn trong 7.8 năm lại gặp phải sóng gió.

Viên toàn quyền mới toan tiến hành một cuộc cải cách lớn về thể chế chính trị trước năm 1997, mà phương hướng cải cách hoàn toàn đi ngược lại với thiết kế của Đặng về tương lai Hương Cảng.

Đặng nói Hương Cảng sau năm 1997 cũng không thể thực hiện tam quyền phân lập theo kiểu phương Tây. Nhưng phương án cải cách lại muốn mở rộng quyền lực của cục lập pháp Hương Cảng, biến chính thể Hương Cảng từ chỗ hành chính là chủ đạo sang lập pháp là chủ đạo. Chính thể hành chính chủ đạo có lợi cho việc khống chế của Trung ương đối với chính quyền địa phương, biến đổi sang lập pháp là chủ đạo có nghĩa là cơ quan hành chính sẽ bị cơ quan lập pháp khống chế. Như vậy, Hương Cảng sẽ rơi vào tình trạng tranh luận liên miên về chính trị, cơ

quan hành chính sẽ rất khó thi hành quyền lực, quyết sách hành chính sẽ mất tính ổn định, thể lực chính trị nước ngoài sẽ dễ nhúng tay vào công việc của Hương Cảng, mà chính phủ trung ương, ngược lại sẽ rất khó khống chế tình hình Hương Cảng. Mỗi khi Hương Cảng có việc, Trung ương không có cách gì thông qua thủ đoạn hành chính để ra lệnh cho chính quyền Hương Cảng can dự. Bắc Kinh chỉ có hai cách lựa chọn, một là bỏ qua, một là can thiệp quân sự.

Đặng nói: "Chúng tôi nói, những người quản lý Hương Cảng phải là những người yêu nước ở Hương Cảng, phổ thông đầu phiếu có nhất định chọn được những người như thế không?"¹. Phương án cải cách của toàn quyền mới đòi mở rộng phạm vi bầu cử trực tiếp, như việc bầu cử cục lập pháp trước kia là do bầu cử gián tiếp, nay đổi thành bầu cử trực tiếp theo từng ngành, việc cử Cục thị chính cũng chuyển từ chỉ định sang bầu cử trực tiếp. Làm như vậy là để tranh chấp người với Bắc Kinh. Nếu đúng như vậy, thì không thể bảo đảm sau năm 1997 sẽ có những người yêu nước quản trị Hương Cảng.

Ngay từ 8 năm trước, Đặng đã nhắc nhở bộ trưởng ngoại giao Anh: "Hy vọng chính quyền Anh ở Hương Cảng không lập nên một ê kíp của mình trong thời kỳ quá độ, để gán lên dấu chính quyền khu hành chính đặc biệt tương lai"². Toàn quyền Anh đúng là muốn lập một ê kíp riêng. Ông ta muốn bầu trực tiếp một Cục lập pháp vào năm 1995 và sau đó sẽ "bàn giao lại", để biến thành cục lập pháp sau năm 1997 gồm người của ê kíp mình. Cộng thêm thể chế lập pháp là chủ đạo, thì ai có thể thay đổi được?

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr 220, 68.

Sự thay đổi như vậy có khác gì đào một hố sâu trên con đường quá độ bằng phẳng. Nếu thật như vậy, thì mưu hoạch quá độ bình ổn của Đặng trong mấy năm coi như vô ích, không bằng giành lấy Hương Cảng trước mấy năm. Cứ như vậy "quá độ" đến năm 1997, không nói đến việc bàn giao không thuận lợi, mà còn vấp phải hai khó khăn: Nếu ra tay thay đổi lại thì sẽ sinh ra chấn động và bị chỉ trích là "không cho phép dân chủ". Nếu không thay đổi, thì coi như nước Anh chỉ rút về hình thức, Hương Cảng rất có thể biến thành một căn cứ chống đại lục với chiêu bài dân chủ, và một khi như vậy thì ngoài việc sử dụng vũ lực, không còn biện pháp nào khác.

Vậy làm thế nào? Biện pháp duy nhất là tiến công mạnh mẽ về ngoại giao, không ngừng chỉ trích việc làm đó của Anh là vi phạm tinh thần tuyên bố chung Trung-Anh, vi phạm nguyên tắc gắn bó với luật cơ bản, vi phạm việc hiến biết và hiệp nghị đã đạt được giữa Trung Quốc và Anh, cố ý gây trở ngại cho việc quá độ bình ổn và bàn giao thuận lợi, hòng quyết định công việc của Hương Cảng sau năm 1997, cài thế lực thân Anh phản Hoa vào, phá rối việc Trung Quốc thực hiện chủ quyền Hương Cảng. Dù nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng uy hiếp đòi "trung cầu dân ý", đòi giao cho Cục lập pháp thảo luận thông qua, phía Trung Quốc vẫn không đồng ý, không chấp nhận, không nhượng bộ mà kiên quyết chống lại. Hai bên giao thiệp suốt nửa năm trời không đạt tới hiệp nghị nào, lại thêm, năm 1994 Bắc Kinh thất bại trong việc tranh cử đăng cai Ôlimpích quốc tế, quan hệ Trung-Anh đã xuống thấp tới điểm không.

Cuối cùng, phía Anh vẫn phải nhượng bộ, vì họ không muốn quan hệ giữa hai nước tan vỡ, làm mất cơ hội làm ăn

trên thị trường Trung Quốc. Tháng 10-1994, Trung-Anh lại đạt được hiệp nghị. Cuộc độ sức cuối cùng trong thời kỳ quá độ lại kết thúc bằng thắng lợi của Trung Quốc. Nay xem ra thì không còn trở ngại nào nữa. Nước Anh gần đây đã cho Trung Quốc vay 1,5 tỷ đôla để cải thiện quan hệ với Bắc Kinh và để kết thúc quá khứ. Cư dân Hương Cảng bắt đầu dùng cách đếm ngược để tính những ngày còn lại tới 1997, ngày trở về với Trung Quốc. Lúc đó, sự tiếp quản thuận lợi mà Đặng mong mỗi nhất định sẽ được thực hiện.

6.10. "MỘT QUỐC GIA HAI CHẾ ĐỘ" VỐN ĐƯỢC THIẾT KẾ ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ ĐÀI LOAN, TRƯỚC HẾT VẬN DỤNG CHO HƯƠNG CẢNG, CÓ THỂ CUNG CẤP KINH NGHIỆM ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ PHỨC TẠP HƠN LÀ ĐÀI LOAN

Lục Khanh cho biết, ngày 15-6-1982, tại Đại hội đường nhân dân, Đặng Tiểu Bình tiếp kiến 12 nhân sĩ phái tả Hương Cảng, có một vị phát biểu khẳng khái: "Hiện nay, nói về thu hồi Hương Cảng, vấn đề lớn nhất là lòng tin. Nếu năm 1957, đề xuất việc thu hồi thì tin rằng tuyệt đại đa số người Hương Cảng sẽ tán thành, nhưng hiện nay thì khác. Trong 25 năm từ 1957 đến nay, chúng ta đã đi rất nhiều đường vòng, làm rất nhiều việc sai lầm, gây đổ vỡ lớn cho Trung Quốc. Do đó, nhân dân mất lòng tin. Chúng ta không thể trách người Hương Cảng, mà cần tự trách mình. Ngày nay, điều quan trọng nhất là tranh thủ nhân tâm, mọi điều khác đều là thứ yếu". Theo nói lại, nghe những lời đó, Đặng Tiểu Bình không những không cho là trái tai, mà còn biểu lộ sự tán đồng.

Vấn đề Hương Cảng cần tranh thủ nhân tâm, vấn đề Đài Loan lại càng cần như vậy. Người Hương Cảng bị tổn hại chỉ trong 25 năm, còn những người đứng đầu Đài Loan và đại lục thì đã tích oản trong nửa thế kỷ. Hai đảng Quốc-Cộng đã có hai lần hợp tác, kết quả ra sao, đã có ấn tượng rất sâu. Những học giả người Mỹ gốc Hoa nhận xét rằng: căn cứ kinh nghiệm đàm phán trước kia với Đảng Cộng sản khiến cộng sản càng ngày càng mạnh hơn, Quốc Dân đảng đã có tâm lý chống đối lại việc đàm phán về thống nhất. Nếu Trung Cộng hy vọng thông qua đàm phán để thống nhất đất nước, thì họ phải thành thực chứng minh và tránh ý đồ đồng hóa Đài Loan và phá hoại Quốc Dân đảng. Trừ phi Trung Cộng có thể làm tiêu tan tâm lý nghi ngờ của Quốc dân đảng, chứ bình thường thì Quốc dân đảng sẽ không thể đàm phán với Đảng Cộng sản và ký bản hiệp nghị mà họ cho rằng sẽ đưa họ tới chỗ chết.

Chứng minh lòng thành thực cần có sự thực. Lịch sử giao dịch với Đảng Cộng sản, khiến cho Quốc dân đảng đến nay còn lo ngại trong lòng. Vậy ngày nay, trước khi nói chuyện với Đài Loan, dùng biện pháp gì để chứng minh là sau này sẽ không nuốt sống họ? Việc giải quyết vấn đề Hương Cảng như vậy sẽ có giá trị chiến lược rất lớn đối với việc giải quyết vấn đề Đài Loan. Vấn đề Hương Cảng được giải quyết tốt, có thể có tác dụng mẫu mực đối với Đài Loan: Các ông xem, mô thức Hương Cảng thành công như vậy, thì Đài Loan các ông tại sao lại không chấp nhận được mô thức đó? Đặng hiểu rất rõ lý lẽ đó, nên ông nói: "Có thể thực sự thực hiện được thuận lợi sự thống nhất giữa đại lục và Đài Loan không, một là nhìn vào kết quả thực hiện một quốc gia hai chế độ ở Hương Cảng, hai là

xem nền kinh tế của chúng ta có thực sự phát triển không"¹.

"Một quốc gia hai chế độ" vốn được thiết kế cho Đài Loan, trước hết áp dụng cho Hương Cảng, thu được kết quả, nhưng cũng không loại trừ là gặp may, nên cần suy nghĩ về vấn đề giản đơn này để tìm ra kinh nghiệm giải quyết vấn đề phức tạp hơn là Đài Loan.

Thời cơ giải quyết vấn đề Hương Cảng ít nhất đã thành thực vào đầu thập kỷ 80. Đặng không vội thu hồi, mà đợi 2 năm mới tuyên bố, điều đó là dễ hiểu, là vì để giành được sự hợp tác của phía Anh, để người Hương Cảng có quá trình thích ứng, để có thể bình ổn một chút. Tại sao phải đợi mười mấy năm, tới mãi năm 1997? Đó không phải là duyên cớ chưa đến kỳ hạn, vì ba bản điều ước đã không còn hiệu lực thì không có vấn đề kỳ hạn. Thời hạn cho thuê 99 năm chỉ nói lên nếu thu hồi sau năm 1997 là không thỏa đáng, nhưng không nói lên rằng nhất định phải đợi tới năm 1997. Nguyên nhân thực sự là như Đặng nói: "Giải quyết vấn đề Đài Loan cần có thời gian"². Một giáo sư ở Niue nói: cảm giác cá nhân của tôi, trong con mắt Trung Cộng, trước khi giải quyết vấn đề Đài Loan, vấn đề Hương Cảng không những không vội giải quyết, mà còn cố ý để kéo dài ra. Tại sao lại như vậy? Chính vì để làm một mô thức công khai, hấp dẫn Đài Loan trong tương lai.

Vấn đề Hương Cảng vốn không cần đàm phán nhiều, vì đó là lãnh thổ Trung Quốc, Trung Quốc lúc nào cũng có quyền thu hồi. Lúc nào sẽ quyết định thu hồi, nhiều nhất là thông tri cho Anh một câu là đủ lịch sự rồi. Dù giống

1,2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 265, 86.

như Ấn Độ thu hồi vùng Goa, căn bản không thông tri cho Bồ Đào Nha, trực tiếp đưa quân đội tới, thì trên thế giới cũng không ai có thể có ý kiến gì. Đặng thì không vội không chậm, cứ đường hoàng lịch sự, thận trọng tiếp xúc, đàm phán với Anh. Đàm phán hết vòng này đến vòng khác, sợ đàm phán thất bại, cần nhân nhượng thì nhân nhượng. Trong đó, cố nhiên có sự tính toán tranh thủ sự hợp tác của phía Anh để việc thu hồi được yên ổn, nhưng quan trọng hơn là Đặng ý thức được rằng: "Giải quyết vấn đề Hương Cảng sẽ trực tiếp có ảnh hưởng tới vấn đề Đài Loan"¹. Hai bên Trung-Anh đã trải qua một loạt cuộc tiếp xúc, đàm phán, ký kết, có thể nói lên một cách có hệ thống với Đài Loan rằng: Ngày nay Đảng Cộng sản giải quyết vấn đề này với sự tuân thủ quy tắc và thấu tình đạt lý! Đó không phải là đối với nước ngoài, còn đối với người mình, đồng bào Đài Loan thì càng không cần phải nói.

Song Đài Loan và Hương Cảng có sự khác nhau. Hương Cảng là thuộc địa của Anh, những hiệp ước giữa Trung Quốc và Anh có giá trị quốc tế, không bên nào có thể vi phạm. Đài Loan và đại lục, hai đảng Quốc - Cộng chỉ là chính trị nội bộ của một nước, vấn đề nội chính cần tuân thủ hiệp nghị ở Trung Quốc là tương đối khó khăn. Trong lịch sử, giữa Quốc-Cộng đã có bao nhiêu lần hội đàm? Cuối cùng đến là do thực lực giải quyết vấn đề, không có bên nào chịu vì văn bản hiệp nghị mà vứt bỏ quyền nuốt sống đối phương. Như vậy xem ra, những thoả hiệp đạt được giữa Trung Quốc và Anh về việc giải quyết vấn đề Hương Cảng không nhất định có thể thuyết phục được Đài Loan. Thế thì, dùng biện pháp nào để cho Đài

1. Đặng tuyền. Quyển III, tr 86.

Loan tin tưởng vào Đảng Cộng sản, với tư cách là đảng cầm quyền, có thể giữ lòng tin trong việc giải quyết vấn đề nội bộ cũng như trong vấn đề quốc tế? Tuyên bố, nói chuyện, thể thốt v.v... đều không đủ để giải quyết vấn đề, chỉ có thể tiến hành lập pháp. Mọi người không đủ lòng tin vì chính trị Trung Quốc không được pháp chế hoá, luôn luôn là người chết thì chính sách chết theo. Nếu thực hiện lập pháp, sẽ thay đổi được hình tượng nhân trị. Vì vậy, thiết lập khu hành chính đặc biệt Hương Cảng- càng phải đặc biệt hơn các khu tự trị dân tộc khác, trước hết phải lập pháp trên hiến pháp, sau đó tập hợp chuyên gia, cố vấn bỏ ra năm năm trời thận trọng soạn ra bộ luật cơ bản cho Hương Cảng. Đảng rất coi trọng bộ luật cơ bản này. Ông nói: "Chủ trương "một quốc gia hai chế độ" của chúng ta có thực sự thành công được không, cần thể hiện trên bộ luật cơ bản về khu hành chính đặc biệt Hương Cảng. Bộ luật cơ bản này còn làm mẫu mực cho Áo Môn, Đài Loan"¹. Luật cơ bản về Hương Cảng không phải dùng để gò bó người Hương Cảng, mà để người Hương Cảng yên tâm, và tiến lên để Đài Loan có thể tin tưởng: "Một quốc gia hai chế độ" và quy định bao nhiêu năm không thay đổi... không phải là lời nói tùy tiện hay một thủ đoạn, mà là để chấp hành thực sự, mong phía Đài Loan xóa bỏ được tâm lý thiếu tin tưởng.

6.11. MỖI KHI NHẮC TỚI "NHÀ ĐƯƠNG CỤC" ĐÀI LOAN, BAO GIỜ ĐẢNG CŨNG NÓI THÊM MẤY CHỮ "VÀ NHÂN SĨ CÁC GIỚI"

Đầu thập kỷ 80 và trước đó, chính sách của đại lục với Đài Loan đều nhằm vào "nhà đương cục Đài Loan", lấy

1. Đặng tuyền, Quyển III, tr 215.

Quốc dân đảng đang cầm quyền làm đối thủ. Điều đó khiến một số lực lượng chính trị khác ở Đài Loan và một số người Hoa ở nước ngoài có ý kiến. Những ý kiến đó được Đặng Tiểu Bình coi trọng. Do đó, năm 1984, khi thủ tướng chính phủ đọc bài nói trong buổi chiêu đãi quốc khách, mỗi khi nhắc tới "nhà đương cục" Đài Loan, thì Đặng ngồi phía sau đều thêm vào mấy chữ "và nhân sĩ các giới".

Đây không phải là chuyện từ ngữ nói chung, mà có quan hệ tới vấn đề lớn của sách lược mặt trận thống nhất. "Ba mặt giao lưu giữa hai bờ eo biển" là sự tiếp cận nhau về kinh tế, văn hóa, chính trị. Liên lạc với "nhân sĩ các giới" ngoài các nhà đương cục là mở rộng phạm vi hoạt động trong lĩnh vực chính trị.

Nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan có lập trường vừa chống cộng vừa phản đối Đài Loan độc lập. Về mặt phản đối Đài Loan độc lập, Quốc - Cộng có tiếng nói chung, nhưng lập trường chống cộng lại gây trở ngại cho hai bên. Do trong lịch sử, hai lần hợp tác, Quốc dân đảng đều cho là mình bị thua thiệt, bị lừa, bây giờ lại đề xuất hợp tác lần thứ ba, chỉ lấy Quốc dân đảng làm đối thủ đàm phán, thì họ rất khó tiếp thu. Nếu họ khẳng khẳng không chịu ngồi vào bàn đàm phán, thì làm thế nào? Chẳng lẽ dùng vũ lực cũng không được? Trong tình hình đó, muốn tránh dùng thủ đoạn vũ lực, chỉ có một biện pháp, là tìm tòi nước cờ linh hoạt trên bàn cờ chính trị, mà nước cờ linh hoạt về chính trị thì phải có quan hệ tam giác mới hình thành được. Hai lần hợp tác trước kia, tuy đều miễn cưỡng, nhưng đều thực hiện được, vì lúc đó có kẻ thù chung trước mặt, lúc đầu là chính quyền quân phiệt, sau đó là quân

xâm lược Nhật Bản. Ngày nay không có kẻ thù chung nào. Hương Cảng thu hồi tương đối thuận lợi, vì trước mặt là thực dân Anh, mà trong đàm phán Trung-Anh lại giữ vững nguyên tắc "ghế hai chân". Vấn đề Đài Loan không có được điểm lợi ngoại giao đó. Như vậy, mọi lực lượng phải tìm ngay tại Đài Loan, mà tại Đài Loan có lực lượng có thể tìm được. Thí dụ Đảng dân tiến luôn lo lắng cuộc hội đàm giữa hai bờ eo biển chỉ tiến hành giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản, mà yêu cầu hội đàm giữa hai chính phủ trước hết cần được ba chính đảng ở Đài Loan nhất trí đồng ý. Lý do là hiện nay Đài Loan đã là thể chế chính trị nghị viện, trừ phi quốc hội có quyết định, nếu không thì bất kỳ người nào, gồm cả tổng thống Lý Đăng Huy và "viện trưởng" Liên Chiến, đều không có quyền thay mặt toàn thể nhân dân Đài Loan để trả lời chính sách với Đại lục. Đảng Dân tiến phản đối Quốc - Cộng đàm phán với nhau là sợ mình bị bỏ rơi. Điều đó chứng tỏ rằng Đài Loan không phải là một tấm thép, mà có mâu thuẫn có kẻ nứt. Có mâu thuẫn thì có thể lợi dụng. Lợi dụng mâu thuẫn, phân hóa làm tan rã, đánh tía từng đối tượng một, đó chính là mưu lược mặt trận thống nhất kỳ diệu.

Trong vấn đề thống nhất, Đảng Dân tiến còn giữ khoảng cách xa hơn Quốc dân đảng. Nhưng "nhân dân Đài Loan" mà họ nói tới thì đáng được coi trọng. Năm xưa, Tưởng Giới Thạch trong giờ phút cuối cùng của "tiểu cộng" sờ dī buộc phải đồng ý liên hợp với Đảng Cộng sản để chống Nhật, là vì có nhân tố quan trọng là cao trào quần chúng kháng Nhật trong toàn quốc. Ngày nay, muốn buộc

Quốc dân đảng ngồi lại đàm phán, thì ý nguyện của nhân dân Đài Loan và các lực lượng đối lập ở Đài Loan khẳng định có sức nặng quan trọng. "Trong vấn đề Đài Loan, diện tiếp xúc cần rộng, ngoài nhà đương cục Quốc dân đảng là đối thủ, cần mở rộng diện cộng tác"¹. Vì lý do đó, nếu nhà đương cục chĩa chuyển, thì trước hết nên giao lưu trên ba mặt kinh tế, văn hóa, tình cảm giữa dân gian, để thúc đẩy việc tiếp xúc chính trị với nhà cầm quyền, đó là xuất phát từ sự suy xét như vậy.

Thêm nữa, hiện nay Quốc dân đảng đã mất quyền chủ đạo tuyệt đối với Đài Loan, nhất là sự phát triển của Đảng Dân tiến đã phá vỡ cục diện độc quyền của Quốc dân đảng, dần dần đã trở thành đảng cầm quyền ở từng tỉnh hoặc từng huyện. Nhưng cương lĩnh hạt nhân của Đảng Dân tiến là "Đài Loan độc lập". Trong tình hình đó, nếu chỉ nhằm vào đối thủ cũ là Quốc dân đảng, mà không chú ý đến lợi ích của các đảng phái khác thì rõ ràng là giúp làm lớn mạnh thêm phong trào đòi độc lập của Đài Loan. Nhưng, điều cần chú ý là, hiện nay có một thế lực trong nội bộ Quốc dân đảng đứng đầu là Lý Đăng Huy, đang tăng cường hoạt động chia rẽ Tổ quốc, hợp lưu cùng bọn đòi cho Đài Loan độc lập. Điều đó cần phải kiên quyết phản đối.

1. Đặng tuyến, Quyển III, tr. 86.

6.12. SỚM MUỘN SẼ XUẤT HIỆN ĐIỀU KIỆN "ĐÀM PHÁN VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT" DO ĐẶNG DỰ KIẾN. BỞI VÌ NHỮNG CUỘC TRAO ĐỔI KINH TẾ, VĂN HÓA, TÌNH CẢM CUỐI CÙNG SẼ PHÁ VỠ SỰ NGĂN CÁCH ĐỂ TIẾN SANG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ

Đặng Tiểu Bình vốn cho rằng việc giải quyết vấn đề Hương Cảng sẽ có thể có tác dụng làm mẫu đối với Đài Loan. Nhưng không ngờ, mô thức Hương Cảng tiến hành đẹp đẽ như vậy mà phía Đài Loan không mấy may rung động. Năm 1980, Quốc vụ viện công bố điều kiện ưu đãi không thu thuế nhập khẩu đối với hàng hóa Đài Loan, nhà đương cục Đài Loan không những không hưởng ứng mà còn áp dụng biện pháp trừng phạt với loại hoạt động dân gian đó. Năm 1981, chủ tịch Ban thường vụ Quốc hội Diệp Kiếm Anh phát biểu 9 điểm về chính sách để biểu lộ sự hữu hảo với Đài Loan. Năm 1983, chủ tịch ủy ban hiệp thương chính trị Đặng Đình Siêu lại đưa ra tín hiệu "mọi cái đều có thể thương lượng". Nhưng phản ứng của phía Đài Loan đều rất lạnh nhạt, cho tới năm 1986, Đài Loan vẫn chưa có động tĩnh gì lớn.

Đài Loan không vội đàm phán khiến Đặng thấy rất nôn nóng. Người đã cao tuổi, muốn sớm được nhìn thấy Tổ quốc thống nhất đó là một mặt. Điều quan trọng hơn là, vấn đề Đài Loan nếu cứ kéo dài như thế, thì hậu quả rất đáng lo. Trừ ba năm sau đại chiến thứ hai, Đài loan có tự do đi lại với đại lục, còn thì đã cách tuyệt với đại lục trong 90 năm. Địa phương này có khác với Hương Cảng, không có mối liên hệ nào về đất đai, kinh tế và đời sống xã hội

với đại lục. Về mặt chính trị, đã hình thành một thể chế được cư dân trên đảo tiếp nhận về cơ bản. Trước mắt, cái liên kết hai bờ eo biển, ngoài ý thức đồng tông, chỉ còn là mối thù oán đã hình thành trong lịch sử giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản. Phía Đài Loan hiện vẫn chưa từ bỏ quốc sách "thu hồi đại lục", điều này là một trở ngại lớn cho việc thực hiện "một quốc gia hai chế độ" của Trung ương đối với địa phương, nhưng về khách quan, lại ngăn cản sự phát triển của thế lực đòi cho Đài Loan độc lập. Nếu một ngày nào đó, nhà đương cục Đài Loan tỏ ra nhạt nhẽo hoặc từ bỏ cương lĩnh "thống nhất Tổ quốc", thì sợi dây liên hệ hai bờ eo biển chỉ còn lại có tình cảm dân tộc mà thôi. Mà tình cảm là thứ có thể nhạt dần theo thời gian. Giống như những người rời đất nước thế hệ thứ nhất như tiên sinh Vũ Hữu Nhậm, còn nghĩ tới việc lá rụng về cội, nhưng đến đời thứ hai, đời thứ ba, cả lá và cội đã đều ở trên đảo, thì còn nghĩ như vậy không? Đến lúc đó, mới nói rằng chúng ta đến là con cháu Viêm Hoàng nên cần thống nhất trong một quốc gia, thì còn có bao nhiêu người nghe? Hai bờ eo biển đã cách tuyệt hàng mấy chục năm, nay lại tiếp tục không tiếp xúc, giao lưu, qua lại thì nứt rạn càng ngày càng sâu, không biết sẽ có một ngày nào đó Đài Loan sẽ vĩnh viễn tách rời khỏi đại gia đình Trung Hoa mà hình thành cục diện "hai nước Trung Quốc" hoặc "một Trung Quốc, một Đài Loan".

Dù đồ thế nào họ cũng không "cắn câu", điều kiện ưu đãi thế nào cũng không có tác dụng. Ngoài quan hệ thân thích hiện còn, không có một cơ sở liên hệ hiện thực nào để phát huy. Nói yêu nước, Đài Loan không có thời gian dài nằm dưới sự thống trị thực dân như Hương Cảng, nên sức hấp dẫn của Mặt trận thống nhất yêu nước không lớn. Nói

thống nhất, người Đài Loan cũng cảm thấy hứng thú, nhưng ai thống nhất với ai? Thống nhất với đại lục, đa số sợ mất đi điều kiện sống hiện có. Nói tới việc hợp tác Quốc-Cộng lần thứ ba, sẽ rất dễ gợi lại những ký ức không mấy đẹp đẽ xưa kia, lại làm tăng thêm tình cảm chống đối của đối phương. Thế thì, dùng biện pháp gì để mở ra cánh cửa, phá vỡ được bế tắc đây?

Đài Loan khác với Hương Cảng, chỉ đưa vào làm mẫu thì không đủ để hấp dẫn họ. Năm 1986, trong khi tiếp nhà báo Mỹ, Đặng tỏ ý hy vọng nước Mỹ "cố võ, khuyến khích Đài Loan trước hết hãy liên hệ với lục địa về ba mặt: Buôn bán, giao thông, bưu điện. Qua những tiếp xúc đó, có thể làm tăng thêm sự hiểu biết giữa hai bờ eo biển tạo điều kiện cho hai bên đàm phán về vấn đề thống nhất"¹.

Sách lược "liên hệ về ba mặt" đã đáp ứng tâm tình nhớ quê hương của những người già ở Đài Loan. Cách biệt ba bốn chục năm ai không muốn về thăm lại quê cha đất tổ trong lúc còn sống để tìm lại họ hàng thân thích? Nhà đương cục Đài Loan không thể ngăn trở ý nguyện của nhân dân, cuối cùng, vào năm 1987, đã bỏ lệnh cấm về thăm đại lục. Về phía đại lục, không những không hỏi han về lý do "theo địch phản quốc" của những người đó, mà ngược lại, còn tiếp đãi như thượng khách, do chính phủ đứng ra chăm lo mọi mặt, hết sức ưu đãi. Thí dụ như ở phòng đợi của nhà ga, có cửa bán vé dành riêng cho đồng bào Đài Loan và cho quân nhân, với những người đầu tiên về định cư, hàng tháng chính phủ sẽ phát trợ cấp sinh hoạt, được hưởng tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

1. Đặng tuyến, Quyển III, tr. 170.

Người Đài Loan về thăm họ hàng đã mở ra bước đầu trong việc giao lưu giữa hai bờ eo biển. Mà đã có bước thứ nhất thì không lo gì không có bước thứ hai, thứ ba. Bởi vì mưu lược giao lưu về ba mặt đã đưa ra những hấp dẫn về kinh tế. Anh có thể không cảm thấy hứng thú về thống nhất đất nước, nhưng không thể làm ngơ trước cơ hội phát tài. Cùng với lòng lòng người về thăm họ hàng, thân thích, giới công thương Đài Loan cũng tấp nập vào đại lục để mở luồng làm ăn buôn bán. Quốc vụ viện cũng không bỏ lỡ cơ hội, ban bố những quy định khuyến khích đồng bào Đài Loan đầu tư vào đại lục, khiến giao lưu giữa hai bên từ chỗ đơn thuần là buôn bán phát triển sang đầu tư. Đó là việc có lợi cho cả hai bên. Thương nhân Đài Loan ham thích thị trường đại lục không kém gì thương nhân nước ngoài, tại sao lại không tận dụng ưu thế gần gũi này? Đại lục dù sao cũng phải tiếp nhận đầu tư của nước ngoài, thì tại sao không để mối lợi đó cho đồng bào Đài Loan? Rất nhanh chóng, hai bờ eo biển đã đi tới chỗ hiển nhau qua việc giao lưu kinh tế hai bên đều có lợi. Năm 1990, Đài Loan chính thức cho phép thương nhân Đài Loan vào đại lục đầu tư, lập nhà máy và ra quy định về quản lý vật phẩm đem vào đại lục. Từ đó, giao lưu, buôn bán của hai bên tiến vào quỹ đạo pháp chế hóa.

Việc đồng bào Đài Loan về đại lục thăm thân nhân, thương nhân Đài Loan về đại lục đầu tư và sự tăng trưởng buôn bán giữa hai bên, đã có tác dụng thúc đẩy tích cực việc phát triển quan hệ giữa hai bờ eo biển. Trước hết là duy trì và củng cố ý thức cùng nguồn gốc và tình cảm dân tộc còn lại giữa hai bên. Đài Bắc luôn mong muốn "mở rộng không gian sinh tồn trên quốc tế", sau khi mở rộng, sẽ giao đầu với Bắc Kinh với tư cách "thực thể chính trị

ngang hàng". Còn Bắc Kinh vì ngăn trở Đài Loan độc lập và nước ngoài nhúng tay, nên trên trường quốc tế luôn áp dụng chính sách cô lập Đài Loan. Phàm những nước lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, đến phải chấp nhận một tiền đề: Thừa nhận chỉ có một Trung Quốc và Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc hứa sẽ không có bất kỳ mối quan hệ nào chính thức với chính quyền Đài Loan. Làm như vậy, rõ ràng càng làm tăng thêm thù nghịch giữa Đài Bắc và Bắc Kinh! Việc giao lưu kinh tế và trao đổi tình cảm giữa nhân dân hai bên lại có tác dụng bù đắp lại, chứng minh rằng những chính sách trên của đại lục không phải là cố ý cô lập đả kích Đài Loan, mà chỉ là mong Đài Loan gần đại lục thêm một chút. Sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, các nước Âu Mỹ thi nhau trừng phạt Trung Quốc, thương nhân Đài Loan thừa cơ hội, tăng vọt đầu tư vào đại lục. Điều đó coi như đã giúp anh em đại lục trong lúc nguy nan, có lợi cho việc giúp đại lục chống lại sự trừng phạt của phương Tây. Thương nhân Đài Loan đương nhiên cũng được lợi, mỗi lợi béo bở không chảy ra ngoài. Từ đó hai bên đều có ý thức: Máu đào rút cục lại vẫn hơn là nước lã.

Kinh tế là cơ sở của chính trị. Kinh tế dựng nên vũ đài, chính trị biểu diễn. Hai đảng Quốc-Cộng do đã từng trải qua những bước lịch sử không lấy gì làm êm đẹp, cộng thêm hơn 30 năm đối kháng phân lập, từ sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, sự thù địch đã rất sâu. Trong tình hình đó, trước hết phải có thời gian gây dựng lại lòng tin. Trong chốc lát đã muốn Quốc dân đảng vui vẻ ngồi lại để cùng Đảng Cộng sản bàn bạc việc thống nhất đất nước và cùng hợp tác lần thứ ba, thì họ sẽ rất khó chấp nhận. "Giao lưu về ba mặt giữa hai bờ" là

biện pháp tránh được vấn đề chính trị nhạy cảm đó, trước hết hãy chưa nói tới những vấn đề chưa giải quyết được, mà để tới bước sau, trước hết hãy nói những chuyện phi chính trị như thông thương, vận tải, bưu điện, những vấn đề có lợi. Như vậy, nhà đương cục Đài Loan không tiện cự tuyệt. Đương nhiên, không tránh khỏi việc họ gây khó khăn, nhưng không lâu sau, họ đã cho phép lập một "hội giao thông trên biển", và đại lục lập tức hưởng ứng bằng một hội tương tự. Hai "đoàn thể dân gian" được chính phủ cho phép đã có tác dụng thay mặt chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nối liền hai bờ. Năm 1992, người lãnh đạo hai hội trên đã có cuộc hội đàm ở Xingapo và ký kết 4 hiệp nghị. Đó là cuộc tiếp xúc ở cấp cao nhất giữa hai bên sau hơn 40 năm cách tuyệt. Từ đó, hai hội đã phát huy tác dụng môi giới, tích cực thúc đẩy quan hệ giữa hai bên. Như vậy, cuối cùng Đài Loan đã đàm phán với đại lục, có điều còn cách một lớp "găng tay trắng".

Nhà văn Đài Loan Lưu Tú Trân nhận thấy: Dù rằng quan hệ chính trị giữa hai bên còn xa vời, nhưng thương nhân Đài Loan đã bị thị trường mông mênh của đại lục vẫy gọi, việc buôn bán qua lại đã thường xuyên tấp nập. Đến 1994, tổng số đầu tư của Đài Loan vào đại lục đã lên tới 3,7 tỷ đôla, có 10.305 hạng mục đầu tư, trở thành nguồn đầu tư lớn thứ hai vào đại lục sau Hương Cảng. Điều đó giúp đại lục giảm được sự phụ thuộc ở một mức độ nhất định vào các nguồn đầu tư khác. Theo các nguồn tin, năm 1994, xuất siêu của Đài Loan hầu như đều nhờ vào buôn bán với đại lục. Có người tính toán rằng, trình độ phụ thuộc vào thị trường đại lục của Đài Loan trong 5-10 năm tới có thể vượt quá sự phụ thuộc vào thị trường Mỹ. Đó đều là thành quả "giao lưu trên ba mặt". Dù nhà đương

cục Đài Loan tự hào về mức sống của nhân dân và giá trị sản lượng tính bình quân theo đầu người cao hơn đại lục bao nhiêu, không muốn hoặc không vội đàm phán với Đảng Cộng sản, nhưng trong cuộc "giao lưu trên ba mặt đó", họ đã bị "sa" vào một cách không tự giác. Biết làm sao được? Sức mạnh chính trị không thể cưỡng lại được với sức hấp dẫn của thị trường.

Cho đến nay trong "ba mặt giao lưu" chỉ có vấn đề "đường bay trực tiếp" là chưa giải quyết được. Song không nên lo ngại. Nhân sĩ Đài Loan đã nhận thức được rằng: Nếu Đài Loan không có đường bay trực tiếp với đại lục, họ sẽ hoàn toàn mất ưu thế cạnh tranh ở vùng Đông Nam. Nhìn thấy điều đó, Đài Loan gần đây đã đưa ra "trung tâm chuyển vận ngoài biên giới ở châu Á - Thái Bình Dương". Những người thiết kế "trung tâm" đó nhấn mạnh "không thông qua hải quan, không nhập cảnh" để tránh vi phạm quy định "không được bay trực tiếp". Nhưng, người ta chỉ nhìn qua là thấy ngay, đó thực tế là "sự biến tướng của đường bay trực tiếp". Trước đây, phía đại lục không chịu ký vào quy định bằng văn bản việc bảo hộ lợi ích đầu tư của thương nhân Đài Loan, lý do là Đài Loan không hủy bỏ lệnh cấm trực tiếp bay thẳng tới đại lục. Ngày nay Bắc Kinh tỏ ý đồng ý đàm phán và ký kết một bản "hiệp nghị có tính dân gian", đề ra việc bảo hộ rõ ràng bằng văn bản cho các khoản đầu tư của Đài Loan vào đại lục. Và nhà đương cục Đài Loan gần đây cũng tỏ ý sẽ bỏ chủ trương hạn chế việc tiêu thụ sản phẩm của đại lục ở Đài Loan, cho phép chuyên gia học giả đại lục đến Đài Loan giảng bài v.v..

Dặng đã nói: "Giải quyết vấn đề Đài Loan phải tốn thời gian, nôn nóng quá là không được". Dù rằng hai bên

hiện nay mới chỉ tiếp xúc mà chưa có lòng tin, nhưng cứ đi lại như hiện nay, tiếp xúc tốt thì sẽ hiểu nhau và sẽ xây dựng được lòng tin với nhau, thì con đường hòa bình thống nhất càng ngày sẽ càng rộng. Điều kiện để "đàm phán về vấn đề thống nhất" mà Đặng thiết kế sớm muộn rồi sẽ được tạo ra, vì việc qua lại về buôn bán, văn hóa, tình cảm cuối cùng sẽ phá vỡ được ngăn cách và tiến sang lĩnh vực chính trị.

Phần thứ bảy

MƯU LƯỢC NGOẠI GIAO

7.1. TỪ "HAI PHE" ĐẾN "BA THẾ GIỚI" LẠI ĐẾN QUAN ĐIỂM VỀ MÂU THUẬN "ĐÔNG TÂY NAM BẮC" CỦA ĐẢNG

Chiến lược quốc tế, mưu lược ngoại giao, cần được xuất phát từ cách nhìn cơ bản đối với tình hình thế giới, giống như Gia Cát Lượng ở Long Trung: Bàn suốt đại thế trong thiên hạ, sau đó mới hiến cho Lưu Bị mưu lược "chia hưởng một phần ba thiên hạ".

Đảng Cộng sản Trung Quốc từ ngày dựng nước trước sau có ba khái niệm công thức để phân tích tình hình thế giới: Những thập niên 50,60, Mao Trạch Đông dùng khái niệm "hai phe". Sau đó, Trung-Xô phân liệt, phe xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại, thập kỷ 70 chuyển sang "ba thế giới". Đến thập kỷ 80, công thức phân tích của Đặng Tiểu Bình, có thể gọi là "Đông Tây Nam Bắc" luận:

"Ngày nay, những vấn đề thực sự lớn trên thế giới, mang tính chất chiến lược toàn cầu, thì một là vấn đề hòa bình, một là vấn đề kinh tế hoặc có thể gọi là vấn đề phát

triển. Vấn đề hòa bình là vấn đề giữa phương Đông và phương Tây, vấn đề phát triển là vấn đề giữa Nam và Bắc. Khái quát lại, đó là bốn chữ "Đông Tây Nam Bắc"¹.

Cái đặc sắc của Đông Tây Nam Bắc luận là khi xét về quan hệ quốc tế đã suy xét riêng về chính trị và về kinh tế.

Quan hệ giữa phương Đông và phương Tây có chủ đề chống chiến tranh, gìn giữ hòa bình. Mục lược cơ bản của Đặng là bảo vệ hòa bình thế giới, chống chủ nghĩa bá quyền, dùng 5 nguyên tắc chung sống hòa bình để xây dựng trật tự chính trị thế giới mới, xây dựng nền ngoại giao độc lập tự chủ cho Trung Quốc.

Quan hệ giữa nửa phía Nam và nửa phía Bắc là quan hệ giữa những nước chưa phát triển với những nước phát triển. Mục lược cơ bản của Đặng là tăng cường hợp tác Nam-Nam, thúc đẩy đối thoại Nam-Bắc, xây dựng trật tự kinh tế thế giới mới trong đó các nước phát triển và các nước chưa phát triển đều được phát triển.

Lý luận về "ba thế giới" của Mao đã vượt qua cả "hai phe" vốn có. Lý luận về "Đông Tây Nam Bắc" của Đặng lại vượt cả "ba thế giới". "Ba thế giới" chỉ tương đương với quan hệ Nam Bắc. So với Mao, tầm nhìn chiến lược thế giới của Đặng còn thêm cả "quan hệ Đông Tây". Chính điểm đó đã làm cho quan hệ ngoại giao của Trung Quốc trong thập kỷ 80 sống động hẳn lên.

Theo sự phân chia "ba thế giới", Trung Quốc chỉ có thể xếp mình vào thế giới thứ ba. Điều đó rõ ràng là có ý

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 105.

nghĩa quan trọng đối với Trung Quốc trong việc đoàn kết rộng rãi với các nước thế giới thứ ba ở Á, Phi, Mỹ Latinh và tranh thủ các nước thế giới thứ hai cùng chống chủ nghĩa bá quyền. Nhưng chỉ hạn chế trong thế giới thứ ba thì rất bất lợi cho sự phát triển của bản thân Trung Quốc, trước hết là tăng thêm nghĩa vụ của Trung Quốc với các nước bè bạn trong thế giới thứ ba, làm cho Trung Quốc phải mang gánh nặng lớn trong quá trình tiến lên hiện đại hóa. Thứ hai là không tiện cho Trung Quốc độc lập, tự chủ tiến hành công việc ngoại giao ra tất cả các phía.

Lý luận về "ba thế giới" là một chiến lược phòng ngự tích cực của Trung Quốc với tư cách là một nước yếu. Vấn đề là Trung Quốc tuy về kinh tế thuộc các nước chưa phát triển, nhưng về chính trị, quân sự lại có ưu thế tương đối lớn, cần phải tích cực tiến mạnh, có sự đóng góp trên quốc tế, vừa cần đoàn kết thế giới thứ ba để ép các nước phát triển, vừa cần lợi dụng ưu thế của mình vượt ra khỏi phạm vi thế giới thứ ba, phát huy tác dụng của mình trên vũ đài quốc tế rộng rãi. Lý luận "Đông Tây Nam Bắc" của Đảng chính là mưu lược ngoại giao để Trung Quốc vừa đứng trong thế giới thứ ba, vừa vượt ra khỏi thế giới thứ ba, khiến cho Trung Quốc có thể tự chủ và linh hoạt trên vũ đài quốc tế.

Lý luận "Đông Tây Nam Bắc" đặt Trung Quốc vào hai mối quan hệ, trong quan hệ Đông-Tây thì ở vị trí "Đông", trong quan hệ Nam-Bắc thì ở vị trí "Nam", khiến cho vai trò quốc tế của Trung Quốc có tác dụng kép. Như vậy, có lợi gì cho Trung Quốc?

Parak đã phân tích: Tại sao Trung Quốc lại chiếm địa vị quan trọng như vậy trong chiến lược của Oasington và

Mátxcova, và những nước khác trên thế giới lại hết sức chú trọng đến họ như vậy? Câu trả lời là: Mặc dù Trung Quốc tự miêu tả mình là người bị uy hiếp, bị lép vế, nhưng họ lại lợi dụng một cách nhanh nhạy, mọi thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự. Kết quả, đối với tất cả các nước, Trung Quốc dần trở thành một nước có vai trò quan trọng.

Vai trò không rõ ràng nhưng lại hết sức linh hoạt đó là bí quyết để trong thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90, Trung Quốc đã thực hiện thành công chiến lược ngoại giao độc lập, tự chủ và hoà bình ra tất cả các phía.

7.2. TUY NGUY CƠ CHIẾN TRANH VẪN TỒN TẠI, NHƯNG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI CÓ THỂ TRÁNH ĐƯỢC

Đánh giá tình hình thế giới ta có cảm giác về nó như thế nào, cho rằng mây đen chiến tranh đang bao phủ hay là đã có điểm lành hòa bình, điều đó không chỉ là sự nhận thức đối với thế giới bên ngoài, mà còn trực tiếp quyết định phương châm nội chính ngoại giao của một nước. Đối với Trung Quốc càng là như vậy. Dân số Trung Quốc bằng tổng số dân của Mỹ, Nhật, Liên Xô và toàn thể châu Âu cộng lại, nhưng về kinh tế thì lạc hậu hơn các nước phát triển rất nhiều, nên không thể không quan tâm tới vấn đề chiến tranh và hòa bình.

Sự đánh giá cơ bản của Trung Quốc về tình hình thế giới, ở thời Mao Trạch Đông là "chiến tranh đã sát gần, cần chuẩn bị đánh sớm, đánh lớn". Thập kỷ 70 và đầu thập kỷ 80 thì nghiêng về nhận định "Chiến tranh không thể tránh khỏi, nhưng có thể đẩy lùi về thời gian". Giữa

thập kỷ 80, Đặng Tiểu Bình đưa ra phán đoán mới: "Tuy nguy cơ chiến tranh vẫn tồn tại, nhưng chiến tranh thế giới có thể tránh được".

Phán đoán của Đặng dựa trên những sự thực sau: Chỉ có hai siêu cường mới có khả năng phát động chiến tranh thế giới. Nhưng hai nước Xô - Mỹ đều có lực lượng hủy diệt đối phương, do đó hình thành thế đe dọa cân bằng, không ai dám ra tay trước. Thêm nữa, chiến lược toàn cầu của hai bên Xô - Mỹ đều bị vướng và sa vào rất sâu, dù hai bên vẫn đang chạy đua vũ trang nhưng Liên Xô đã ở vào thế cuối hổ, không thể nghĩ tới việc tham gia chiến tranh thế giới, mà ngược lại, lại muốn có tình hình hòa dịu. Thứ hai là trên thế giới, lực lượng hòa bình tăng mạnh hơn lực lượng chiến tranh, rất ít kẻ điên cuồng muốn phát động chiến tranh hạt nhân. Thêm nữa, cuộc cách mạng kỹ thuật mới trên thế giới phát triển rầm rộ, cuộc cạnh tranh tương lai trên thế giới đo lực lượng kinh tế và khoa học kỹ thuật chứ không phải đo lực lượng quân sự quyết định, điều này Xô, Mỹ không thể không suy xét tới.

Đặng nhìn thấy sự chuyển biến trong cuộc cạnh tranh giữa các nước từ nay về sau sẽ là từ thủ đoạn vũ lực chuyển sang thủ đoạn hòa bình, dù là chủ nghĩa đế quốc cũng không cho rằng chiến tranh là thủ đoạn tốt nhất để mưu lợi cho quốc gia. Nhận thức đó đã thay đổi cách nhìn của Trung Quốc cho rằng bản tính của chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc sinh ra chiến tranh. Một thời gian dài trước kia, sở dĩ cho rằng chiến tranh là không thể tránh khỏi vì xuất phát từ kiến giải cho rằng chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc của chiến tranh. Trong "cách mạng văn hóa", Vương Gia Tường, vì đề nghị vứt bỏ cách nhìn nhận đó, mà

bị phê phán là theo chủ nghĩa đầu hàng và xét lại. Trên thực tế, dù quyền chủ động chiến tranh ở trong tay đế quốc, nhưng phía bị động áp dụng thái độ gì, là đối kháng hay hợp tác, cũng rất có quan hệ. Chiến tranh có thể tránh được không do hai bên có muốn hay không quyết định, bao gồm phía bị động có nhận thức rằng ngoài việc đánh thì không còn biện pháp ứng phó nào khác. Nếu cho rằng nhất định phải đánh, nhất quyết sống mái một phen, thì sẽ hình thành cục diện đối kháng như giữa Liên Xô và Mỹ, khó phân biệt được bên nào chính nghĩa, bên nào phi nghĩa.

Mưu lược ngoại giao của Trung Quốc xuất phát từ chủ trương đánh hay hòa, xét từ căn bản, được quyết định bởi thái độ đối với trật tự thế giới hiện có. Như tiên sinh Trịnh Vũ Thạc đã nói, sự chuyển biến thái độ của Trung Quốc đã đem lại sự "bán cấp tiến" cho nền ngoại giao của họ, tức là nghiêng về phía cải cách chứ không phải lật đổ toàn bộ thể chế hiện có trên thế giới. Sự chuyển biến đó khiến Trung Quốc nhạt dần với sứ mạng cách mạng thế giới, mà nghĩ nhiều về lợi ích hiện thực của nước mình, thay đổi thái độ thù địch với thế giới phương Tây. Biểu trưng rõ rệt nhất là không dùng từ "chủ nghĩa đế quốc" mang nặng sắc thái hình thái ý thức để gọi các đối thủ ngày hôm qua, mà đổi sang dùng "chủ nghĩa bá quyền", "chính trị cường quyền", "nước phát triển", "siêu cường quốc" có tính chất trung tính hơn. Đây là phong cách cộng thêm vào tinh thần cao ngạo không sợ ma, không sợ quỷ tiến thêm một bước giao du với ma quỷ, đồng ý chung sống hòa bình với các nước có chế độ xã hội khác mình. Kết quả là từ thù địch chuyển sang tiếp xúc, từ đối kháng chuyển sang hòa giải, từ bài

xích chuyển sang cộng tác, tạo ra khả năng để Trung Quốc mở rộng sự giao dịch và hợp tác quốc tế.

Phán đoán về tình hình thế giới của Đặng đã hướng dẫn chính sách ngoại giao Trung Quốc từ xuất phát điểm chiến tranh chuyển sang xuất phát điểm hòa bình. Đặng không thấy hứng thú về việc chiến tranh dẫn tới cách mạng hay cách mạng ngăn ngừa chiến tranh, mà điều quan trọng là bản thân Trung Quốc cần một hoàn cảnh quốc tế hòa bình ổn định, để tập trung tinh lực xây dựng hiện đại hóa. "Trung Quốc quá nghèo, cần phát triển lên, chỉ có trong hoàn cảnh hòa bình, mới thực hiện được. Muốn tranh thủ hoàn cảnh hòa bình, thì cần phải hợp tác với mọi lực lượng hòa bình trên thế giới"¹. Ngoại giao hòa bình không chỉ là một khẩu hiệu có tính sách lược, mà xuất phát từ sự suy xét lợi ích chiến lược chiến tranh đòi hỏi tốn thời gian và tài nguyên. Trung Quốc không nhát gan sợ sệt, mà chỉ ngại tham gia chiến tranh sẽ làm lỡ mất tiến trình hiện đại hóa đã bị lỡ rất lâu, sẽ làm rối loạn trình tự bốn hiện đại, sẽ lại làm lỡ mất cơ hội phát triển. Ngược lại, triển khai rộng rãi uẩn ngoại giao hòa bình và hợp tác quốc tế, có thể tranh thủ được kỹ thuật và nguồn vốn cần thiết cho xây dựng hiện đại hóa Trung Quốc.

7.3. CHỦ TRƯỞNG CHỐNG BÁ QUYỀN, VỪA TRẤN ÁP ĐƯỢC KẸ MẠNH, LẠI KẾT GIAO ĐƯỢC VỚI KẸ YẾU. KẸ YẾU ĐI THEO, KẸ MẠNH SẼ KHÔNG DÁM COI THƯỜNG

Chống bá quyền, giữ gìn hòa bình, là phương châm ngoại giao số một của Đặng Tiểu Bình. Ông nói: "Giương

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr.82.

cao ngọn cờ chống chủ nghĩa bá quyền, giữ gìn hòa bình thế giới, kiên định đứng về phía các lực lượng hòa bình, kẻ nào bá quyền thì chống lại kẻ đó, kẻ nào gây chiến thì chống lại kẻ đó, xây dựng hình tượng Trung Quốc là một lực lượng hòa bình, một lực lượng ngăn chặn chiến tranh, là vô cùng quan trọng"¹.

Chống bá quyền, nếu chỉ là không phục tác phong bá đạo, giữa đường thấy chuyện bất bình là tuốt gươm trợ lực, như kiểu hiệp khách anh hùng nghĩa khí, thì chẳng có gì là "vô cùng quan trọng", vì Đặng suy nghĩ tới vấn đề thực tế.

Vậy, ý nghĩa thực tế của vấn đề chống bá quyền, giữ gìn hoà bình đối với Trung Quốc là thế nào?

Trong nền văn hóa Trung Quốc có tinh thần nghĩa hiệp giúp yếu chống mạnh, lấy mạnh ăn hiếp yếu gọi là bá. Có người nghiên cứu, tinh thần nhân văn đó có lợi cho sự sinh tồn của kẻ yếu. Trong quan hệ quốc tế hiện nay, Trung Quốc rõ ràng còn là một kẻ yếu, trên rất nhiều mặt đều chưa thể hiện được là mạnh, càng chưa có thể độ sức mạnh với các nước phát triển phương Tây, đặc biệt là với hai siêu cường. Do đó, giữ gìn nguyên tắc nhất luật bình đẳng giữa các nước không kể lớn nhỏ, không cho phép lớn ăn hiếp nhỏ, mạnh ăn hiếp yếu, rõ ràng là có lợi cho bản thân Trung Quốc.

Điều càng quan trọng hơn là trên thế giới ngày nay, những nước yếu vẫn chiếm số lượng lớn so với các nước mạnh. Nước mạnh không có nhiều, đặc biệt là mạnh tới mức có thể xưng bá lại càng ít. Sách lược của Đặng là giao

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 128.

thiệp với tất cả các nước, không kể là nước lớn nước nhỏ, nước mạnh nước yếu, không từ chối ai. Nhưng nếu ai xưng bá quyền, ăn hiếp nước nhỏ yếu thì dù không nhằm vào Trung Quốc, Trung Quốc cũng lên tiếng bênh vực lẽ phải, phản đối kẻ cường quyền. Lập trường chống bá quyền đó, đương nhiên sẽ làm mất lòng một số ít nước, nhưng lại tạo được quan hệ đoàn kết tốt với đa số nước. Có được sự ủng hộ của tuyệt đại đa số, thì Trung Quốc vốn không thật mạnh, sẽ trở thành có sức mạnh. Những người không hài lòng vì Trung Quốc chống bá quyền, cũng không làm gì được Trung Quốc. Chủ trương chống bá quyền, vừa trấn áp được kẻ mạnh, lại kết giao được với kẻ yếu, làm cho kẻ yếu lũ lượt đi theo, mà kẻ mạnh không dám coi thường, đương nhiên là vô cùng quan trọng.

Trung Quốc không chỉ cần đứng về phía kẻ yếu, để đoàn kết với các nước thế giới thứ ba chiếm 3/4 số nước trên thế giới, mà còn đứng về phía lực lượng hoà bình, thì con đường càng rộng. Số nhân khẩu và số nước ủng hộ hoà bình trên thế giới càng nhiều, thì dù những người muốn kiếm lợi vì chiến tranh cũng không thể coi thường ngọn cờ hoà bình. Giương cao ngọn cờ hoà bình là đủ để hiệu triệu thiên hạ, khiến chủ nghĩa bá quyền càng bị cô lập. Đặng liên hệ việc chống bá quyền với giữ gìn hoà bình, để chứng minh rằng bá quyền không có lợi cho hoà bình thế giới. Về tình hình thực tế của Trung Quốc, đối phó với chủ nghĩa bá quyền còn có năng lực, phương pháp; nhưng điều thực sự lo lắng hơn là chiến tranh, vì Trung Quốc cần tập trung tinh lực thực hiện hiện đại hóa. Đặng lấy việc giữ gìn hoà bình để kêu gọi chống bá quyền, nói rõ việc chống bá quyền ở Trung Quốc không đơn thuần là sách lược phòng

ngự, không phải là không quen nhìn tác phong bá quyền mà chống bá quyền, mà còn có nội dung tích cực, tức là ngăn trở nhân tố chiến tranh, tranh thủ một hoàn cảnh bên ngoài hoà bình ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng hiện đại hoá của Trung Quốc.

Một ý nghĩa khác của việc chống bá quyền, gìn giữ hoà bình còn là để đánh tan lập luận về "sự uy hiếp của Trung Quốc". Nếu theo mục tiêu dự định, tới lúc nào đó, Trung Quốc sẽ tiếp cận trình độ của các nước phát triển, lại có lãnh thổ rộng lớn, nhân khẩu đông đúc như thế này, thì đến lúc đó, Trung Quốc có xưng bá, quay lại ăn hiếp những người anh em nhỏ bé cũ không? Rất nhiều nước trung bình và nhỏ, vì mang tâm lý đó mà có thái độ "kính nhi viễn chi" đối với Trung Quốc, thậm chí còn dành ra một tay, một mặt họ ủng hộ lập trường chống bá quyền của Trung Quốc, nhưng lại le ủng hộ quá mức, khiến Trung Quốc nhanh chóng mạnh lên, không có lợi cho mình. Giương cao ngọn cờ chống bá quyền, nói rõ Trung Quốc vĩnh viễn đứng về phía thế giới thứ ba, về phía lực lượng hoà bình. Như vậy, ít nhất là về mặt lý luận, sự phát triển của Trung Quốc tức là sự tăng trưởng của lực lượng hoà bình thế giới, sự lớn mạnh của bản thân thế giới thứ ba, có gì là đáng sợ?

7.4. ĐẶNG KẾ THỪA MƯU LƯỢC CỦA MAO, TUYÊN BỐ TRUNG QUỐC ĐỨNG VỀ PHÍA THẾ GIỚI THỨ BA

Đặng Tiểu Bình đánh giá rất cao chiến lược chia ra "ba thế giới" của Mao, ca ngợi nó đã có tác dụng không thể lường hết đối với việc đoàn kết nhân dân thế giới chống

chủ nghĩa bá quyền, làm thay đổi so sánh lực lượng chính trị trên thế giới, phá tan kế hoạch của Liên Xô muốn cô lập Trung Quốc trên trường quốc tế, cải thiện điều kiện của Trung Quốc trên trường quốc tế, nâng cao uy tín quốc tế của Trung Quốc.

Sau khi bước vào thời kỳ lịch sử mới, tình hình mọi mặt của Trung Quốc và thế giới có rất nhiều thay đổi, Đặng vẫn nhắc lại là Trung Quốc đứng về phía thế giới thứ ba. Một lần, ông nói với một người bạn trong thế giới thứ ba: Trung Quốc là một ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc, lá phiếu đó của Trung Quốc là của thế giới thứ ba. Trung Quốc thuộc về thế giới thứ ba"¹.

Ai cũng biết rằng thế giới thứ ba đều là nước nhỏ, nước nghèo, nước yếu, Trung Quốc xét về kinh tế là nước nghèo, nước yếu, nước nhỏ. Về chính trị thì là một nước lớn không thể coi thường, nếu muốn tỏ vẻ một chút, Trung Quốc hoàn toàn có thể nhân danh một nước lớn. Nhưng làm như thế không phù hợp với trí tuệ truyền thống của Trung Quốc về hành động của kẻ yếu. Kẻ yếu có một biện pháp làm cho mình trở thành kẻ mạnh trên thực tế, đó là tự xếp mình về phía những kẻ yếu, xuất hiện với tư thế đại biểu cho những kẻ yếu. Nếu trên thế giới này những kẻ yếu chiếm đa số, thì cách làm như thế sẽ biến mình thành kẻ mạnh, đủ để đứng ngang hàng những kẻ mạnh chiếm thiểu số.

Đặng thừa kế mưu lược của Mao Trạch Đông, tuyên bố Trung Quốc đứng về phía thế giới thứ ba, đại biểu cho thế giới thứ ba để phát biểu. Làm như vậy có hai ý nghĩa lớn:

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 94.

Một là, có thể đoàn kết đại đa số để cùng chống chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, làm tăng thêm sức nặng của Trung Quốc trong các công việc quốc tế. Trung Quốc vốn không phải là lớn mạnh, nhưng có đông đảo bạn bè, thế giới thứ ba, đủ để buộc bất kỳ siêu cường quốc nào phải nể trọng.

Hai là, có thể thông qua hợp tác Nam-Nam với các nước thế giới thứ ba, giành được cái lợi giống như các nước phát triển hợp tác với Trung Quốc, đồng thời dùng hợp tác Nam-Nam để thúc đẩy đối thoại Nam-Bắc và hợp tác Nam-Nam, gây sức ép với các nước phát triển, thí dụ như yêu cầu các nước phát triển xuất phát từ lợi ích toàn cầu, bỏ tiền ra giúp cho các nước chậm phát triển cùng được phát triển.

7.5. CÓ MỘT SỐ NƯỚC TRONG THẾ GIỚI THỨ BA MUỐN TRUNG QUỐC ĐỨNG ĐẦU; NHƯNG CHÚNG TA TUYỆT ĐỐI KHÔNG THỂ ĐỨNG ĐẦU. ĐÓ LÀ MỘT QUỐC SÁCH CĂN BẢN

"Đứng về phía thế giới thứ ba" có rất nhiều cách "đứng". Đứng được tốt, sẽ có lợi cho Trung Quốc; đứng không tốt, ngược lại, sẽ có nhiều phiền phức.

Một lần Đặng Tiểu Bình nhắc nhở các đồng chí trong đảng: "Có một số nước trong thế giới thứ ba muốn Trung Quốc đứng đầu. Nhưng chúng ta tuyệt đối không thể đứng đầu. Đó là một quốc sách căn bản"¹.

Đứng đầu thì làm sao? có bài học lịch sử: Liên Xô đã

1. Đặng tuyên, Quyển III, tr. 363.

một thời gian dài đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, làm cho "anh em" trong "đại gia đình" tranh cãi om sòm, nhà nào có vấn đề là phải đến duy trì trật tự, đối ngoại còn phải gánh vác nghĩa vụ bảo đảm an toàn. Kết quả trở thành người khổng lồ về quân sự nhưng ngoài mạnh trong rừng, thấp lùn về kinh tế, trong ngoài không cân xứng, cuối cùng không trụ nổi, phải phân chia ra để sống.

Thời kỳ "cách mạng văn hóa", Trung Quốc có mấy vị phái tả muốn bắt chước Liên Xô, lấy "ba thế giới" của Mao Trạch Đông làm ngọn cờ hiệu triệu, biến Trung Quốc thành căn cứ địa cách mạng thế giới. Bản thân mình rõ ràng ăn chưa no, còn muốn siết chặt dây lưng đóng vai trò hảo hán, khẳng khái viện trợ các nước anh em trong thế giới thứ ba, thế thốt đời giải phóng toàn nhân loại thật là một vở kịch ồn ào!

Theo Đặng, đứng về phía thế giới thứ ba, nói lời công bằng thì có thể được. Nhưng quyết không thể đứng đầu, vì như thế tuyệt đối không có lợi gì:

Một là, lực lượng của bản thân Trung Quốc không đủ, không đóng nổi vai đứng đầu. Đứng đầu, tức là gỡ hết các quả bầu trên tường treo vào cổ mình. Chừng ấy quả bầu sẽ có ngày dè xuống khiến Trung Quốc không đứng thẳng lưng lên được, ít nhất cũng làm cho hành động không thuận tiện. Lại thêm, Trung Quốc vốn nghèo, việc của bản thân đã làm không hết, làm sao có năng lực bao hết chừng ấy anh em. Huống chi anh bao như thế, vừa tốn sức lại vừa không nhất định làm anh em vừa lòng. Xây dựng tốt nước Trung Hoa có một tỷ nhân khẩu, thì tự nó đã là một cống hiến rất lớn cho nhân loại. Vứt bỏ việc no ấm của một

tỷ dân không chăm lo, lại đi ôm lấy trách nhiệm đứng đầu thì có gì là cần thiết?

Hai là, khi đã đứng đầu, thì sẽ mất rất nhiều chủ động. Đứng đầu, coi như đã cột chặt Trung Quốc vào con thuyền của thế giới thứ ba, lại còn phải làm thuyền trưởng, có trách nhiệm với an toàn của tất cả thuyền viên. Thế giới thứ ba, nói về lý luận, là coi những nước giàu, nhất là những siêu cường, là kẻ thù. Đứng đầu họ, thì phải có tác dụng lãnh đạo, dẫn dắt những anh em nghèo đói đối kháng với các nước giàu, với các siêu cường. Nếu như vậy, Trung Quốc sẽ không thể độc lập tự chủ giao dịch với các nước phát triển, không có cách gì vận dụng sách lược cơ động linh hoạt trong khi xử lý quan hệ với các nước lớn. Trung Quốc đứng về phía các nước thế giới thứ ba là một con bài có sức nặng trong việc giao dịch với các siêu cường. Nhưng nếu lại lún sâu vào đó, thì Trung Quốc sẽ thành một con bài trong tay các nước khác. Như thế có khác gì nhốt mình trong tổ kén gây trở ngại cho bản thân mình, chặn đứng con đường để Trung Quốc triển khai hợp tác với các nước phát triển, giành tiền vốn và kỹ thuật, có lợi cho công cuộc xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc.

7.6. VƯỢT QUA CHẾ ĐỘ XÃ HỘI VÀ HÌNH THÁI Ý THỨC

Tư duy mới về ngoại giao của Đặng Tiểu Bình trong thập kỷ 80, nếu khái quát bằng một câu, thì đó là: "Suy xét về quan hệ giữa nước này với nước khác, chủ yếu cần xuất phát từ bản thân lợi ích chiến lược của nước mình..."

không nên so đo về sự khác biệt trong chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội"¹.

Trước kia, việc giao dịch và hợp tác đối ngoại của Trung Quốc tại sao không mở ra được cục diện? Có nguyên nhân từ phía người khác, cũng có nguyên nhân từ phía mình. Nguyên nhân về phía mình, chủ yếu là đem những giáo điều "tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa" vận dụng trong quan hệ quốc tế, dùng chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội để quyết định quan hệ dịch ta. Cùng một chế độ, có cùng quan điểm, mới có thể là bạn bè, ngược lại thì là kẻ thù. Trung-Mỹ coi nhau là thù địch hơn 20 năm. Trung Quốc trường kỳ bất hợp tác với các nước phương Tây, giữa Trung Quốc và Liên Xô có hơn 20 năm đối kháng, trong đó nguyên nhân về phía đối phương, nói theo như ta thì một anh là đế quốc chủ nghĩa, một anh là tư bản chủ nghĩa, một anh là chủ nghĩa xét lại, cộng thêm tinh thần không tin ma, không sợ quỷ, thể thốt đòi tiêu diệt đế quốc, xét lại, phản động thì làm sao có thể tiếp xúc, đối thoại, hợp tác?

Đặng dùng một câu để nói rõ thực chất của vấn đề: Đó đều là tự mình gây trở ngại cho mình.

Trở ngại trong quan hệ giữa nước này với nước khác không thuần túy chỉ là ảo ảnh do con người tạo ra, nguồn gốc của nó còn do xung đột về lợi ích. Vấn đề là xung đột lợi ích khi đã gắn với thiên kiến về chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội thì sẽ trở nên phức tạp và sâu sắc lên. Xung đột lợi ích thuần túy thì hoàn toàn có thể bình tĩnh ngồi lại với nhau, qua hiệp thương, đàm phán để tìm ra

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 330.

biện pháp giải quyết mà hai bên đều có thể chấp nhận. Sau khi gộp cả vấn đề chế độ và quan điểm vào, thì hai bên xung đột sẽ coi nhau như kẻ thù, không ai chịu nghe theo lý lẽ của ai, không còn chỗ để thương lượng nữa, nhượng bộ là coi như đầu hàng, không có khí phách. Biện pháp duy nhất để giải quyết chỉ còn là đánh đổ, tiêu diệt. Tiêu diệt không nổi thì gây căng thẳng, chiến tranh lạnh, không bên nào chịu thua bên nào.

Từ chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội mà xét quan hệ giữa các quốc gia, thì trong khi trách cứ người khác, cũng có lập luận cả mình. Muốn là bè bạn thì anh phải có chế độ giống với tôi, có quan điểm nhất trí với tôi; không thể kết bạn với "sài lang", chơi bời với "ma quỷ". Như vậy thì có mấy bè bạn để giao du? Đặng ý thức rất rõ chính sách vạch đất để giam mình đó, coi như đã tự có lập mình với thế giới. Trung Quốc muốn thực hiện bốn hiện đại hóa, thì phải mở cửa với tất cả các nước. Mở cửa ra các phía yêu cầu phải dỡ bỏ các chướng ngại nhân tạo. Dỡ bỏ chướng ngại, mới là chính sách ngoại giao hiện thực: "Có thể kết giao với tất cả mọi người"¹. Thế giới thứ ba cần giao dịch, các nước phát triển càng cần giao dịch; cần giao dịch với Bắc Triều Tiên, cũng cần giao dịch với Nam Triều Tiên; không kể mèo đen mèo trắng, hễ có lợi cho sự phát triển của Trung Quốc, thì đều nên kết giao. Đặng biết rằng "Dùng tư tưởng đó để xử lý quan hệ giữa các quốc gia, nếu không có dũng khí chiến lược thì không được"². Bởi vì kết giao với tất cả mọi người, bao gồm kết giao với "ma quỷ", kết giao với kẻ thù cũ. Do đó, đồng thời càng

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 260, 330.

cần đến trí tuệ "trong khi kết giao tìm được cái lợi, tránh được cái hại"¹.

Từ chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội để suy xét về quan hệ giữa các quốc gia, không những không kết giao được bạn bè, mà kết giao được cũng khó cư xử với nhau, rất dễ đi tới chỗ bế tắc. Bởi vì đã nhấn mạnh sự nhất trí thì khó chấp nhận người khác có ý kiến khác mình, có chút khác mình, liền cảm thấy không đủ là bè bạn, liền chỉ trích, can thiệp, áp đặt cho người khác.

Sự can thiệp bao giờ cũng là hai chiều, anh lớn tiếng chỉ trích người khác, người khác tất cô quyền trả lời anh, kết quả là đất bằng nổi sóng, đã không hợp nham, là tan tành bè bạn. Trước kia Trung Quốc đã từng can thiệp vào việc của người khác. Sau khi cải cách mở cửa đã trở nên khoan dung hơn, không còn quản việc của người khác. Vấn đề còn lại là không cho phép người khác can thiệp vào Trung Quốc như thế nào. Trong khi kết giao với những nước phát triển có ưu thế, Trung Quốc nghiêng về phía không can thiệp vào việc của người khác, nhưng cũng không chịu để người khác can thiệp vào việc của mình. Đặng biết rằng một số nước hay tùy tiện bình luận về Trung Quốc cũng chính là vì đã gộp cả quan hệ nhà nước với chế độ xã hội và quan niệm giá trị. Do đó, nhấn mạnh việc vượt qua chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội, ngược lại, lại có lợi cho mình. Tôi không quản đến công việc của anh, thì cũng mong anh tôn trọng tôi, đừng quản tới công việc của tôi. Như vậy mới có thể độc lập tự chủ, chung sống hòa bình với mọi quốc gia khác.

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 260.

So đo những điểm khác biệt về chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội đưa lại cho Trung Quốc hai điều bất lợi lớn: Ít bạn bè và luôn có xích mích. Đặng mới bỏ qua một chút, đã giành được hai điều lợi lớn: Bè bạn nhiều lên và độc lập, tự chủ.

7.7. ĐỐI KHÁNG SẼ MẤT BÈ BẠN, LIÊN MINH SẼ MẤT TÍNH ĐỘC LẬP

Đặng Tiểu Bình cho rằng, Trung Quốc khi xử lý mối quan hệ với bất kỳ quốc gia nào, đều cần cố gắng tránh hai chính sách cực đoan: Đối kháng và liên minh. Đối kháng sẽ mất bè bạn, liên minh sẽ mất tính độc lập. Phương thức lý tưởng nhất ở giữa hai cực đoan đó là nền ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ. Điều cốt lõi của nó là hòa bình hữu hảo với bất kỳ nước nào, nhưng cần giữ một khoảng cách nhất định. Đó mới là sự lựa chọn có lợi nhất cho Trung Quốc.

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, Đặng đã hết sức cố gắng, lần lượt chấm dứt trạng thái đối địch hoặc cách bức với Mỹ, Nhật, Tây Âu và Liên Xô. Nhưng với bất kỳ nước nào, Đặng cũng đều giữ khoảng cách, không quá gần gũi, cũng không liên minh. Trung Quốc luôn luôn hữu hảo với các nước thế giới thứ ba, nhưng không tạo thành "đại gia đình quốc tế". Có một số nước thế giới thứ ba chủ động yêu cầu Trung Quốc đứng đầu, Đặng kiên quyết từ chối. Trung Quốc cùng Nhật Bản, một cường quốc kinh tế ở châu Á chỉ cách nhau một vùng biển hẹp, cư xử như láng giềng thân mật, nhưng không cùng với Nhật tạo thành phạm vi thế

lực. Năm 1979, Đặng sang thăm Mỹ, thực hiện bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ, rõ ràng có dụng ý nhằm chống lại chủ nghĩa bá quyền Liên Xô, nhưng không có ý định tham gia "tập đoàn chính trị" với Mỹ. Kết thúc cuộc đi thăm, lại công bố bản thông cáo báo chí mà không có tuyên bố chung giữa hai nước, vì làm như vậy có phần không chính thức hơn, ít sức ràng buộc hơn. Cuối thập kỷ 80, cải thiện quan hệ với Liên Xô, nhưng không còn "vừa là đồng chí vừa là anh em" như từ trước thập kỷ 60 nữa, mục đích cũng là để giữ sự độc lập tự chủ.

Thái độ vừa kết bạn, vừa không quá thân mật đó, không thể hiểu là không trung thực với bè bạn, mà là mưu lược ngoại giao kiểu Trung Quốc vừa kết bạn rộng rãi, vừa không làm mất tính độc lập.

Đối đãi với bè bạn với khoảng cách như nhau mới có thể giữ được nhiều bè bạn. Nếu quá thân mật với một hoặc mấy bè bạn, thì tất làm những bạn khác cảm thấy bất an, nên không có lợi cho việc kết giao rộng rãi. Nếu Trung Quốc hợp thành một tập đoàn với một hoặc mấy nước khác, thì có nghĩa là đoạn giao với những nước ngoài tập đoàn không thể cùng giao du với họ được. Mà nước liên kết trong tập đoàn có thật đáng tin cậy không, lại là một vấn đề.

Giữ một khoảng cách nhất định với bạn bè tiện cho việc giải quyết quan hệ bạn bè. Nếu quá gần gũi, lại bị ràng buộc, khiến mình mất rất nhiều tính chủ động. Ngược lại, giữ khoảng cách nhất định, người khác sẽ sợ anh bỏ đi sang phía khác, làm tăng sức mạnh của phía khác. Như vậy, anh lại được chủ động, không phải hành động theo sắc mặt của người khác. Nếu họ có gì sai trái, anh còn có

thể có ý kiến phê phán. Nếu quá thân mật, sẽ không dễ phê phán, hễ phê phán là có thể xa cách.

Giữ khoảng cách nhất định, sức ràng buộc sẽ nhỏ, mức độ tự do của mình sẽ lớn hơn. Tuy là bè bạn, nhưng vẫn có sự bảo lưu ngoài việc bảo lưu quyền giao dịch với người thứ ba, còn bảo lưu quyền phê phán với bản thân bè bạn đó nữa, thậm chí cả quyền từ bỏ anh nếu anh không còn đi tư cách là bè bạn. Có sự bảo lưu thì có thể tự do giao dịch, có thể độc lập phát biểu ý kiến của mình. Như vậy, càng có lợi cho Trung Quốc độc lập tự chủ, phát huy tác dụng trong công việc quốc tế, mà không phải trong bất cứ việc gì cũng phải xoay quanh người khác.

Về mặt tình cảm, có thân mật một chút cũng không sao, và cũng là điều khó tránh. Đáng đặc biệt nhấn mạnh không thể tạo thành một tập đoàn có hiệp ước liên minh. Liên minh có ba tình huống: Một là, người khác yếu. Trung Quốc là minh chủ. Như vậy, có thể có cái lợi. Nhưng để Trung Quốc có thể làm minh chủ hầu như chỉ có thể giới thứ ba, mà đối với những anh em nhỏ đó, thái độ của Trung Quốc xưa nay là coi nghĩa vụ lớn hơn quyền lợi. Thêm nữa, con bài đó có thể có chút sức nặng về chính trị, nhưng không có gì về quân sự và kinh tế. Hai là, làm một thành viên của liên minh. Người khác lớn mạnh hơn Trung Quốc, Trung Quốc gia nhập một tập đoàn như thế khác gì cột mình vào chiến xa của họ. Cột vào chiến xa của người khác, ngoài việc mất tự do, còn phó thác việc an toàn của mình cho người khác. Điều đó có nghĩa là phải hành động theo ý người khác, nếu xảy ra lục đục, thì không còn bảo đảm an toàn gì nữa. Ba là, thực lực tương đương, đóng vai một bên liên minh bình đẳng. Trong nội bộ, nghĩa vụ và quyền lợi đều như nhau; đối ngoại, hai bên đều có thể chơi

con bài của nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau. Như vậy, xem ra cũng được, nhưng không phải là thượng sách. Thượng sách là làm bạn bè, nhưng giữ một khoảng cách nhất định, bảo lưu quyền đi lại tự do. Quyền chủ động đó hoàn toàn trong tay ta. Nếu bên này không hay, ta có thể dịch sang bên kia, bên kia không tốt, ta lại dịch sang bên này. Kết quả, ai cũng sợ Trung Quốc rời xa, người khác không thể chơi được con bài của ta, ngược lại, có lúc ta lại có thể chơi con bài của họ.

Không dựa vào bất kỳ ai, có thể bị cô lập không? Nếu Trung Quốc quá nhỏ bé, không đáng kể gì, thì sẽ như vậy. Song Trung Quốc bất kỳ về mặt nào, cũng không thể bị mọi người coi thường. Chỉ riêng thị trường rộng lớn của Trung Quốc cũng khiến rất nhiều nước ngoài không thể bỏ được. Đương nhiên có điều kiện đó mà không dựa vào ai thì muốn không bị cô lập, còn cần có một tiền đề, đó là không gây sự với ai. Không gây sự với ai, kết bạn với tất cả, nhưng không dựa vào ai, giữ địa vị độc lập, thì kết quả sẽ thế nào? Nước nào cũng muốn tranh thủ, nước nào cũng sợ mất lòng. Như vậy, sức nặng của Trung Quốc sẽ tăng thêm, bè bạn sẽ nhiều thêm.

Vì vậy, Đặng nói: "Chúng ta kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, không tham gia tập đoàn nào. Kết giao với tất cả, kết bạn với tất cả. Ai thực hiện chủ nghĩa bá quyền, ta sẽ phản đối người đó; ai xâm lược người khác, ta sẽ phản đối người đó. Ta nói lời nói công bằng, làm công việc công bằng, thì sức nặng chính trị của nước ta sẽ tăng lên. Chính sách đó rất có hiệu quả, ta cần kiên trì đến cùng"¹.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 162.

7.8. TRỜI CÓ SẬP XUỐNG ĐÀ CÓ NGƯỜI TO LỚN CHỐNG ĐÓ, SỢ CÁI GÌ?

Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau là một trong năm nguyên tắc chung sống hòa bình do Trung Quốc khởi xướng. Đó vốn là một quy tắc để giải quyết quan hệ với Ấn Độ, một nước láng giềng có địa vị tương đương với Trung Quốc trong thập kỷ 50. Không ngờ, tới thập kỷ 80, nó lại trở thành một vũ khí tự vệ vô cùng quan trọng trong nền ngoại giao Trung Quốc, trở thành cân nói của miệng của Đặng Tiểu Bình và những người lãnh đạo khác của Trung Quốc trước thế giới. Đặng thậm chí còn nói: "Nguyên tắc chủ yếu nhất trong trật tự quan hệ quốc tế mới, là không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác"¹.

Can thiệp vào công việc nội bộ khác với vũ trang xâm lược. Nó là một phương thức ngoại giao của một nước dựa vào thực lực của mình để gây sức ép hoặc ảnh hưởng tới nước khác. Có thể gây ảnh hưởng đối ngoại hay không hoặc có sợ ảnh hưởng của nước ngoài hay không chủ yếu phụ thuộc vào sự lớn mạnh hay không của nước mình. Nói chung, chủ trương can thiệp hoặc can thiệp một cách phớt lờ là lập trường của nước lớn, còn nước yếu thì nghiêng về chủ nghĩa không can thiệp.

Kinh tế kém phát triển, cộng thêm tâm lý không muốn để một số ít nước làm chúa tể thế giới, khiến Trung Quốc trở thành người phản đối tự nhiên đối với hành vi can thiệp của nước lớn. Do nguyên nhân lịch sử và văn

1. Đặng tiểu Bình, Quyển III, tr. 360.

hóa. Trung Quốc đặc biệt nhạy cảm với hành vi can thiệp. Đương nhiên không thể nói nguyên tắc không can thiệp là một nguyên tắc phiến diện chỉ có lợi cho Trung Quốc. Đặng tính toán đầy đủ đến việc nguyên tắc này có thể được sự ủng hộ rộng rãi trên thế giới. Tiếng kêu mạnh mẽ phổ biến của Tổ chức thống nhất châu Phi là yêu cầu nước khác đừng can thiệp vào công việc nội bộ của họ. Ngoài ra, nhiều nước theo đạo Hồi chiếm 1/5 nhân khẩu thế giới cũng không chấp nhận việc can dự của các nước phương Tây. Cộng thêm Trung Quốc, cũng chiếm 1/5 nhân khẩu thế giới, thì đội ngũ này đã đủ lớn.

Không can thiệp là hành vi có tính song phương, yêu cầu người khác không can thiệp vào nước mình, tự mình cũng không can thiệp vào nước khác. Trung Quốc muốn thực hiện việc không can thiệp vào nước khác là tương đối dễ. Xét trong lịch sử, người Trung Quốc xưa nay chỉ chuyên chú tới việc làm sao chiến thắng và khống chế người khác trong nội bộ của đại quốc trung ương, chứ không có ham muốn chi phối gì với các đi bang ở ngoại vực. Mong muốn lớn nhất chỉ là người khác đừng tới quấy rối. Trong thời kỳ "cách mạng văn hóa", một số ít người có cuồng vọng biến Trung Quốc thành căn cứ địa của cách mạng thế giới, đã làm một số việc gán ép cho người khác, xuất phát điểm vẫn là ý tốt muốn giúp đỡ người khác, và Trung Quốc đã phải mất đi rất nhiều so với cái lợi thu được. Chỉ những người không thông minh mới làm như vậy. Từ ngày cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc một lòng giữ quan hệ tốt với thiên hạ, lo chiến tranh ảnh hưởng đến xây dựng hiện đại hóa, đặt việc phát triển bản thân lên hàng đầu, việc của mình làm không hết, còn lòng dạ nào chú ý tới nước khác. Trung Quốc không có ý, cũng

không có sức đi can thiệp vào việc của người khác, thì việc "không can thiệp vào việc nội bộ của nhau", đối với Trung Quốc, là vũ khí mạnh mẽ để chống chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự tôn nghiêm dân tộc.

Trung Quốc muốn thực hiện hiện đại hóa thì cần mở cửa ra bên ngoài, nhất là mở cửa ra các nước phát triển phương Tây. Trong tình thế đó, nếu không tách riêng nội chính với ngoại giao, cho phép việc can thiệp lẫn nhau, xem ra thì quyền lợi ngang nhau, anh can thiệp tôi, tôi cũng can thiệp anh, nhưng thực tế thì bất lợi cho Trung Quốc. Vì Trung Quốc ở vào thế yếu, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản chưa đủ khiến người ta tin. Nếu không ngăn cấm việc can thiệp lẫn nhau, thì Trung Quốc không gây được ảnh hưởng gì với người khác, người khác đã dựa vào ưu thế về mọi mặt, đủ để làm thay đổi màu sắc của Trung Quốc, đưa Trung Quốc ngã sang phía tự mình không thể khống chế được. Đương nhiên, can thiệp không nổi với người khác, thì còn một phương pháp chống đỡ nữa, là đóng chặt cửa lại, không giao dịch với bên ngoài nữa. Nhưng như thế thì không có lợi cho xây dựng hiện đại hóa. Với sự suy tính không thể không mở cửa và lại không để xảy ra hậu quả Tây hóa toàn diện, thì không can thiệp lẫn nhau trở thành một biện pháp không thể thiếu được để bảo hộ mình.

Không cho phép can thiệp, cũng là một kỹ xảo trong cư xử quốc tế. Chính vì Trung Quốc còn yếu, nên càng cần giữ độc lập tự chủ, không tin ma, không sợ quỷ, không chấp nhận can thiệp, không tỏ ra là mình yếu. Đây không phải là loại tinh thần A.Q., mà vì trước kẻ mạnh, anh càng sợ, càng tỏ ra yếu, người ta càng lấn tới. Người ta không vì

anh mềm mỏng mà tốt với anh, ngược lại, càng cảm thấy dễ an hiệp anh, càng coi thường anh. Cứ được đảng chân lán đảng dẫu như thế, thì càng ngày càng phiền phức. đương nhiên, thực hiện chiến tranh tâm lý với kẻ mạnh, cần có dũng khí rất lớn. Dẫu dẫu là không thiếu dũng khí. Trời có sập xuống thì đã có người to lớn chống đỡ, sợ cái gì?

Trung Quốc có thể thay đổi, nhưng phải thay đổi theo ý mình, chứ không thể để người khác khoa chân múa tay chỉ huy, bởi vì điều đó quan hệ tới lòng tự tôn của người Trung Quốc. Đặng hiểu rằng nếu không có lòng tự tôn dân tộc, không coi trọng nền độc lập và sự tôn nghiêm dân tộc, thì không thể xây dựng được quốc gia. Một lần, ông nói "thực lòng" với Níchxơn: "Nếu Trung Quốc không tôn trọng mình, thì Trung Quốc sẽ không đứng vững được, không còn quốc thể nữa. Điều này quan hệ lớn lắm. Bất kỳ người lãnh đạo nào phạm sai lầm về vấn đề này sẽ bị đánh đổ, nhân dân Trung Quốc sẽ không tha thứ cho họ"¹. Đúng như vậy, trong lịch sử cận đại, chính phủ nào bị nghi ngờ là bán nước đều không đứng vững được.

Vấn đề càng thực tế hơn là Trung Quốc vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ. Vấn đề Đài Loan nếu bị quốc tế hoá, thì vấn đề thống nhất Tổ quốc sẽ không còn hy vọng. Dùng cái gì để ngăn trở việc quốc tế hoá vấn đề Đài Loan? Đó là nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ. Vấn đề Đài Loan là công việc chính trị nội bộ của Trung Quốc, hai bờ eo biển hành động như thế nào là việc của Trung Quốc. Bất kỳ nước nào muốn giữ quan hệ hữu hảo với Trung Quốc, thì

1. Đặng tuyển - Quyển III, tr. 332.

tiên đề là phải công nhận Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc. Còn như sự kiện "ngày mồng bốn tháng sáu" (tức 4-6-1989, ngày Trung Quốc đàn áp phong trào tự do hóa ở Bắc Kinh-ND), hội nghị người đứng đầu 7 nước phương Tây ra tuyên bố trừng phạt Trung Quốc, phản ứng đầu tiên của Đặng là "Ai cho họ có quyền đó!". Những phái bị phê phán trong phong trào 4-6 đều là phái Tây hóa. Nếu cho phép phương Tây nhúng tay vào, thì sẽ rất khó ổn định được tình thế.

7.9. NẾU TRƯỚC ĐÓ KHÔNG NHÓT CON GẤU BẮC CỰC VÀO CHUỒNG, THÌ LÂM THẾ NÀO ĐỂ DIỆU ĐỘNG BINH VỚI VIỆT NAM?

Liên Xô, con gấu Bắc Cực, ngay từ thập kỷ 60 đã bố trí nhiều quân đội ven biên giới Trung-Xô và biên giới Trung Quốc-Mông Cổ. Kể cả quân đội phải tới Mông Cổ thì tổng số lên tới một triệu. Số tên lửa nhằm vào Trung Quốc, tương đương 1/3 số tên lửa của toàn Liên Xô... Liên Xô hình thành thế bao vây chiến lược đối với Trung Quốc, sâu sau của Trung Quốc trở thành phạm vi thế lực của Liên Xô, an toàn quốc gia bị uy hiếp nghiêm trọng.¹

Đặng Tiểu Bình lúc đó vừa chiến thắng phái "phàm là", nắm quyền quyết sách tối cao của Trung Quốc, vốn mong muốn từ đó về sau sẽ tập trung toàn bộ sức lực vào xây dựng hiện đại hóa. Công việc này không thể kéo dài nữa. Nhưng trong tình hình bị Liên Xô bao vây ba mặt, làm sao có thể yên tâm xây dựng? Đặng không thể không

1. Lưu ý: Đây là cách nói của Trung Quốc. (B.T).

một mặt bố trí tiến trình hiện đại hóa, một mặt nghĩ cách làm thế nào để nhốt con gấu Bắc Cực vào chuồng, để hạn chế đà tâm bành trướng của nó với Trung Quốc.

Các nước bạn trong thế giới thứ ba không giúp đỡ được bao nhiêu. Nhưng chính vào lúc đó, Mỹ đã có hành vi chủ động. Oasinhtơn không muốn thấy thế lực của người Nga bành trướng quá đáng ở châu Á, cảm thấy trước sự uy hiếp của Liên Xô, lợi ích chung của hai nước Mỹ-Trung tăng lên, nên đã thỏa hiệp với Trung Quốc trên vấn đề Đài Loan là vấn đề vốn gây trở ngại cho sự bình thường hóa giữa hai nước, đã tiếp nhận ba điều kiện, đó là rút quân khỏi Đài Loan, đoạn giao và xoá bỏ điều ước tương trợ. Trong tình hình đó, Đặng đã đi một bước quan trọng trong chiến lược ngoại giao: Nhận lời mời bình thường hóa của Tổng thống Carter vào đầu năm 1979, với tư cách người lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc, bay qua Thái Bình Dương, tiến hành cuộc đi thăm chính thức đầu tiên tới nước Mỹ.

Rất nhiều nhà quan sát chú ý, trong thời gian thăm Mỹ, Đặng đã ra sức đóng vai một phần tử thân Mỹ. Chỉ vì để tìm đến sự hợp tác cần thiết về kinh tế và kỹ thuật cho công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc, nên đương nhiên cần phải làm như vậy. Càng quan trọng hơn là mượn việc nhấn mạnh lợi ích chung giữa Mỹ và Trung Quốc để cho con gấu Bắc Cực thấy. Trong cuộc hội đàm chính thức với Carter, Đặng nhấn mạnh việc Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ cần phối hợp hành động để ngăn cản sự bành trướng của Liên Xô, nhưng có điều bảo lưu quan trọng cho rằng không cần thiết phải xây dựng liên minh chính thức. Song, trong các trường hợp công khai, tư thế chống Liên Xô mà Đặng biểu lộ ra, là chưa từng có từ thời "cách mạng văn hóa" đến lúc

đó. Khi tiếp xúc với giới báo chí, Đặng kêu gọi Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Âu và các nước khác trên thế giới liên hiệp lại để cùng chống chủ nghĩa bá quyền Liên Xô. Ông nói: Chúng tôi cho rằng nguy cơ chiến tranh đến từ phía Liên Xô, sự uy hiếp đến hòa bình, an toàn và ổn định trên thế giới đến từ phía Liên Xô. Chúng ta có thể làm thế này: Liên Xô hành động ở đâu, chúng ta sẽ ngăn trở ở đó, phá hoại, đập tan mọi hành động của Liên Xô ở bất cứ nơi nào... Có người nói, những lời nói chống Liên Xô của Đặng trong những ngày ở Mỹ hầu như cũng gay gắt như những lời công kích Liên Xô trong thời kỳ "cách mạng văn hóa". Tại sao như vậy? Trong khi trả lời tuần báo "Thời Đại", Đặng Tiểu Bình trả lời như sau: "Cần phải nhốt con gấu Bắc Cực vào chuồng". Trước khi rời Mỹ, Đặng để lại lời nói cuối cùng: "Muốn trói được con gấu Bắc Cực, biện pháp duy nhất của chúng ta là đoàn kết lại". Báo Sự thật Liên Xô trong khi chỉ trích chuyến đi thăm Mỹ của Đặng, đã viết: "Đó là một tuần lễ du thuyết tung hỏa mù phản động chống Liên Xô", trên thực tế, trên đường ghé Nhật Bản của Đặng, ông cũng vẫn nhấn mạnh chủ đề đó.

Mọi người còn chú ý thấy rằng, 10 ngày sau chuyến đi gió lốc đó của Đặng, bộ đội biên phòng Trung Quốc ở khu vực biên giới Quảng Tây, Vân Nam đã mở đầu cuộc phản kích tự vệ dạy bài học cho Việt Nam¹. Dư luận phương Tây cho rằng, chuyến đi thăm vòng Thái Bình Dương đó của Đặng là sự trình sát hỏa lực đối với Mỹ, Nhật. Đúng như vậy, nếu trước đó không nhốt con gấu Bắc Cực vào chuồng thì làm thế nào để động binh chống Việt Nam? Việt

1. Đây là viết theo quan điểm sai lầm của tác giả cuốn sách này. (B.T).

Nam có điển ước bảo đảm an toàn với Liên Xô. Để củng cố chuồng gấu, trong suốt năm 1979, hai nước Trung-Mỹ trong khi tăng cường hợp tác kinh tế văn hóa, cũng bắt đầu hợp tác quân sự. Thí dụ, hải quân Mỹ thăm Trung Quốc, hai bên trao đổi đoàn đại biểu quân sự, Mỹ bán vũ khí cho Trung Quốc. Giữa năm 1979, mời bộ trưởng quốc phòng Mỹ sang thăm Trung Quốc, mở đầu sự hợp tác quân sự Trung-Mỹ. Trung Quốc và Mỹ cùng nhau giám sát việc thử hạt nhân của Liên Xô, trao đổi tin tình báo về Ăganitxtăng và Việt Nam.

7.10. ĐẢNG ĐỊNH NGÀY ĐI THĂM MỸ VÀO MÓNG MỘT ĐẦU NĂM ẤM LỊCH

Trung-Mỹ đối địch hơn hai mươi năm, trở ngại chủ yếu không ngoài hai điểm: Sự khác biệt về chế độ xã hội và vấn đề vị trí của Đài Loan. Đối với Trung Quốc, điều thứ nhất là chế độ xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, điều thứ hai là yêu nước hay bán nước, đều là những vấn đề rất nhạy cảm.

Nếu cộng thêm những điều kiện quốc tế, thì hướng phát triển của quan hệ Trung-Mỹ sẽ được quyết định bởi ba nhân tố: Một là, do so sánh lực lượng chính trị trong nội bộ Trung Quốc, quyết sách chính trị đối với chủ nghĩa tư bản sẽ như thế nào. Sẽ một mực phê phán, phủ định, hay sẽ chủ trương học tập bắt chước. Điểm này tuy không trực tiếp nhưng lại quyết định về căn bản xu thế chung của quan hệ Trung-Mỹ. Hai là, hai bên Trung-Mỹ có thái độ thế nào với vấn đề Đài Loan, nếu hai bên có thể thông

cầm lẫn nhau ở mức cao, thì sẽ trực tiếp quyết định con đường phát triển của quan hệ Trung-Mỹ. Ba là, nhân tố bên ngoài là quan hệ Trung-Xô. Theo chiến lược ngoại giao truyền thống của Trung Quốc, chỉ nên có một kẻ thù chủ yếu, không thể cùng một lúc chống lại cả hai kẻ thù. Nếu Trung-Xô tăng thêm căng thẳng thì sẽ trực tiếp thúc đẩy Trung-Mỹ xích lại gần nhau. Đương nhiên, nếu Trung-Xô hòa hoãn thì cũng không có nghĩa là sẽ làm cho quan hệ Trung-Mỹ tụt xuống mức thấp nhất.

Ba nhân tố trên chi phối lẫn nhau. Đầu những năm 70, nguy cơ ở biên giới phía Bắc tăng lên, Mao Trạch Đông đã chuyển chiến lược chống cả hai siêu cường nghiêng nhiều sang chống Liên Xô. So với Liên Xô, sự uy hiếp của Mỹ từ bên kia Thái Bình Dương rõ ràng là nhỏ hơn nhiều. Năm 1972, với sự đánh giá "Việc Đài Loan là nhỏ, việc thế giới là lớn", Mao đã bắt tay hoà đàm với Níchxơn. Mao cố ý kết thành đồng minh chiến lược ngầm với Mỹ để chống lại sự uy hiếp của con gấu Bắc Cực. Song, sự bình thường hoá quan hệ Trung- Mỹ không phải đã thuận lợi. Oasinhtơn không dễ dàng từ bỏ chiếc "hàng không mẫu hạm không thể bị đánh chìm" trên Thái Bình Dương, lần nữa không chịu nhượng bộ về vấn đề Đài Loan. Còn Trung Quốc, trong điều kiện còn theo đuổi đường lối trong cách mạng văn hoá, cũng khó có thể đi cùng với Mỹ, tên đầu sỏ của chủ nghĩa tư bản.

Tất cả những điều đó đều trông vào tài xoay chuyển của Đặng Tiểu Bình. Đặng ôm ấp kế hoạch làm bốn hiện đại hoá, mục tiêu của bốn hiện đại hóa phải tiến tới bằng hai bánh xe: Một là, cải cách thể chế cũ để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất; hai là, kết thúc trạng thái đóng cửa lâu dài trong đối ngoại, mở cửa với các nước, nhất là

các nước phát triển trên thế giới, để giành được tri thức khoa học kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý hiện đại. Đặng biết rằng mở cửa sang phương Tây, trước hết phải qua Mỹ. Mỹ là nước đứng đầu các nước phát triển phương Tây, lại là nước có trình độ hiện đại hóa cao nhất. Trước kia, Trung Quốc hoàn toàn ngăn cách với toàn bộ thế giới phương Tây, trước hết là vì ngăn cách với Mỹ. Nay muốn thông sang phương Tây thì trước hết phải mở cửa sang Mỹ.

Nhưng Đặng cũng bị ràng buộc bởi nhiều nhân tố, không thể không thận trọng suy xét thời thế. Năm 1977, Vaxơ đến thăm Trung Quốc, đàm phán việc bình thường hóa với Đặng. Đặng tỏ ra cố ý lảng tránh, làm như không muốn đề cập vấn đề Đài Loan. Sau đó, Nhà trắng ra thông cáo nói rằng lần hội đàm đó có tiến triển, người lãnh đạo Trung Quốc tỏ ra có sự linh hoạt trong điều kiện bình thường hóa. Đặng thậm chí lại phản bác điều đó. Hành động ấy khiến phía Mỹ cảm thấy kinh ngạc, nhưng thực tế không có gì khó giải thích. Bởi vì lúc đó, Đặng mới được phục chức không lâu, cơ sở chính trị còn mỏng yếu, không thể không e ngại trước vấn đề nhạy cảm là quan hệ Trung-Mỹ. Tháng 5-1978, Brezhnev lại đến thăm, tình hình diễn ra hoàn toàn khác. Lúc đó, quyền lực của Đặng đã tăng lên rõ rệt, ông tỏ ý Trung Quốc đồng ý đàm phán vấn đề bình thường hóa.

Sau đó, sự xấu đi trong quan hệ Trung-Xô lại trở thành liên thuốc kích thích tốt... Quan hệ Trung-Xô không còn đất để hòa hoãn nữa. Mỹ thấy Liên Xô bành trướng ở Nam Á, cũng có phản ứng tích cực trở lại, liền tiếp nhận ba điều kiện rút quân khỏi Đài Loan, đoạn giao và hủy bỏ

điều ước với Đài Loan, chỉ bảo lưu quyền bán vũ khí cho Đài Loan. Liên kết với Mỹ để chống Nga đó cũng là ý của Mao lúc còn sống. Đặng không bỏ lỡ thời cơ, thúc đẩy tiến trình đó. 1-1-1979, Trung-Mỹ chính thức lập quan hệ ngoại giao, hoàn thành cuộc đàm phán kéo dài 8 năm. Tiến trình này hội nhập với sự chuyển biến của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa 11, đánh dấu sự bắt đầu của một thời đại mới.

Tiếp ngay sau đó, Đặng bắt đầu cuộc đi thăm chính thức nước Mỹ đầu tiên của người lãnh đạo tối cao của Trung Quốc trong vòng 30 năm lại đây. Ngoài việc củng cố và phát triển tình hữu nghị Trung-Mỹ đã hình thành, chuyến đi này của Đặng còn có ba sứ mạng: Liên hiệp với Mỹ cùng ngăn chặn Liên Xô để giảm nhẹ sức ép ở biên giới Trung-Xô; đưa việc giải quyết vấn đề Đài Loan, hoàn thành thống nhất Tổ quốc vào chương trình làm việc cụ thể; tìm kiếm sự hợp tác kinh tế kỹ thuật cho chương trình hiện đại hóa vừa phát động.

Đặng định ngày lên đường đi thăm Mỹ vào mùng một đầu năm âm lịch. Hôm đó, mọi người đều bận đón năm mới, mong đón điểm lành đầu năm. Đặng chọn ngày đó để bay qua đại dương kết bạn đầu năm, khiến Cato rất cảm động. Trong lời chào mừng vào hôm sau, Cato nói: "Thưa ngài phó thủ tướng, hôm qua là đầu năm theo lịch cũ, là ngày Tết của các ngài, là ngày lễ truyền thống để nhân dân Trung Quốc bắt đầu một lịch trình mới. Tôi nghe nói,

trong dịp đầu năm này, mọi thần linh từ thiện của các ngài đều mở hết các cửa. Đó là lúc dẹp bỏ mọi xích mích trong gia đình, là lúc đi thăm bạn bè thân thích. Đối với hai nước chúng ta, hôm nay là giờ khắc đoàn tụ và bắt đầu

một lịch trình mới. Hôm nay là giờ khắc hòa giải, là giờ khắc mở lại cánh cửa từ lâu đã bị đóng kín".

Trong bữa tiệc lớn ở Oasington, Đặng đọc lời phát biểu: "Hai nước chúng ta trong 30 năm qua đã ở vào trạng thái ngăn cách và đối lập, nay tình hình không bình thường đó đã qua rồi". Đặng nồng nhiệt bắt tay Cato trước mặt các nhà báo và phấn khởi nói: "Nay nhân dân hai nước đang bắt tay nhau".

Ngoài việc liên hiệp ngấm với nhau để chống Liên Xô, người lãnh đạo hai nước còn ký một loạt hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật và giao lưu văn hóa. Nội dung bao gồm: cùng đặt lãnh sự, cùng phái lưu học sinh, hợp tác trong lĩnh vực khai thác nguồn năng lượng, vật lý năng lượng cao và kỹ thuật không gian. Cato nói, những hiệp nghị đó đại biểu cho "một trào lưu mới không thể đảo ngược" trong quan hệ Trung-Mỹ. Còn Đặng thì nói, những cái đó "mới chỉ là bắt đầu, mà chưa phải là kết thúc", sau này "còn nhiều con đường và lĩnh vực hợp tác giữa hai bên đang chờ đợi chúng ta khai thác".

Sự bất đồng chỉ có hai điểm. Nhật ký của Cato viết: Đặng cực lực phản đối kế hoạch cử các giáo sĩ nước ngoài đến Trung Quốc truyền giáo, nhưng ông ta đồng ý trên nguyên tắc việc cơ quan truyền thông Mỹ đặt phân xã ở Trung Quốc. Đặng không tán thành việc bán vũ khí cho Đài Loan, ông ta yêu cầu từ sang năm Cato cần có thái độ thận trọng trong việc bán vũ khí cho Đài Loan, còn hy vọng Mỹ và Nhật thúc giục Đài Loan đàm phán với Trung Quốc.

Trong 8 ngày ở Mỹ, Đặng dùng một nửa thời gian để đi thăm 3 thành phố trung tâm công nghiệp lớn của Mỹ là

Atlanta, Xítton và Huxtân. Sự sắp xếp chương trình đó tạo cơ sở cho việc triển khai hợp tác kinh tế sau này. Ông đặc biệt lưu ý đến kỹ thuật cao và thành tựu hiện đại của Mỹ. Nhiều lần nói rằng ở Mỹ có rất nhiều điều để Trung Quốc học tập. Đó không phải là lời nói khách khí hoặc khiêm tốn. ở Xítton, Đặng nói một câu kết luận: "Chặng cuối cùng trong hành trình của tôi là thành phố được các bạn gọi là "cánh cửa lớn thông sang phương Đông". Điều này khiến chúng tôi ý thức rõ rằng, hai nước chúng ta là hàng xóm cách một dải nước. Thái Bình Dương không nên là trở ngại giữa hai nước chúng ta, mà nên là sợi dây liên hệ giữa chúng ta".

Trong 8 ngày, Đặng hội đàm không mệt mỏi với Tổng thống và các quan chức Mỹ, hội kiến với hàng trăm nghị viên, thống đốc bang, thị trưởng và các nhân vật nổi tiếng trong giới kinh doanh và giới giáo dục, đồng thời còn nói chuyện với mấy ngàn người, trả lời hết tốp nhà báo này đến tốp nhà báo khác. Hơn 2.000 nhà báo đi theo để phỏng vấn, đưa tin; thời gian cao điểm của ba mạng lưới truyền hình Mỹ đều biến thành "thời gian Đặng Tiểu Bình". Dư luận thế giới phổ biến cho rằng, sự tiếp đãi long trọng và hoan nghênh chưa từng có đối với Đặng Tiểu Bình, là điều chưa thấy của lịch sử ngoại giao ở Mỹ. Ký giả của Tân Hoa Xã bình luận: Trong lịch sử ngoại giao giữa Trung Quốc với nước ngoài "lập trường của Trung Quốc đối với công việc quốc tế và quan hệ Trung-Mỹ được công chúng Mỹ hiểu sâu sắc một cách trực tiếp bằng phương thức hữu hiệu đó, là điều trước nay chưa từng có".

Cơ sở về Đặng Tiểu Bình cuốn lên tại Mỹ đã thúc đẩy quan hệ Trung-Mỹ lên tới đỉnh cao chưa từng có. Nhưng có người vì vậy có cảm giác sai lầm rằng Trung

Quốc cầu cạnh Mỹ, coi thường Trung Quốc, thậm chí cho rằng, vì chiến lược chống Liên Xô, Trung Quốc đã nuốt trôi vấn đề Đài Loan. Đặng thấy cần thiết phải hạ bớt cơn sốt. Sự thực, các nhân tố ràng buộc cũng đang thay đổi. Trong cuộc chiến tranh Trung-Việt năm 1979, Liên Xô có thái độ kiềm chế. Diễn đó có nghĩa rằng tình hình căng thẳng Trung-Xô có phần dịu đi. Và trong giai đoạn cầm quyền về sau của Cato, Mỹ đã ban bố "luật về quan hệ với Đài Loan", tiếp đó, trong cương lĩnh tranh cử của Rigan, lại có một số lời lẽ khiến người ta không yên tâm. Đồng thời, ở trong nước, mặt trận chống Hoa Quốc Phong có sự rạn nứt, đường lối cải cách của Đặng chịu sức ép lớn. Do đó, trong năm thứ hai sau khi thăm Mỹ, Đặng bắt đầu hạ thấp giọng về quan hệ Trung-Mỹ. Một số năm sau, phía Trung Quốc không ngừng đưa ra kháng nghị với Mỹ về vấn đề Đài Loan, và nước Mỹ trả miếng lại bằng vấn đề nhân quyền và chế độ "tối huệ quốc". Hai bên không ngừng tranh cãi, nhưng việc hợp tác kinh tế kỹ thuật vẫn được tiến hành theo hiệp định.

7.11. THÁNG 5-1989, ĐẶNG TIỂU BÌNH 86 TUỔI HỘI KIẾN VỚI GOÓCBACHỐP 59 TUỔI, KHÔNG PHẢI Ở MỘT NƠI NÀO THUỘC LIÊN XÔ, MÀ Ở BẮC KINH CỦA TRUNG QUỐC

Sự đối lập Trung-Xô có hai nguyên nhân, một là, sự bất đồng về hình thái ý thức xã hội, tranh luận xem ai là Mác-Lênin chính thống; hai là, tranh chấp về biên giới đã tồn tại từ lâu: Thời nước Nga Sa hoàng đã chiếm mất hơn 150 vạn km² lãnh thổ Trung Quốc; trong thập kỷ 60, Liên Xô lại đàn một triệu quân trên biên giới Trung-Xô.

Đặng Tiểu Bình đã từng là một chiến sĩ chống Liên Xô xuất sắc. Ông đã từng đối diện dọ sức với Khrútsốp, được Khrútsốp gọi là "anh chàng thấp bé rất khó đối phó". Năm 1974, tại diễn đàn Liên hiệp quốc, Đặng đã công bố trước thế giới lập trường của Trung Quốc: So sánh với Mỹ "về mặt ức hiếp các nước khác, thì siêu cường quốc mang nhân hiện xã hội chủ nghĩa còn hung ác hơn".

Liên Xô trở thành kẻ thù chủ yếu đối với Trung Quốc, còn nguy hiểm hơn Mỹ, không phải vì hình thái "xét lại" và chế độ xã hội, mà vì Liên Xô có sự uy hiếp hiện thực đối với sự an toàn của Trung Quốc lớn hơn Mỹ rất nhiều. Sự tranh luận về hình thái ý thức xã hội, nói về phía Trung Quốc, thuần túy là sản phẩm của "cách mạng văn hóa". Người Trung Quốc xóa bỏ thành kiến với "chủ nghĩa xét lại" dễ hơn xóa bỏ lòng nghi ngờ với "chủ nghĩa tư bản". Cuối thập kỷ 70, Trung Quốc kết thúc "cách mạng văn hóa" bắt đầu dẹp bỏ rối loạn, trở lại đúng đắn thì hình tượng kẻ thù của "xét lại Liên Xô" cũng tự động tiêu tan. Đó có thể coi là một cơ hội để hai nước bắt đầu tiếp xúc và đối thoại. Không ngờ, lúc đó Brêgionép lại tăng thêm hai trở ngại mới: Ủng hộ Việt Nam xâm nhập Campuchia¹ và trực tiếp tiến công Ápganitxtăng, hình thành thế bao vây hình chữ "C" đối với Trung Quốc.

Trong tình hình không có hy vọng hòa hoãn với Liên Xô, Đặng không thể không kế thừa chiến lược quốc tế của những năm cuối đời Mao Trạch Đông: Liên hiệp với Mỹ để cùng ngăn chặn dã tâm bành trướng của Liên Xô. Phương pháp này quả nhiên đem lại hiệu quả. Qua việc Đặng sang

1. Đây là viết theo quan điểm sai lầm của tác giả cuốn sách này. (B.T.).

thăm Mỹ đầu năm 1979, Liên Xô giữ thái độ im lặng khi Trung Quốc dạy bài học cho Việt Nam¹ nên đã không làm cho sự việc phát triển thành xung đột trực tiếp Trung-Xô.

Đặng tuy nổi tiếng là có thái độ cứng rắn với Liên Xô, nhưng cũng như Lưu Thiệu Kỳ, ông luôn cho rằng giữ hòa bình với Liên Xô là rất quan trọng. Công cuộc hiện đại hóa vừa phát động, điểm căn bản trong chiến lược của Đặng đối với Liên Xô là làm hòa dịu tình hình căng thẳng, phòng chiến tranh nổ ra. Trung Quốc không có nhu cầu đo tài cao thấp với Liên Xô về quân sự, chỉ cần có một hoàn cảnh bên ngoài hòa bình ổn định để chuyên tâm vào xây dựng hiện đại hóa.

Cải thiện quan hệ với Liên Xô còn có một ý nghĩa quan trọng nữa: Có thể làm cho Trung Quốc không vì sự uy hiếp của Liên Xô mà quá phụ thuộc vào Mỹ. Như vậy, trên vũ đài quốc tế, Trung Quốc càng có mảnh đất rộng rãi để hoạt động.

Trên thực tế, từ sau nguy cơ năm 1979 bắt đầu thập kỷ 80, quan hệ Trung-Xô liền xuất hiện dấu hiệu hòa hoãn. Tuy giữa Liên Xô và Trung Quốc còn một món nợ lịch sử lớn, hễ nhắc tới là đề công phần, nhưng Đặng xuất phát từ hiện thực, chỉ yêu cầu Liên Xô bỏ sự uy hiếp với biên giới Trung Quốc, trở về trạng thái của thập kỷ 50 là mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Yêu cầu này là rất thấp, Liên Xô chỉ cần thu hẹp đã tâm bá quyền một chút là thực hiện được.

Đương nhiên, hy vọng Liên Xô từ bỏ đã tâm bá quyền

1. Đây là viết theo quan điểm sai lầm của tác giả cuốn sách này. (B.T.).

chỉ là mong muốn của một bên. Còn việc có từ bỏ hay không, cuối cùng quyết định bởi những thay đổi trong nội bộ Liên Xô. Liên Xô một mực muốn cùng Mỹ tranh giành bá quyền toàn cầu, nhưng thực lực kinh tế của họ rõ ràng không bằng Mỹ, nên sẽ có ngày họ không trụ nổi. Do chiến tuyến đối ngoại kéo quá dài nên tiến vào thập kỷ 80, Liên Xô dần dần lộ rõ thực chất ngoài mạnh trong rỗng. Nền ngoại giao hòa bình và việc cải cách nội chính của Trung Quốc vốn cũng cùng là nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô có lẽ ít nhiều đã gợi mở cho Liên Xô: Chiến lược bỏ hết sức vào phát triển của Trung Quốc so với chiến lược bỏ hết sức vào khuếch trương đối ngoại, thì cái nào cần chọn lựa hơn?

Trong cao trào cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa trong thập 80, Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình đã dẫn đầu. Năm 1982, cải cách ở nông thôn đã bước đầu có hiệu quả. Trong lúc đó, hoạt động mậu dịch Trung-Xô bắt đầu khôi phục trở lại từ 1982 đến 1986, buôn bán giữa hai nước tăng lên 7 lần. Lợi ích do cải cách đem lại càng có sức hấp dẫn hơn món "thịt bò xào khoai tây" mà Khorútsốp nói năm nào rất nhiều. "Ông anh cả" ngày trước bỗng thấy "chú em nhỏ" châu Á có nhiều cái để học tập. Năm 1985, Górcbachốp lên cầm quyền, đã mở đầu việc cải cách. Và ông chủ mới của điện Kremli còn đi xa hơn tổng thiết kế sư của Trung Quốc nhiều. Hai nước đều đi theo con đường cải cách cùng xét lại chuyện cũ và từ bỏ những tệ hại của thể chế cũ. Dù cách nghĩ không giống nhau, nhưng cũng đã mở đường cho việc xóa bỏ tình thân thù địch trong hơn 20 năm.

Theo ý Đặng, chỉ cần Liên Xô không tạo ra căng thẳng ở biên giới, từ bỏ sự uy hiếp đối với Trung Quốc, thì không cần cò kè đến chuyện gì khác, hãy cứ làm tốt công

việc của mình đi đã. Nhưng Mỹ thì lại rất muốn làm suy yếu Liên Xô, vậy hãy để cho Mỹ đi cò kè với Liên Xô. Sự uy hiếp và ưu thế của Liên Xô đều dựa vào lực lượng quân sự. Điều đó sẽ bị làm giảm qua các cuộc mặc cả về tài giảm vũ trang kéo dài giữa Liên Xô và Mỹ. Liên Xô không còn là uy hiếp với Mỹ thì sự uy hiếp của họ với Trung Quốc cũng không tồn tại nữa.

Xét về phía Liên Xô, đã đồng ý kết thúc chiến tranh lạnh với Mỹ, thì còn cần gì đối kháng với Trung Quốc nữa? Do đó, trong vấn đề cải thiện quan hệ với Trung Quốc, Liên Xô tỏ ra chủ động. Đầu năm 1986, Liên Xô đề xuất kiến nghị để các chuyên gia Liên Xô quay trở lại Trung Quốc. Đặng không tỏ ra vô vậ. Tháng 7, Góócbachốp lại đưa ra quả bóng màu, biểu thị rằng phía Liên Xô đồng ý lấy dòng chính của Hắc Long Giang làm đường phân chia biên giới giữa hai nước; Liên Xô sẵn sàng vào bất kỳ lúc nào cùng với phía Trung Quốc thảo luận về việc tạo ra không khí láng giềng tốt ở bất kỳ cấp nào, hy vọng rằng trong một tương lai không xa, biên giới Trung- Xô sẽ trở thành một khu vực hòa bình và hữu nghị.

Với biểu thị đó của Góócbachốp, Đặng tỏ ra "hoan nghênh một cách thận trọng". "Hoan nghênh" vì nó có điểm mới, hiếm có trong hơn 20 năm nay. "Thận trọng", vì Đặng nghe thấy ở Bộ ngoại giao Liên Xô một giọng điệu khác. Do đó, Đặng lại đưa quả bóng lại phía sân của Liên Xô, thông qua giới báo chí, nói cho Liên Xô biết: Tiên đề để cải thiện quan hệ là trừ bỏ "ba trở ngại lớn" giữa Trung- Xô: Liên Xô rút quân ra khỏi Mông Cổ và biên giới Trung- Xô, rút quân khỏi Ápganitxtăng, đốc thúc Việt Nam đình chỉ xâm lược¹Campuchia. Trong cuộc nói chuyện vào tháng 7.

1. Đây là lập trường sai trái của tác giả cuốn sách này. (B.T.).

tháng 7. Goócbachốp tuyên bố Liên Xô đang nghiên cứu rút số lớn quân khỏi Mông Cổ, và hứa trước cuối năm 1989, sẽ rút 6 trung đoàn ra khỏi Ápganixxtăng nhưng không đề cập tới vấn đề Campuchia...

Tư thế của Đặng rất cao. Ông nói: Chỉ cần Liên Xô từ bỏ ba trở ngại, thì dù ông đã 82 tuổi, không còn nhiệm vụ đi thăm nước ngoài nữa, ông cũng vui lòng phá lệ, tới bất cứ nơi nào của Liên Xô để gặp Goócbachốp, thực hiện việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước.

Tháng 5 năm 1989, Đặng Tiểu Bình 86 tuổi đã gặp mặt Goócbachốp 59 tuổi. Nhưng không phải ở một nơi nào thuộc Liên Xô, mà ở Bắc Kinh, thủ đô Trung Quốc. Từ năm 1961, những người lãnh đạo hai đảng đã ngừng tiếp xúc trên thực tế, đến lúc đó cũng gần 30 năm rồi.

Đặng kiến nghị lợi dụng dịp hội ngộ đó để tuyên bố việc bình thường hoá quan hệ Trung- Xô. Nhưng để tạo ra quan hệ tốt cho tương lai, Đặng đã nói thẳng với Goócbachốp về những món nợ cũ giữa hai nước, không hề khách khí: Từ việc nước Nga Sa hoàng xâm chiếm 150 vạn km² lãnh thổ Trung Quốc, tới việc bao vây chiến lược đối với Trung Quốc, để chứng minh rằng trong lịch sử người chiếm lợi nhiều nhất từ Trung Quốc ngoài Nhật Bản thì tới nước Nga, mà trong gần 30 năm nay, người tạo nên mối uy hiếp chủ yếu với Trung Quốc, lại là Liên Xô. Đây không phải là sự tố cáo, Đặng tuyên bố, ông nói những điều đó, không yên cầu phải trả lời, cũng không yêu cầu biện luận, chỉ là để các đồng chí Liên Xô biết Trung Quốc nhận thức "quá khứ" như thế nào, trong đầu người Trung Quốc nghĩ vấn đề gì. Như vậy, có lợi cho việc làm rõ khái niệm "mở ra tương lai": Trung Quốc đồng ý kết thúc quá

khứ, nhưng không quên mọi nỗi khuất nhục của quá khứ là để suy nghĩ về tương lai. Tương lai sẽ như thế nào? Điều này còn xem các đồng chí Liên Xô sẽ như thế nào.

7.12. TAM GIÁC LỚN CỦA THẾ GIỚI

Không chỉ một lần Đặng Tiểu Bình nói tới tam giác lớn của thế giới. Một lần, ông nói với người bạn Nhật Bản: "Trên thế giới, người ta đang bàn bạc về tam giác lớn của thế giới. Nói thẳng thắn, lực lượng của chúng tôi ở góc này của tam giác còn quá mỏng yếu"¹. Đó không phải là phủ nhận sự tồn tại của tam giác mà là cảm thấy Trung Quốc, ở góc này của tam giác còn phải cố gắng nhiều. Một lần khác, ông nói với các đồng chí mình "trên thế giới, đang nói tới tam giác lớn Xô - Mỹ - Trung. Chúng ta không dùng cách nói đó, chúng ta đánh giá tình tảo về sức mạnh của mình, nhưng chúng ta tin rằng Trung Quốc có sức nặng đầy đủ trong công việc quốc tế"².

Sức nặng của Trung Quốc từ đâu tới? có phải do diện tích đất đai lớn, nhân khẩu đặc biệt đông đảo? Có đông bề bạn thuộc thế giới thứ ba ủng hộ? Những nhân tố đó dù có là nguyên nhân, cũng chưa phải là chủ yếu. Chủ yếu là người Trung Quốc, trước kia là Mao Trạch Đông, đặc biệt là Đặng Tiểu Bình, hiểu được bí quyết giải quyết quan hệ giữa các nước lớn, tinh thông "nguyên lý tam giác học".

Chỉ nói về quan hệ song phương, không kể là giữa Trung-Mỹ, hay Trung-Xô, Đặng đều chủ trương "hòa vi

1, 2. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 105, 128.

quý". Hòa hảo với Mỹ có lợi cho chính sách cải cách mở cửa, có thể nhận được nhiều mối lợi từ phương Tây. Hòa địn với Liên Xô, có thể làm giảm sức ép biên phòng, tránh được chiến tranh bùng nổ, yên tâm xây dựng bốn hiện đại. Vì vậy Đặng chủ trương vừa cải thiện quan hệ với Mỹ, vừa cải thiện quan hệ với Liên Xô, nhưng từ chối làm vật phụ thuộc hoặc liên minh với bất kỳ siêu cường nào.

Cuối thập kỷ 70, để chống lại dã tâm bá quyền của Liên Xô, Đặng đã kế thừa chiến lược của Mao, chuyển từ chống hai nước bá quyền sang chống một nước bá quyền, chủ động xích lại gần Mỹ. Nhưng, trong khi giao hảo với Mỹ, Đặng cố sức tránh đứng hẳn vào tập đoàn với Mỹ. Ngay trong "tuần trăng mật" năm 1979, ông cũng vẫn giành sự linh hoạt cho mình. Thí dụ, khi họp bàn với Tổng thống Carter, ông chủ trương hai nước Trung - Mỹ nên phối hợp hành động kiềm chế Liên Xô, nhưng cho rằng không cần thiết lập liên minh chính thức. Hội nghị người đứng đầu hai nước thành công, nên tuyên bố rộng rãi cho thế giới biết, Đặng chọn hình thức "ra thông cáo báo chí chung" chứ không chọn hình thức tuyên bố chung của hai người đứng đầu. Như vậy, để tỏ ra có phần nào phi chính thức và ít sức ràng buộc.

Đặng biết rằng giao dịch với Mỹ cần có một "độ" nhất định. Sau "tuần trăng mật", cần phải lạnh nhạt một chút. Để thay đổi cảm giác sai lầm của Mỹ cho rằng "Trung Quốc không có gì đáng kể", "Trung Quốc phải cân cạnh Mỹ", từ đầu thập kỷ 80, Đặng không ngừng tỏ thái độ không hài lòng đối với hiện trạng quan hệ Mỹ - Đài Loan. Sau khi Rigan lên làm Tổng thống, phía Trung Quốc nhiều lần khiển trách Mỹ đã bán vũ khí cho Đài Loan, thậm chí còn dọa sẽ hạ thấp cấp quan hệ giữa hai nước nếu Mỹ vẫn

không thay đổi lập trường. Năm 1982, Đặng còn nói với giới báo chí: Vấn đề Đài Loan là một trở ngại lớn trong quan hệ Trung - Mỹ. Khi Maico Oalasơ hỏi ông xem Mỹ nên có hành động gì trong vấn đề này, Đặng nói: Có thể khuyến khích Đài Loan tiến hành "giao lưu trên 3 mặt" với lục địa, tạo điều kiện để đàm phán về thống nhất đất nước.

Mặt khác, không thể để quá lâu, để phòng trở lại trạng thái đối địch trước kia. Sau "sự kiện ngày 4-6", quan hệ Trung - Mỹ xuống tới mức thấp nhất. Đặng rất căm giận trước việc các nước phương Tây đứng đầu là Mỹ trừng phạt Trung Quốc, đã khiến trách nhiệm, không hề tỏ ra sợ hãi. Nửa năm sau, sự việc nhật dấn, Đặng lại cảm thấy "quan hệ Trung-Mỹ cần phải tốt lên", và nhờ đại sứ của Tổng thống Mỹ chuyển tới Cáo lòng thành thật của ông: "Ở phương Đông, có một ông già Trung Quốc rất quan tâm đến việc cải thiện và phát triển quan hệ Trung-Mỹ".

Đặng thấy được ý nghĩ của Mỹ: Trung Quốc vì lợi ích của chiến lược chống Liên Xô, nên có thể bỏ qua vấn đề Đài Loan. Ông cảnh cáo các bạn Mỹ không nên lợi dụng quan hệ bè bạn để chèn ép Trung Quốc. Trung Quốc tại sao phải chống Liên Xô? Chỉ vì Liên Xô uy hiếp an toàn của Trung Quốc. Sự thực, bắt đầu từ thập kỷ 80, sự uy hiếp của Liên Xô với Trung Quốc dần dần giảm đi, còn giữa Mỹ và Liên Xô mới thực sự có cái vĩa lớn. Xuất phát từ nhu cầu chiến lược, Mỹ đã đơn phương kiềm chế Liên Xô, việc Trung-Mỹ liên hiệp để chống Liên Xô không còn ý nghĩa lớn nữa. Mỹ dựa vào cái gì để chơi con bài Liên Xô với Trung Quốc; chẳng lẽ Trung Quốc không thể chơi con bài Liên Xô với Mỹ?

Đến giữa thập kỷ 80, xu thế hòa hoãn Trung-Xô càng rõ rệt, cuối cùng Đặng đã chơi con bài này, bắt đầu tìm diễn kiện hòa giải với Liên Xô. Tháng 10-1988, Đặng tuyên bố hai nước Trung-Xô sẽ có cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên từ 30 năm nay vào năm 1989. Một số quan chức ngoại giao phương Tây chú ý thấy: Đặng đã chọn thời điểm trước mấy tháng để công bố về Hội nghị Thượng đỉnh Trung-Xô không phải là ngẫu nhiên. Không tới một tháng nữa, sẽ có cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ, Trung Quốc đưa ra tuyên bố đó là để tỏ cho người lãnh đạo sắp tới của Mỹ thấy Trung Quốc dự định sẽ phát huy mạnh mẽ tác dụng trên mặt ngoại giao, không thể chơi con bài Trung Quốc được.

Tháng 5-1989, khi chính thức gặp Górcbachốp ở Bắc Kinh, Đặng đề nghị nhân dịp này tuyên bố bình thường hoá quan hệ Trung-Xô. Lúc đó, có người lo lắng, sau khi Trung Quốc và Liên Xô có quan hệ tốt với nhau, có thể hình thành một tập đoàn cộng sản mới uy hiếp phương Tây hay không? Níchxơn, người đã hiểu Trung Quốc nói quả quyết: Điều đó không có khả năng. Đặng cần cải thiện quan hệ Trung-Xô, nhưng không thể khôi phục tình hình của thập kỷ 50, không thể trở lại làm "người em nhỏ" của Liên Xô. "Trừ phi Trung Quốc hoàn toàn vứt bỏ phương Tây, nếu không thì quyết không thể ngã vào lòng người láng giềng đáng sợ phương Bắc đó được".

Phần trên đã nói Đặng mấy lần đề cập tới tam giác lớn thế giới, đều ở thời kỳ giữa thập kỷ 80. Lúc đó, qua cải cách, thực lực của Trung Quốc tăng lên nhiều, hình tượng Trung Quốc cũng đã khác. Đặng quyết định thực hiện sự chuyển biến về chiến lược ngoại giao. Ông nói: "Có một thời gian trước kia, để đối phó với sự uy hiếp của Liên Xô,

chúng ta đã thực hiện chiến lược "một tuyến", tức là "một tuyến" từ Nhật Bản, qua châu Âu đến Mỹ. Nay chúng ta thay đổi chiến lược đó, đó là một sự chuyển biến to lớn"¹.

Chuyển biến đó tức là thoát ra khỏi lòng của Mỹ. Rồi sẽ ngã vào đâu? Không phải là lại ngã vào lòng Liên Xô, mà là đứng riêng, độc lập tự chủ, không làm mất lòng ai, không dựa dẫm vào ai.

Đặng hiển rõ trong tam giác Trung - Mỹ - Xô, góc của Trung Quốc tương đối mỏng yếu. Dù Trung Quốc dựa vào bên nào, cũng chỉ có thể đóng vai trò một người bạn nhỏ hoặc một người anh em nhỏ, tự mình mất rất nhiều chủ động, lại có thể trở thành con bài trong tay người khác. Ngoài ra, còn có hai điều bất lợi lớn: Tất sẽ làm mất lòng một phía, không dung chước lấy kẻ thù; tất sẽ mất bè bạn trong thế giới thứ ba, làm cho mình trở thành cô lập. Kết quả là nếu chỉ muốn ngã vào lòng người khác, thì thế sự xoay vần, nếu kẻ đó đứng không vững, bị sụp đổ, thì mình lại càng cô lập.

Đặng hiển được nguyên lý tam giác: Trong một hệ thống nếu chỉ có hai cực, sẽ thường hình thành cục diện bế tắc, xuất hiện thế tam giác, thì sẽ có cục diện sống động, và luôn luôn có lợi cho kẻ tham gia sau. Nếu dựa vào một phía nào đó, thì tam giác sẽ biến thành hai cực, co kéo với cực bên kia, coi như cột mình vào chiến xa của người khác, bị động khắp nơi, phải càn cạnh người khác. Ngược lại, không dựa vào ai, giữ khoảng cách đều với hai cực kia, bản thân sẽ có địa vị độc lập, mà hai bên đều phải làm thân với Trung Quốc ở trung gian. Lúc đó, nếu càn tỏ thái độ

1. Đặng tuyến. Quyển III, tr. 127.

với một phía, chỉ cần ngả một chút về phía kia là được. Hoàn toàn linh hoạt, nắm quyền chủ động trong tay mình, thì người khác không chơi được con bài Trung Quốc, mà Trung Quốc lại có thể tùy lúc chơi một trong hai con bài.

Không dựa vào một phía nào, về hình thức, thì thấy như là trở về với lập trường cũ chống cả hai siêu cường. Có thể nói như vậy, song có điều phương thức đã hoàn toàn khác, không còn như trước kia, dùng biện pháp chống bá quyền kém thông minh là đối kháng, đoạn giao, thù địch với cả hai bên hoàn toàn không có lợi cho mình; mà là lấy việc cải thiện quan hệ với cả hai bên làm tiền đề, "ai bá quyền thì chống người đó". Việc chống như vậy sẽ làm mất lòng người đó, nhưng không sao, họ không làm gì được, vì họ không dễ để anh chạy hẫng sang phía bên kia. Như thế gọi là "không làm mất lòng ai" (đều cải thiện quan hệ), "không dựa vào ai" (giữ khoảng cách nhất định), kết quả là "không sợ ai" (ai có sai lầm đều dám phê phán).

Lập trường đứng giữa "ai bá quyền thì chống người đó", giữ tín nghĩa, chủ trì công lý, còn có một cái lợi lớn: Có thể đoàn kết mọi nước bất mãn với chủ nghĩa bá quyền xung quanh mình. "Như vậy sẽ tăng cường được địa vị quốc tế của Trung Quốc, tăng thêm quyền phát ngôn của Trung Quốc trên quốc tế"¹. Kết quả là Trung Quốc vốn là một góc mỏng yếu, sẽ trở nên rất hùng hậu.

Pôn Kennodi, nhà nghiên cứu về lịch sử hưng suy của các nước lớn nhận thấy: Tầm quan trọng của vai trò độc lập thực sự của Trung Quốc trong hệ thống quốc tế ngày nay (và tương lai) được tăng cường rất nhiều do phong

1. Đặng tuyến, Quyển III, tr. 128.

cách mà họ đã biểu hiện trong việc giải quyết mối quan hệ với các nước lớn khác. Trung Quốc thường coi thường những yêu cầu và mong muốn của các siêu cường, nhưng trong một số trường hợp, hành động của họ lại gây bất ngờ cho người khác. Dù nhược điểm của họ rất dễ thấy, nhưng chưa bao giờ họ tỏ ra là hoàn toàn ngã theo và khuất phục trước Mátxcơva và Oasington... Do tất cả những điều đó, Trung Quốc có một địa vị độc đáo trên thế giới... Kỳ thực, căn cứ vào sức nặng của Trung Quốc, trên một ý nghĩa nhất định, họ là một siêu cường quốc dự bị - nhưng không phải là một siêu cường quốc học theo kiểu Liên Xô hoặc Mỹ, mà là một siêu cường quốc phản ánh địa vị độc đáo của Bắc Kinh trong nền chính trị toàn cầu.

7.13. HÃY ĐỂ CHO QUÁ KHỨ QUA ĐI, NHƯ THẾ KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ QUÊN QUÁ KHỨ, NHƯNG CẦN CHÚ Ý MỜ RA TƯƠNG LAI

Trong mưu lược ngoại giao của Đặng Tiểu Bình, quan hệ Trung - Nhật chiếm một địa vị đặc biệt, trên một mức độ nhất định, thậm chí có tầm quan trọng vượt hơn cả việc cải thiện quan hệ Trung-Mỹ và quan hệ Trung-Xô.

So với Trung-Mỹ và Trung-Xô, những điểm chung giữa Trung - Nhật có nhiều hơn. Giữa Trung-Xô, có thời gian xung đột biên giới trên mấy ngàn cây số; giữa Trung-Mỹ, có vấn đề rất nhạy cảm là Đài Loan. Về phía Nhật, họ có sự tranh chấp 4 hòn đảo phía Bắc với Liên Xô, với Mỹ, tuy có hiệp ước an toàn, nhưng cạnh tranh kinh tế, nhất là cọ xát về thương mại càng ngày càng nghiêm trọng. Hai

vấn đề đó đều không dễ giải quyết. Giữa Trung Quốc và Nhật Bản chỉ có một đảo Điển Ngư không có gì là quan trọng lắm. Đặng đã dùng biện pháp khéo léo là "cùng nhau khai thác" để vượt qua trở ngại đó. Nhật Bản tuy là cường quốc kinh tế, nhưng sau chiến tranh, địa vị chính trị trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế vẫn là địa vị của một nước chiến bại. Nhật Bản muốn thay đổi hiện trạng đó thì không thể coi nhẹ Trung Quốc, một trong năm ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc.

Tháng 10-1978, Đặng Tiểu Bình sang thăm Nhật Bản để trao đổi văn bản ký kết điều ước hòa bình hữu hảo Trung-Nhật. Trong khi hội kiến Nhật Hoàng, Đặng nói một câu: "Điều ước Trung-Nhật có thể có một ý nghĩa sâu xa vượt khỏi dự liệu của chúng ta". Đối với Trung Quốc, Nhật Bản không tạo nên sự uy hiếp như Liên Xô, đồng thời lại có tiềm lực hiện đại giống như Mỹ. Việc hữu hảo Trung-Nhật vừa có tác dụng kiềm chế Liên Xô, vừa khiến cho Trung Quốc không vì nhu cầu hiện đại hóa mà phải quá dựa vào Mỹ và phương Tây.

Năm 1972, Trung Quốc lập quan hệ ngoại giao với Mỹ sớm hơn với Nhật Bản một bước, nhưng sau này, việc bình thường hóa quan hệ Trung-Nhật lại đi trước việc bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ. Năm 1978, ba tháng trước khi sang Mỹ, Đặng đã đem tới Nhật tin tức về chủ trương cải cách mở cửa của Trung Quốc. Trong thời gian thăm Nhật, hai bên Trung-Nhật đều tỏ ra rất có hứng thú với việc hợp tác kinh tế kỹ thuật Trung-Nhật. Nhật Bản hầu như đã chờ đợi từ lâu người khách hàng to lớn là Trung Quốc. Điều đó rõ ràng là một kích thích với Mỹ. Lúc đó, việc bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ còn một chặng đường dài nữa. Mọi nước tư bản phát triển đều hy vọng

đáp chuyển tàn đầu tiên tới thị trường rộng lớn của Trung Quốc. Nước Mỹ sao có thể để cho đối thủ cạnh tranh ở Thái Bình Dương nhanh chân tới trước? Việc giao hảo với Nhật Bản khẳng định là một nước cờ quan trọng để Trung Quốc nắm quyền chủ động trong quan hệ tam giác Trung-Mỹ-Nhật và giải quyết quan hệ với Mỹ. Dù quan hệ giữa Trung Quốc với Mỹ, thậm chí với tất cả phương Tây bế tắc, chỉ cần giữ được sự hợp tác với Nhật, thì Trung Quốc vẫn có con đường ngoảnh để học tập và nhập kỹ thuật của bên ngoài.

Tính món nợ lịch sử, có lợi nhiều nhất cho Trung Quốc, thì đứng đầu là Nhật Bản, rồi đến nước Nga Sa hoàng và sau đó là Liên Xô. Song Nhật Bản từ sau đại chiến, không còn chiếm một tấc đất nào của Trung Quốc nữa. Mà Liên Xô thì nợ cũ chưa trả một chút gì, lại mắc thêm nợ mới, là tạo nên sự uy hiếp lớn nhất với Trung Quốc. Giữa Nhật - Xô cũng có nợ với nhau, đó là 4 hòn đảo phía Bắc. Giữa Trung-Nhật, trên phương diện cùng đối phó với Liên Xô cũng có sự cần thiết không kém giữa Trung - Mỹ. Nhật tuy không muốn đối địch với Liên Xô, nhưng việc họ trở thành một đồng minh với Trung Quốc trong mặt trận chung chống Liên Xô vào giữa thập kỷ 80 về trước, là không thành vấn đề nữa. Năm 1978, khi Đặng thăm Nhật lần đầu trong nghi thức đón tiếp ở nhà khách quốc gia có 28 đại sứ các nước ở Nhật tham gia. Theo yêu cầu của phía Trung Quốc, Nhật không mời đại sứ Liên Xô. Đặng lợi dụng diễn đàn Nhật Bản, giải thích về điều khoản chống bá quyền trong điều ước, ngoài việc tự ràng buộc đối với hai bên Trung-Nhật, còn gồm cả việc phản đối hành động bá quyền của bất kỳ nước nào. Trước nhà báo các nước, Đặng nhấn mạnh: "Chống chủ nghĩa bá quyền là

hạt nhân của điều ước hữu hảo Trung-Nhật". Ba tháng sau, để kiểm chế hành động bành trướng của Liên Xô ở Nam Á, Đặng sang thăm Mỹ. Trên đường về, Đặng lại ghé thăm ngắn ngày tại Nhật Bản, nhấn mạnh một lần nữa với những người lãnh đạo Nhật về vấn đề chống bá quyền, và sau đó mới có cuộc phản kích tự vệ chống Việt Nam.

Đặng hy vọng giữa hai nước Trung-Nhật đời đời con cháu sẽ hữu hảo với nhau, không chỉ trong thế kỷ 20 mà còn nghĩ tới mấy thế kỷ sau. Những điều kiện có lợi về mặt này không ít. Thí dụ, hai nước đều thuộc châu Á; là hàng xóm láng giềng cách nhau một dải nước; đều là giống da vàng, thuộc hệ thống văn hóa phương Đông, có hơn hai ngàn năm qua lại hữu hảo trong lịch sử. Đặng rất chú ý lợi dụng những tài sản nhân văn quý giá đó để phát triển quan hệ Trung-Nhật. Thí dụ, trong thời gian thăm Nhật, Đặng đã đặc biệt bố trí một chuyến đi thăm ngôi chùa ở thành phố Nara và nhận lời cho phép một vị hòa thượng trụ trì ở đó về nước thăm gia đình. Sau đó, trong quá trình hợp tác giao lưu kinh tế giữa hai nước, Trung Quốc một mặt áp dụng biện pháp hữu hiệu để ngăn hàng hóa Nhật ồ ạt tràn vào Trung Quốc, mặt khác lại sẵn sàng đón kỹ thuật cao và vốn liếng của Nhật. Năm 1988, Nhật Bản cho Trung Quốc vay 800 tỷ yên, Đặng kinh ngạc trước số tiền lớn đó và thân gửi lời cảm tạ tới Thủ tướng Nhật. Đây có thể là lần đầu tiên Đặng gửi lời cảm tạ tới một nguyên thủ nước ngoài.

Quan hệ Trung-Nhật không phải là không có trở ngại, trở ngại tiềm tàng lớn nhất là chiến tranh Trung-Nhật đã gieo vào lòng nhân dân hai nước những dấu ấn sâu sắc. Nhân dân Trung Quốc rất khó xoá đi tình cảm thù địch đối

với hành động đốt phá giết người của "giặc Nhật". Song, trở ngại đó nhờ Đặng xoay chuyển, lại trở thành nhân tố có lợi cho việc phát triển quan hệ Trung - Nhật. Trong thời gian thăm Nhật, khi hội kiến với Nhật Hoàng, các quan chức chính phủ Nhật rất sợ ông trực tiếp truy cứu trách nhiệm của Nhật Hoàng đối với chiến tranh. Đặng nắm được tâm lý đó, ông không làm như đối với Goócbachốp: kể hết mọi tội lỗi của Sa hoàng và Liên Xô đối với Trung Quốc, mà áp dụng một phương pháp có sức chinh phục hơn: Trong khi Nhật Hoàng chưa đề cập tới quá khứ thì ông đã nói trước một cách rất sảng khoái: "Hãy để những sự việc của quá khứ qua đi, chúng ta từ nay về sau nên nhìn về phía trước". Phong độ không kể lại những hiểm khích cũ khiến tội nhân chiến tranh trước kia rất cảm động. Đặng lập tức chiếm ưu thế. Trong bài nói, Nhật Hoàng đã bất ngờ bỏ đoạn chuẩn bị sẵn, thay vào bằng việc nêu lên "những sự việc bất hạnh" nhằm biểu thị sự hối lỗi. Sau đó, trong lời chúc rượu, Thủ tướng Nhật cũng chủ động bổ sung vào bài chuẩn bị sẵn, tỏ ra lấy làm tiếc về chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Đó là hiệu quả mà Đặng muốn đạt tới. Chiến tranh xâm lược Trung Quốc của Nhật đã đem lại tổn thất không thể nào lường hết cho Trung Quốc, riêng về người Trung Quốc đã mất mấy chục triệu. Sau chiến tranh, Trung Quốc giữ tư thế không đòi Nhật bồi thường, ngày nay hai nước giao hảo, lại rất đại độ không nêu lại hiểm khích cũ. Như vậy, đã tạo nên cho Trung Quốc một ưu thế về tình người. Người Trung Quốc đã kết bạn với tội nhân chiến tranh cũ, trong tâm lý người Nhật có cảm giác hổ thẹn. Đặng biết rằng điều đó có lợi cho việc phát triển

quan hệ hữu hảo Trung-Nhật. Ngày nay tuy Trung Quốc cần có sự giúp đỡ của Nhật để thực hiện hiện đại hóa, nhưng trước kia Nhật Bản đã mắc một món nợ tình người đối với Trung Quốc.

Hãy để cho quá khứ qua đi, không có nghĩa là quên quá khứ. Đặng biết rằng muốn cho quan hệ hữu hảo Trung-Nhật được gìn giữ thì một điều kiện rất quan trọng là không được làm thay đổi sự thật lịch sử về việc Nhật Bản xâm lược Trung Quốc. Cho nên, sau khi quan hệ hai nước được bình thường hóa, Đặng không quan tâm lắm tới những sự kiện như đảo Điếu Ngư, nhưng có tinh thần cảnh giác cao trước việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Trung Quốc đã từng kháng nghị nghiêm chỉnh việc Bộ giáo dục Nhật Bản chữa lại sách giáo khoa, phủ nhận sự thực lịch sử về việc Nhật đã xâm lược Trung Quốc. Năm 1985, các thành viên nội các của Nhật đến viếng đền thờ các tội phạm chiến tranh, Đặng đã gián tiếp nhưng nghiêm khắc đề xuất lời cảnh cáo. Học sinh đại học ở Bắc Kinh, Tây An đã tổ chức du hành thị uy trước và sau ngày 18-9 để kháng nghị chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, Đặng không hề phê bình học sinh đã gây rối. Năm 1987, quỹ quốc phòng Nhật Bản vượt quá mức quy định là 1%, Đặng cũng rất nhạy cảm, cảnh giác trước việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt, đương nhiên có xuất phát từ việc duy trì hòa bình ở châu Á - Thái Bình Dương, nhưng chủ yếu không phải là sợ Nhật Bản lại xâm lược Trung Quốc, mà không để cho Nhật chối tuột tội ác xâm lược Trung Quốc. Đặng không ngừng nhắc nhở các bạn Nhật Bản không nên quên bài học đau đớn của quá khứ, ông biết rằng, muốn làm cho Nhật Bản trở thành vô hại với Trung Quốc và lại là một người bạn để nắm được thì phải buộc họ gánh món

nợ tình người đối với cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc, buộc họ có cảm giác hổ thẹn với Trung Quốc. Không có quan hệ giữa hai nước nào như quan hệ Trung-Nhật, một mặt thân mật hữu hảo, hợp tác với nhau, coi nhau như bè bạn; mặt khác, Trung Quốc lại có thể không kiêng nể gì, thông qua mọi phương thức để khiển trách những tội ác tày trời mà chủ nghĩa quân phiệt Nhật đã phạm phải ở Trung Quốc. Hai mặt đó chi phối lẫn nhau, khiển trách quá khứ là để mở ra tương lai.

7.14. ỔN ĐỊNH BIÊN GIỚI XUNG QUANH, ĐỨNG CHÂN Ở CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG, TIẾN RA THẾ GIỚI. ĐÓ LÀ ĐIỀU "NHẢY BA BƯỚC" MÀ ĐẶNG TÌM KIẾM ĐỂ GIỮ GÌN HÒA BÌNH THẾ GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN Ở TRUNG QUỐC

Học giả Nhật Bản thấy rằng: Trung Quốc tích cực triển khai nền ngoại giao hòa hảo với các nước láng giềng là để đặt cơ sở cho "trật tự quốc tế mới" mà Trung Quốc đề xướng; xây dựng trật tự mới ở châu Á là "chiến lược sinh tồn của Trung Quốc".

Xây dựng hiện đại hóa cần có một hoàn cảnh quốc tế yên ổn, trước hết là sự yên ổn ở vùng xung quanh biên giới. Trước kia, Trung Quốc đã chịu nỗi khổ bị siêu cường xâm phạm, mà tổn hại lớn nhất là từ cường quốc láng giềng: Nước Nga Sa hoàng và Nhật Bản. Đặng đặt việc cải thiện quan hệ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng xung quanh biên giới lên vị trí ưu tiên trong chính sách ngoại giao, trước hết xuất phát từ sự suy nghĩ về an toàn quốc gia: Ngăn ngừa các nước lớn và cường quốc láng giềng tạo thành sự uy hiếp đối với an toàn của Trung Quốc; ngăn

ngừa việc các nước láng giềng khác bị nước lớn và cường quốc lợi dụng để tạo thành thế bao vây Trung Quốc.

Cải thiện quan hệ với các nước láng giềng đương nhiên còn có ý nghĩa tích cực là triển khai việc hợp tác hai bên cùng có lợi. Trung Quốc có ưu thế so với các nước láng giềng về diện tích, lại có bối cảnh văn hóa tương tự so với nhiều nước, có nhiều mặt bổ trợ lẫn nhau về tài nguyên và thị trường. Nếu từ bỏ bè bạn bên mình mà kết giao Âu-Mỹ thì rõ ràng là hạ sách bỏ gần tìm xa. Triển khai hợp tác cùng có lợi với các nước xung quanh biên giới, phấn đấu cho sự phồn vinh chung, thực là công phu to lớn trong việc sáng tạo ra thế kỷ châu Á-Thái Bình Dương.

Đặng rất hứng thú với tên tuổi của KaYaYoHei từng gặp mặt ở Bắc Kinh vào mùa thu năm 1977 và nhớ mãi cái tên đó. Năm sau thăm Nhật Bản, Đặng nói với KaYaYoHei: "Đề nghị ông đừng bao giờ đổi tên". KaYa có đôi chút ngạc nhiên, không hiểu ý. Đặng liền giải thích: "Hoà bình ở Thái Bình Dương là hy vọng lớn nhất của tôi" (Tên của KaYaYoHei) viết bằng chữ Hán là Hà Dã Dương Bình, có thể hiểu nghĩa là hoà bình trên các dòng sông, cánh đồng và đại dương-ND). Lúc đó KaYa mới hiểu được nỗi lòng của Đặng. Nhật Bản là cường quốc kinh tế cấp thế giới ở cạnh Trung Quốc. Trung-Nhật hòa hảo là một nước cờ lớn để Đặng tìm kiếm hoà bình ở khu vực Thái Bình Dương, ông đã đổ nhiều tâm huyết vào vấn đề này. Năm 1977, không lâu sau khi được phục hồi, Đặng tiếp khách Nhật Bản lần đầu, liền đốc thúc Nhật Bản nhanh chóng khôi phục đàm phán, sớm hạ quyết tâm ký kết điều ước. Năm 1978, sau khi nắm được quyền tối cao, nước đầu tiên mà ông đi thăm

là Nhật Bản Đặng từng nói: "Quan hệ Trung-Nhật có rất nhiều điều để nói, khái quát thành một câu là nhân dân hai nước Trung - Nhật phải đời đời hữu hảo với nhau", đó là "một câu then chốt nhất". Để thực hiện câu nói đó, ông lợi dụng mọi cơ hội để tiếp xúc rộng rãi với nhân sĩ các giới của Nhật. Theo thống kê trong mười năm của thập kỷ 80, ông đã hội kiến 365 đoàn khách quốc tế, trong đó có 55 đoàn Nhật. Với những nhân sĩ Nhật có ảnh hưởng Đặng coi như thượng khách, nhiều lần gặp mặt, có người trong mười năm đã gặp gỡ và nói chuyện sáu lần. Khi trong quan hệ hai nước có chuyện khó khăn, ông gặp gỡ nhân sĩ Nhật càng dồn dập. Với những tin tức có khả năng ảnh hưởng đến quan hệ Trung-Nhật, như sửa chữa sách giáo khoa, thăm viếng đền thờ tội phạm chiến tranh, giải quyết quan hệ giữa Nhật và Đài Loan, Đặng luôn có sự nhạy cảm cao độ, vừa lộ ra mầm mống liền phát biểu ý kiến ngay và tiến hành giao thiệp, nêu ra lời phê phán. Những việc đó, nhìn riêng rẽ thì không có quan hệ lớn, nhưng tích lũy lại có thể dẫn tới sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, làm chôn vùi tình hữu nghị Trung-Nhật đã rất khó khăn mới xây dựng được, phá hoại sự yên ổn của khu vực Thái Bình Dương. Đặng yêu cầu viết vào điều ước Trung-Nhật điều khoản chống bá quyền, trước hết là hai nước Trung-Nhật tự kiểm chế, nhận trách nhiệm không thực hiện chủ nghĩa bá quyền. Ông nói với người Nhật rất nhiều lần câu: "Không quên chuyện trước, ngăn ngừa chuyện sau". Đặng hy vọng Nhật Bản trở thành bè bạn vô hại với Trung Quốc. Sau tháng 6 năm 1989, Nhật Bản làm theo các nước phương Tây trừng phạt Trung Quốc. Trong

cuộc tiếp kiến đoàn của hiệp hội kinh tế Nhật thăm Trung Quốc, Đặng nói: "Nhật Bản nêu tự xét mình, không nên tự đại; Trung Quốc cần tự cường, không thể tự ti". Tháng 8-1991, thủ tướng Nhật chính thức thăm Trung Quốc, hai nước khôi phục quan hệ bình thường, hòa hảo như cũ, Đặng mới yên tâm.

Bán đảo Triều Tiên là cánh cửa phía Đông của Trung Quốc. Năm trước Nhật Bản xâm nhập đại lục Trung Quốc, sau đó, đế quốc Mỹ uy hiếp an toàn của Trung Quốc, đều lấy Triều Tiên làm cầu nhảy. Bán đảo Triều Tiên không yên ổn, tạo thành uy hiếp với phía Đông, đặc biệt là Đông-Bắc Trung Quốc. Đặng ý thức rõ tầm quan trọng của quan hệ Trung-Triều. Từ cuối thập kỷ 70 tới nay, người lãnh đạo hai nước Trung-Triều đi lại đồn dập. Thập kỷ 80, Đặng áp dụng chính sách càng thực tế và sáng suốt hơn, ngoài việc tiếp tục củng cố tình hữu nghị truyền thống "được xây dựng bằng máu", còn cải thiện quan hệ với Nam Triều Tiên, thích ứng với xu thế hòa hoãn trong quan hệ Đông-Tây, không chỉ xét vấn đề từ góc độ "chế độ xã hội" và hình thái ý thức xã hội như trước "chỉ kết bạn với Bắc Triều Tiên mà thù địch với Nam Triều Tiên, càng làm cho quan hệ Nam Bắc Triều Tiên căng thẳng thêm, mà xuất phát từ lợi ích an toàn quốc gia, vận dụng phương châm làm hòa dịu tình hình trên bán đảo Triều Tiên, thúc đẩy việc giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên, như ủng hộ cả hai miền Nam Bắc Triều Tiên đồng thời gia nhập Liên hiệp quốc, ủng hộ cuộc đối thoại giữa hai bên để giải quyết hoà bình vấn đề thống nhất. Không những tự mình hòa giải, mà Trung Quốc còn mong muốn người khác hòa giải không nhằm mục đích nào khác là an ninh ở xung quanh biên giới và ổn định ở châu Á-Thái Bình Dương.

Hoà bình hữu nghị với các nước Đông-Nam Á láng giềng là một mặt khác để Đảng mưu tìm hoàn cảnh hòa bình và an ninh ở xung quanh biên giới. Vùng Đông-Nam Á có hình bán nguyệt bao quanh vùng Đông-Nam Trung Quốc, diễn biến tình hình ở đây có quan hệ tới lợi ích an toàn của miền Nam Trung Quốc. Năm 1978, sau khi hoàn thành chuyến thăm Nhật, Đảng liền tiến hành chuyến đi mở đường thứ hai sang các nước Đông-Nam Á.

Đảng hy vọng xây dựng một quan hệ "ủng hộ lẫn nhau, viện trợ lẫn nhau" với các nước Asean. "ủng hộ lẫn nhau" tức là phản đối bất kỳ quốc gia hoặc tập đoàn quốc gia nào xây dựng bá quyền hoặc phạm vi thế lực, vì đó là lợi ích an toàn của cả Trung Quốc và các nước Asean. "Viện trợ lẫn nhau" là giúp đỡ nhau căn cứ vào tình hình các nước Asean những năm gần đây phát triển kinh tế tương đối nhanh và Trung Quốc đang cải cách, mở cửa, đẩy nhanh xây dựng hiện đại hóa. Tháng 11, Đảng đi thăm Thái Lan, Malaixia và Singapo của Asean, nói rõ thái độ bang giao của Trung Quốc là: "Thiện ý, chân thành, thông cảm, tôn trọng địa vị và lập trường của mỗi bên". Giữa Trung Quốc và một số nước Asean tồn tại sự tranh chấp lãnh thổ trên các hòn đảo thuộc Nam Hải. Với vấn đề đó, Đảng áp dụng biện pháp "gác vấn đề chủ quyền, cùng nhau khai thác" để hòa dịu. Đu luận quốc tế cho rằng: "Trung Quốc trong khi nhắc lại quyền sở hữu hợp pháp đối với Trường Sa và Hoàng Sa" đã đề xuất kiến nghị "các bên tập trung vốn cùng nhau khai thác các đảo đó, có vẻ như là một kiến nghị có nhiều tính xây dựng". Một số nước Asean vẫn có tâm lý vướng mắc với Trung Quốc, tức là quan niệm về "sự uy hiếp của Trung Quốc", lo sợ Trung Quốc lớn mạnh lên sẽ chèn ép họ. Để gạt bỏ trở ngại đó,

Đặng đã dốc tâm huyết, trong 10 năm của thập kỷ 80, trước sau hội kiến 17 đoàn khách của các nước Asean, nhắc đi nhắc lại về thiện ý và lòng chân thành của Trung Quốc, để làm tiêu tan những mối nghi kỵ của họ với Trung Quốc, thúc đẩy các bên giao lưu hợp tác. Tâm huyết của Đặng không bị uổng phí. Năm 1990, Trung Quốc và Indônêxia khôi phục quan hệ ngoại giao, đặt quan hệ ngoại giao với Niu Đilân, năm 1991, lại đặt quan hệ ngoại giao với Brunây. Đến lúc đó, Trung Quốc đã có quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trong Asean. Năm 1992, Trung Quốc bắt đầu tham dự Hội nghị đối thoại hàng năm giữa các bộ trưởng ngoại giao Asean với Trung Quốc và Hội nghị hợp tác châu Á-Thái Bình dương của Liên hiệp quốc lần đầu họp hội nghị hàng năm ở Bắc Kinh. Những nước láng giềng Asean đã nhận thức thấy công việc ở châu Á-Thái Bình Dương khó giải quyết được nếu không có sự tham dự của Trung Quốc.

Những nước ở phần phía Bắc của vùng Nam Á có khoảng 5000 km biên giới chung với Trung Quốc. Tình hình ở đây có ảnh hưởng càng trực tiếp hơn với Trung Quốc. Thái độ của Đặng đối với vùng này là ra sức gạt bỏ động loạn, chỉ mong yên ổn. Nếu có nhân tố không ổn định thì cố gắng gạt bỏ nếu có nhân tố hòa bình thì ra sức ủng hộ, như ủng hộ các nước Nam Á xây dựng vùng phi hạt nhân, ủng hộ chủ trương của Nêpan tuyên bố Nêpan là khu vực hòa bình, ủng hộ đề nghị của Srilanka về việc xây dựng khu vực hòa bình ở Ấn Độ Dương.

Những bạn bè tốt nhất của Trung Quốc ở Nam Á là Miến Điện và Pakitxtăng. Trung Quốc và Miến Điện đã duy trì quan hệ láng giềng tốt trong hơn 30 năm. Đặng

cho rằng giữa Trung Quốc và Miến Điện có một tình hữu nghị đặc biệt - tình hữu nghị như anh em ruột thịt. Từ sau cuộc đi thăm đầu năm 1978, hai bên đối xử với nhau như anh em "càng qua lại càng thân thiết". Quan hệ giữa Trung Quốc và Pakitxtăng, theo cách nói của Đặng, là "không hề có vướng mắc gì", dù có ý kiến khác nhau, cũng có thể hiểu nhau, như sự kiện tháng 6-1989, các nước phương Tây lên án Trung Quốc chỉ có Pakitxtăng tỏ ra hoàn toàn hiểu được cách làm của Trung Quốc. Trong hơn 10 năm Đặng chủ trì chính quyền, quan hệ láng giềng truyền thống giữa Trung Quốc với Băngladét, Nêpan, Sôri Lanca đã được củng cố và phát triển có hiệu quả.

Ấn Độ, nước lớn nhất ở Nam Á, có hơn 2000 km biên giới chung với Trung Quốc cũng có hơn 2000 năm lịch sử hữu hảo. Trung-Ấn là hai nước lớn nhất châu Á, chung sống hòa thuận với nhau là rất quan trọng. Đáng tiếc là từ sau thập kỷ 50, hai nước đã có va chạm về vấn đề biên giới. Để cởi bỏ vướng mắc đó, Đặng đã lao lung suy nghĩ. Năm 1978, khi thăm Nêpan, đã nhờ ngoại trưởng Ấn Độ mang thư về cho Thủ tướng Ấn Độ, nói "chúng ta cần cải thiện quan hệ". Đầu năm 1979, ngoại trưởng Ấn Độ thăm Trung Quốc. Ông lại đốc thúc "Ngày nay, chúng ta cần nắm vững thời gian cùng nhau cải thiện quan hệ giữa hai nước". Cải thiện thế nào? Đặng sử dụng phương pháp sở trường giải quyết mâu thuẫn của ông là tách rời vấn đề biên giới với vấn đề cải thiện quan hệ giữa hai nước, cầu đồng tồn dị (tìm cái chung, gác bỏ cái bất đồng - ND) không để trở ngại về vấn đề biên giới gây ảnh hưởng tới việc cải thiện quan hệ giữa những mặt khác. Vấn đề biên giới hãy để sau, nhất thời chưa thể giải quyết được, có thể trước hết giải quyết vấn đề phát triển trao đổi kinh tế văn

hóa tăng cường hiểu biết và tình hữu nghị. Trước khi giải quyết vấn đề biên giới, hai bên tôn trọng hiện trạng biên giới, giữ gìn sự ổn định biên giới. Đương nhiên, vấn đề biên giới là không thể né tránh được, cuối cùng vẫn phải giải quyết. Đặng chủ trương thông qua hiệp thương hòa bình để giải quyết, không cần cãi cọ hoặc dùng vũ lực. Bắt đầu từ năm 1981, hai nước tiến hành nhiều vòng đàm phán về biên giới. Đặng phân tích sự tranh chấp biên giới là vấn đề do lịch sử để lại, diện tích tuy không lớn, nhưng động chạm tới tình cảm của nhân dân hai nước, chỉ một bên nhượng bộ thì nhân dân trong nước khó chấp nhận. Do đó, cần áp dụng biện pháp chiết trung, hai bên đều nhượng bộ, thực hiện việc "giải quyết cả gói", kết hợp việc giải quyết vấn đề biên giới với vấn đề phát triển hợp tác cùng có lợi, như vậy dễ thuyết phục nhân dân mỗi nước. Cuối năm 1988, thủ tướng Ấn Độ Radíp Găngđi chính thức thăm Trung Quốc, Đặng đã tổng kết quan hệ Trung - Ấn: Trong thập kỷ 50, quan hệ của hai nước chúng ta vô cùng tốt đẹp, một giai đoạn sau đó thì cả hai bên đều không vui vẻ gì, nên quên nó đi! Tất cả nên nhìn về tương lai. Đặng còn nói lý lẽ với Găngđi: Hai nước Trung-Ấn chúng ta có trách nhiệm lớn với nhân loại, là tự phát triển. Người ta thường nói thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương, nhưng hiện nay, những nước tương đối phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương, tổng nhân khẩu chưa tới 200 triệu, dù có thêm một phần của Liên Xô, Mỹ và Canada, thì cũng không quá 300 triệu người, mà nhân khẩu hai nước Trung-Ấn cộng lại đã là 1800 triệu người. Sự tính toán giản đơn đó cho thấy, nếu Trung Quốc và Ấn Độ không phát triển lên thì không thể có thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương. Sau khi nghe, vị thủ tướng trẻ tuổi của Ấn Độ

thấy vờ nhẹ, cảm thấy hầu như nhất trí về mọi vấn đề Đặng đề cập. Đặng nói: Bắt đầu cuộc đi thăm của Ngài, chúng ta có thể khôi phục quan hệ bè bạn, người lãnh đạo hai nước trở thành bè bạn, hai nước trở thành bè bạn, nhân dân hai nước trở thành bè bạn...

Biên giới phía Bắc Trung Quốc từ lâu không được yên ổn, chủ yếu là do Liên Xô gây ra. Bắt đầu từ giữa thập kỷ 80, theo sự hòa hoãn trong quan hệ Đông-Tây và sự thay đổi của tình hình thế giới, giữa Trung-Xô dần dần xuất hiện những dấu hiệu hòa hoãn. Đảng hành động thuận theo xu thế, tích cực mưu cầu sự hòa giải Trung-Xô... Sau khi quan hệ Trung-Xô bình thường hóa, việc đi thăm cấp cao giữa hai bên tăng lên, lĩnh vực hợp tác không ngừng mở rộng. Năm 1991, Liên Xô tan rã, Đặng không nghĩ tới tồn thất của phe xã hội chủ nghĩa, mà xuất phát từ lợi ích an toàn quốc gia, nhìn thấy mặt lợi cho Trung Quốc: làm tiêu tan được tai họa lớn nhất đối với biên giới Trung Quốc, do đó, đã vui vẻ xây dựng quan hệ với từng nước thuộc Liên Xô cũ. Năm 1992, ngoại trưởng Nga thăm Trung Quốc, xác nhận mọi hiệp định mà Trung Quốc ký với Liên Xô cũ, tiếp tục phát triển quan hệ láng giềng tốt Nga - Trung theo con đường đã bình thường hóa trong quan hệ Xô - Trung. Trung Quốc cũng không bỏ lỡ thời cơ, xây dựng quan hệ ngoại giao với Cadăcxtan, Kiécghidi, Tátghíkitxtăng và phát triển quan hệ mậu dịch biên giới.

Trong một thời gian ngắn ngủi hơn 10 năm, Đặng đã vận dụng tài năng ngoại giao hoà hảo với các nước láng giềng một cách xuất sắc, giải quyết êm đẹp hoàn cảnh Đông-Tây-Nam-Bắc Trung Quốc, mở ra một thời kỳ tốt đẹp nhất, ổn định nhất trong quan hệ với các nước láng giềng

từ ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đến nay. Điều này không chỉ có lợi cho sự phát triển của bản thân Trung Quốc, mà còn có ảnh hưởng tích cực đối với sự ổn định, an toàn, hòa bình và phát triển của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và toàn thế giới.

7.15. BÁO "BÌNH LUẬN THÀNH BÓN" CỦA ĐỨC VIẾT: MỌI NHÂN SĨ NỔI TIẾNG ĐÃ TỪNG ĐI THĂM TRUNG QUỐC ĐỀU THẤY RẰNG, KHÔNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA TRUNG QUỐC THÌ KHÔNG THỂ XÂY DỰNG ĐƯỢC MỘT TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

Cuối thập kỷ 80, cục diện thế giới có sự biến đổi to lớn về kết cấu: Sau biến động lớn ở Đông Âu, Liên Xô giải thể, kết cấu hai cực kéo dài 40 năm sau chiến tranh đã kết thúc với sự sụp đổ của một cực.

Kết cấu cũ đã bị phá vỡ, kết cấu mới chưa hình thành, thế giới ở vào trạng thái "không có kết cấu ổn định". Tình hình này rõ ràng là một cơ hội để Trung Quốc quật khởi. Nhưng cơ hội chỉ là thiên thời, có thể lợi dụng được hay không còn phải dựa vào mưu lược của con người. Thời kỳ đi tìm thế thăng bằng giữa hai siêu cường trong chiến lược tam giác lớn đã mất đi căn cứ khách quan, hiện nay cần tùy cơ ứng biến, kịp thời điều chỉnh chiến lược ngoại giao của Trung Quốc.

Về lý luận, sau khi kết thúc kết cấu hai cực, có hai khả năng mới: Đi tới một cực và đi tới đa cực. Khả năng nào có lợi cho Trung Quốc? Trước kia Trung Quốc đã cải thiện quan hệ với cả hai siêu cường, nhưng không dựa vào

bên nào, mà đứng thẳng bằng ở giữa, vì độc lập tự chủ, dùng "tam giác" để giữ quân bình hai cực. Ngày nay hai cực chỉ còn một, lại càng không cần thiết dựa vào nó. Ngược lại, trong kết cấu đa cực, Trung Quốc có thể kể là một cực.

Thế là từ chiến lược ngoại giao "tam giác", Đặng Tiểu Bình diễn chỉnh thành chiến lược tranh "đa cực" và tranh về hai mặt: 1) Tiếp tục cải thiện quan hệ duy trì sự tiếp xúc với hai siêu cường cũ, đồng thời bỏ nhiên công sức tăng cường nền ngoại giao hòa bình với Nhật, Tây Âu, Đông Âu, lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn phương Tây, thúc đẩy tiến trình đa cực hóa. 2) Tiếp tục lấy thế giới thứ ba làm hậu thuẫn, tranh hơn thua với các nước lớn phương Tây, dần dần nâng cao sức nặng của cực Trung Quốc trong quá trình đa cực hóa.

Tháng 10-1988, Đặng nói với khách nước ngoài tới thăm: Thời đại thế giới do hai nước lớn làm chúa tể đã qua rồi, thế giới tương lai sẽ là một thế giới đa cực, trong đó bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Âu và nhiều tập đoàn quốc gia khác.

Nhật và các nước Tây Âu đều không hài lòng với kết cấu hai cực do Liên Xô và Mỹ làm chúa tể thế giới được định ra theo hiệp định Yalta sau chiến tranh. Trong một thời gian rất dài, những nước đó không thể không chấp nhận sự chi phối của một bá quyền, đó là sản vật của sự đối chọi giữa hai cực. Nay kết cấu hai cực kết thúc, không có nghĩa là một cực thất bại và một cực thắng lợi. Sau sự tan rã của tập đoàn Liên Xô, tập đoàn Mỹ cũng mất đi sức kết tụ bên trong. Kẻ địch chung không còn tồn tại, thì cần

gì phải kết lại với nhau để bị một bà chủ chi phối? Mọi nước đều muốn sống riêng rẽ, dù trước đây thuộc về tập đoàn nào, đều muốn xây dựng một kết cấu đa cực gồm nhiều lực lượng cùng tồn tại và chi phối lẫn nhau, trong đó có bản thân mình để khôi phục tư cách độc lập. Sự lựa chọn khuynh hướng đa cực của Đặng khiến Trung Quốc có thể có cùng lập trường với Nhật Bản, Tây Âu, Đông Âu trong cuộc phản đối sự khống chế của một nước lớn, và Trung Quốc có thể phát triển mạnh mẽ quan hệ với những nước trên, để tiến mạnh vào thế giới.

Nhật Bản từ lâu đã không hài lòng trước sự giám hộ về quân sự và sự chèn ép về kinh tế của Mỹ. Từ đầu thập kỷ 70, thủ tướng mới của Nhật Bản đã thay đổi chính sách ngoại giao theo đuôi Mỹ, thực hiện một chính sách ngoại giao tự chủ nhiều bên xoay quanh trục hợp tác Nhật- Mỹ. Năm 1972, ngoại trưởng Nhật Bản nói: "Thời đại Nhật Bản đi theo Mỹ đã kết thúc". Chính hai người đã nói những lời không lợi cho Mỹ đó là những người dẫn tiên thúc đẩy việc bình thường hoá quan hệ Trung- Nhật. Nhật Bản không cam chịu làm một người bạn nhỏ của Mỹ. Hiện nay, họ đã là một cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới, tổng sản phẩm quốc dân của họ đã chiếm trên 60% của Mỹ, bình quân đầu người đã vượt hơn Mỹ. Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế Nhật Bản tính rằng: Đến đầu thế kỷ 21, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật sẽ tương đương với Mỹ, bình quân đầu người sẽ cao gấp đôi Mỹ. Từ năm 1985, Mỹ đã từ địa vị chủ nợ rơi xuống địa vị con nợ. Năm 1989, số nợ nước ngoài lên tới 660 tỉ đôla, hiện nay đã trở thành nước vay nợ lớn nhất thế giới. Về lực lượng tài chính và thực lực

kỹ thuật, trên một trình độ nhất định. Mỹ đã bị lệ thuộc vào Nhật. Năm 1991, hiệp hội điện tử Mỹ đã công bố một tài liệu nói "Khoảng hơn 20 loại bộ phận và linh kiện quan trọng của Nhật đã được dùng trong hệ thống vũ khí Mỹ, trong đó có 7 loại chỉ có Nhật mới cung cấp được, ngoài ra không còn nguồn cung cấp nào khác." Nếu không có một số vi mạch của Nhật, thì không thể thực hiện được chiến tranh kỹ thuật cao trong cuộc chiến vùng Vịnh. Báo chí Nhật không cần che giấu điều gì, nói: "Trong cuộc khủng hoảng vùng Vịnh, Mỹ đã huyênh hoang với vai trò "sen đầm thế giới", nhưng vẫn không thể không mang lá cờ Liên hiệp quốc để các nước liên quan đóng góp một phần chi tiền quân sự. Nhật Bản đã công khai tuyên bố đàm nói "không" với Mỹ. Đặng nhay cảm nắm bắt được rằng, mâu thuẫn Mỹ-Nhật tăng lên sẽ làm tăng thêm sức nặng của Trung Quốc ở châu Á- Thái Bình Dương. Sau khi trở thành cường quốc kinh tế, Nhật tích cực mưu cầu địa vị cường quốc chính trị, nhưng chính giới Nhật tỉnh táo nhận thấy rằng: Nếu không có sự tham dự của Trung Quốc, những vấn đề quan trọng của vùng châu Á- Thái Bình Dương sẽ không thể được giải quyết thuận lợi; nếu không có sự ủng hộ của Trung Quốc, Nhật Bản sẽ không thể thực sự phát huy tác dụng chính trị của một nước lớn. ở Mỹ đã có người coi Nhật Bản là mối uy hiếp lớn nhất trong thế kỷ 21, nhưng nước Mỹ lại vẫn phải cầu cạnh Nhật Bản, không thể làm gì được trước một số hành động "vượt quỹ đạo" của Nhật. Do đó, Mỹ cũng rất hy vọng Trung Quốc có thể trở thành một lực lượng lớn để kiềm chế Nhật Bản. Hai nước Mỹ- Nhật đều mong nhờ lực lượng Trung Quốc để kiềm chế

đối phương. Trung Quốc cần xử trí ra sao? Mưu lược của Đặng là: 1) Củng cố quan hệ hữu hảo với Nhật Bản, cũng duy trì sự giao dịch bình thường với Mỹ, lợi dụng mâu thuẫn Mỹ- Nhật, đứng giữa phát huy tác dụng cân bằng, tạo thành quan hệ tam giác ở châu Á-Thái Bình Dương. Giống như "đại tam giác" Trung- Mỹ- Xô trong thập kỷ 80, Trung Quốc không làm mất lòng ai và cũng không sợ ai, ngược lại Mỹ, Nhật lại sợ Trung Quốc đứng cách mình quá xa, xích lại quá gần đối phương, nên không dám làm mất lòng Trung Quốc. Như vậy, cục Trung Quốc tuy về thực lực kinh tế là mỏng và yếu nhất, nhưng trong việc giải quyết công việc châu Á- Thái Bình Dương, lại trở thành một cục quan trọng. Trung Quốc đứng về một phía nào thì phía kia không chịu nổi. 2) Trên tiền đề cùng giao dịch với Mỹ- Nhật, quan hệ Trung- Nhật được đặt ở vị trí tương đối ưu tiên hơn. Năm 1983, người lãnh đạo hai nước Trung- Nhật gặp nhau tại Tôkyô đã đưa ra một quyết sách có tầm nhìn trác việt, tức là suy xét quan hệ Trung- Nhật trong một góc độ lâu dài để phát triển. Đặng nói với Thủ tướng Nhật: "Việc này vượt qua tầm quan trọng của mọi vấn đề giữa chúng ta". Những điểm chung giữa Trung- Nhật lớn hơn giữa Trung- Mỹ rất nhiều, hai bên đều có đầy đủ lý do để coi trọng quan hệ giữa hai nước. Ưu tiên xét tới quan hệ với Nhật là quyết sách nhất quán của Đặng, vì Nhật Bản đối với Trung Quốc chưa thể tạo thành uy hiếp lớn, ít nhất trong thời gian ngắn, còn Mỹ thì có khả năng đó. Sự đoàn kết Trung- Nhật là một quả cân quan trọng để đối phó với chủ nghĩa bá quyền của Mỹ. Có được quan hệ Trung- Nhật vững chắc, Mỹ muốn lung đoạn công việc ở châu Á- Thái

Bình Dương, muốn cô lập Trung Quốc là rất khó khăn. Dù quan hệ Trung- Mỹ bị bế tắc, Trung Quốc vẫn còn có đất xoay trở. Thi dụ sau "sự kiện 4-6", dẫn đầu trừng phạt Trung Quốc là Mỹ, và người phá vỡ cục diện bế tắc, trước tiên khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc là Nhật Bản.

Các nước Tây Âu càng bất bình với sự khống chế của Mỹ. Ngay từ thập kỷ 50, đã có người đề xuất sự cần thiết phải liên hiệp châu Âu để tránh trở thành nước phụ thuộc vào Mỹ, một siêu cường. Đờ Gôn là người đầu tiên đòi độc lập với Mỹ, đề ra khẩu hiệu "châu Âu của người Châu Âu", để đối kháng với cục diện Mỹ khống chế châu Âu. Sự thành lập và phát triển của Cộng đồng Châu Âu đã thúc đẩy sự hợp tác kinh tế của Châu Âu. Sau khi Liên Xô tan rã, nước Đức thống nhất, bước đi của liên hiệp châu Âu càng tăng nhanh. Cuối năm 1991, Cộng đồng châu Âu gồm 12 nước thông qua hiệp ước Madrít, đẩy nhanh tiến trình nhất thể hóa châu Âu về chính trị và kinh tế, ra sức thoát ly ảnh hưởng của Mỹ. Thực lực kinh tế của toàn châu Âu đã vượt Mỹ, sau khi thống nhất, tổng sản lượng quốc dân của Đức đã chiếm vị trí thứ ba thế giới. Sự suy yếu và tan rã của Liên Xô khiến uy hiếp quân sự của nó với châu Âu không còn tồn tại, sợi dây gấn bó Mỹ và Tây Âu bị nới lỏng, Mỹ khó thông qua tổ chức NATO để duy trì địa vị chúa tể ở châu Âu. Nay, một số nước như Pháp chủ trương lấy Cộng đồng châu Âu làm trung tâm để xây dựng kết cấu châu Âu tương lai, Mỹ thì có ý đồ cải tổ NATO, thay đổi chức năng của NATO, để tiếp tục khống chế các nước Tây Âu. Hai phía Âu - Mỹ có mâu thuẫn gay gắt về các mặt an

toàn, phòng vệ, buôn bán. Những mâu thuẫn đó cũng có lợi cho Trung Quốc. Dù Mỹ không có ý định nhờ Trung Quốc kiềm chế Tây Âu, nhưng việc giảm nhẹ sự khống chế với Tây Âu, lại tạo thời cơ để Trung Quốc thâm nhập thị trường châu Âu. Ngay từ năm 1983, Đặng đã nêu ra ý kiến "cần nắm vững thời cơ các nước Tây Âu gặp khó khăn về kinh tế để hợp tác kỹ thuật với họ". Hai ba năm sau, Đặng luôn suy nghĩ, tìm biện pháp tăng cường liên hệ kinh tế với Tây Âu. Năm 1985, Đặng khuyến khích các vị khách Italia: Châu Âu cần có chính sách ngoại giao độc lập tự chủ, tức là đừng nghe theo sự xếp sắp của Mỹ, mạnh dạn hợp tác với Trung Quốc. Sở trường của Tây Âu là kỹ thuật, về rất nhiều mặt không kém gì Mỹ, Nhật, và người châu Âu dễ dàng hơn trong việc chuyển nhượng kỹ thuật. Tăng cường hợp tác kinh tế kỹ thuật với Tây Âu, Trung Quốc sẽ không bị quá lệ thuộc vào Mỹ, Nhật, bên này khó khăn sẽ có bên kia, có miếng đất rộng rãi để xoay trở. Tây Âu không có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc mà thị trường Trung Quốc có sức hấp dẫn to lớn đối với cả Tây Âu và Mỹ, Nhật, nước nào cũng muốn nhanh chân để kiếm lợi. Mở cửa với cả hai phía Đông-Tây, giao dịch với cả hai phía, thì trong kết cấu đa cực trong tương lai, tác dụng và sức nặng của Trung Quốc sẽ không chỉ hạn chế ở vùng châu Á-Thái Bình Dương, mà có ý nghĩa toàn cầu.

Liên Xô từng can thiệp thô bạo vào công việc của các nước Đông Âu, làm tổn thương nghiêm trọng đến tình cảm dân tộc của những nước này. Mô thức thuần túy theo kiểu Liên Xô đã đem lại nhiều tổn hại cho sự nghiệp cách mạng và xây dựng của những nước này. Nhân dân Đông Âu từ

lâu đã muốn thoát ra khỏi sự khống chế của Liên Xô. Năm 1985, sự khống chế của Liên Xô bắt đầu bị rung động. Đặng khuyến khích các vị khách Áo: Ngày nay, Tây Âu trong một phạm vi nhất định đã áp dụng chính sách độc lập, các nước Đông Âu trong một mức độ nhất định cũng áp dụng chính sách độc lập. Đó là điều rất đáng mừng, là một thay đổi rất quan trọng trong tình hình chính trị thế giới, sự giải thể của Liên Xô không chỉ là sự giải phóng với các nước Đông Âu. Thế tất họ phải hướng về châu Á để tìm lối thoát, điều đó giống như mở ra cho Trung Quốc một con đường để mở rộng giao dịch. Việc cải cách theo kinh tế thị trường của Trung Quốc sớm hơn so với các nước Đông Âu, hai bên có nhiều thứ để bổ trợ cho nhau về kinh tế. Đông Âu có một số kỹ thuật mạnh hơn Trung Quốc, và hàng công nghiệp nhẹ của Trung Quốc lại có thị trường to lớn ở Đông Âu. Giao dịch với Đông Âu tuy không có được kỹ thuật cao và tiền vốn, nhưng Trung Quốc không thể bị thiệt về kinh tế. Về mặt chính trị, có thể tạo nên ở đại lục Đông Âu một quan hệ tam giác Trung Quốc-Đông Âu-Nga. Trung Quốc giao dịch cả với Đông Âu và Nga. Tuy Trung Quốc không cố ý kéo các "người bạn nhỏ" của Liên Xô cũ về phía mình, và không muốn đối kháng với Nga, nhưng người Đông Âu rất thích giao dịch với người bạn ở Viễn Đông không có gì uy hiếp họ. Điều đó cũng có lợi cho việc ngăn chặn sự uy hiếp mới của Nga đối với Trung Quốc.

Thế giới thứ ba ngay từ đầu đã là một lực lượng chống bá quyền, độc lập vượt khỏi hệ thống hai cực. Trung Quốc trước kia không thể gọi là lớn mạnh, nhưng đã có thể đối phó với hai siêu cường, nguyên nhân quan trọng là sự ủng hộ của thế giới thứ ba. Đến cuối thập kỷ 80, Đặng thấy thời đại hai siêu cường làm bá chủ thế giới đã qua rồi

"nhưng chính trị cường quyền đang tăng lên, một số ít nước phương Tây muốn lung đoạn thế giới"¹. Do đó, Trung Quốc muốn tăng cường quyền phát ngôn trong vai trò quốc tế của mình, tăng thêm sức nặng trong khi giao dịch với các nước lớn phương Tây, giành lấy một chỗ trong thế giới đa cực, thì vẫn phải dựa chắc vào thế giới thứ ba, mượn lực lượng của thế giới thứ ba để chống lại bá quyền nước lớn. Thế giới thứ ba tuy nghèo, nhưng về số nhân khẩu, diện tích đất đai, tuyến giao thông chiến lược và nguồn tài nguyên, về tổng thể, họ có ưu thế mà bất kỳ nước phát triển nào cũng không có được. Cựu chủ tịch Cộng đồng châu Âu nói: "Sự phồn vinh của Cộng đồng châu Âu phải dựa vào mức độ phồn vinh của thế giới thứ ba nhiều hơn là vào các bạn hàng Mỹ và Nhật". 1/4 lượng tiêu thụ nguyên liệu của Tây Âu, 2/5 của Nhật Bản đều phải nhập từ thế giới thứ ba. Lượng nguyên liệu trong công nghiệp Mỹ có 95 loại thì 68 loại phải nhập khẩu, trong đó 15 loại hoàn toàn phải nhập khẩu. Đối tượng xuất khẩu chủ yếu là thế giới thứ ba. Những nước phát triển phụ thuộc vào các nước kém phát triển cũng không kém các nước kém phát triển phụ thuộc vào họ. Về chính trị, hiện nay trong gần 180 thành viên Liên hiệp quốc, có hơn 100 nước kém phát triển, cộng thêm những nước thế giới thứ ba khác, chiếm khoảng 2/3 số hội viên Liên hiệp quốc, là một lực lượng không thể xem nhẹ. Những điểm chung giữa Trung Quốc với các nước thế giới thứ ba nhiều hơn bất kỳ nước phát triển nào. Liên Xô tan rã đã loại bỏ được trở ngại trong quan hệ giữa Trung Quốc với thế giới thứ ba. Trong hệ thống các quốc gia hiện nay, chỉ có Trung Quốc mới có thể

1. Đặng tuyền, Quyển III, tr.329.

lên tiếng thay mặt thế giới thứ ba. Đặng nhiều lần nhắc lại việc Trung Quốc đứng về phía thế giới thứ ba, lá phiếu của Trung Quốc trong Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc là lá phiếu của thế giới thứ ba, Trung Quốc dù có phát triển lên, cũng vẫn là một thành viên của thế giới thứ ba. Ngoài ra, ông còn nắm vững vấn đề Nam-Bắc, dốc sức vào việc hợp tác Nam-Nam, bản thân điều đó là một mặt quan trọng để tăng cường sự liên hệ giữa Trung Quốc với thế giới.

Thông qua hợp tác Nam-Nam lại có thể thúc đẩy đối thoại Nam-Bắc, thế giới thứ ba đại biểu cho 3/4 nhân khẩu thế giới, thảo luận những vấn đề toàn cầu và trật tự thế giới mới với "một thiểu số những nước phát triển". Bản thân Trung Quốc không phải là yếu, lại thêm có thế giới thứ ba làm hậu thuẫn, đã linh hoạt giao dịch với các nước phương Tây. Thế giới tương lai, dù có bao nhiêu cực, thì bất kỳ thế nào, Trung Quốc cũng là một cực, mà sức nặng của cực này lại không phải là quá nhẹ.

Xét về tình hình trước mắt, cực Trung Quốc có sức nặng ra sao? Tốt nhất là xem cảm tưởng của bên ngoài:

Báo "Bình luận thành Bon" của Đức nói: "Mọi nhân sĩ nổi tiếng đã từng thăm Trung Quốc đều thấy, nếu không có sự tham gia của Trung Quốc, thì không thể xây dựng thành công trật tự thế giới mới".

Còn một loại dư luận thế giới nữa: "Trung Quốc có một ảnh hưởng to lớn trong công việc thế giới", "nhất là trong khi sự cân bằng của thế giới mới chưa hình thành, việc giải quyết rất nhiều vấn đề quốc tế không thể thiếu sự hợp tác của Trung Quốc", "Trung Quốc rõ ràng có thể đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn".

7.16. CHE GIẤU LỰC LƯỢNG

Năm 1989, sau vụ "đạp loạn 4-6", các nước phương Tây đồn đập gây sức ép, trừng phạt Trung Quốc. Để chống lại sức ép bên ngoài, dẹp yên tàn dư động loạn, khẩu hiệu chống "diễn biến hòa bình" lại được đưa lên vị trí chiến lược. Ngờ đâu chẳng bao lâu sau, mặt trận xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đưa tới tin tức chấn động: Rất nhiều nước xã hội chủ nghĩa chỉ trong chốc lát đã thay đổi màu sắc. Trung Quốc nhất thời đứng giữa hai sức ép (Liên Xô và Đông Âu biến đổi tạo nên sức ép tâm lý ở một mức độ nhất định còn đáng sợ hơn sự trừng phạt của phương Tây). Tình thế so với thập kỷ 50 khi Mao Trạch Đông đứng trước tình hình quốc tế lúc đó, còn phức tạp và nguy hiểm hơn nhiều. Nhiều người cuống quýt. Cuộc tiến công "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa tư bản diễn ra vào lúc chúng ta vừa ra sức nói về chiến thắng lịch sử tất nhiên của chủ nghĩa xã hội trước chủ nghĩa tư bản, thì đột nhiên bao nhiêu lá cờ đỏ xã hội chủ nghĩa tới tấp rơi xuống đất. Vậy phải làm thế nào?

Lúc đó Đặng Tiểu Bình đã hoàn toàn rút lui, từ bỏ chức vụ cuối cùng là chủ tịch quân ủy, thực hiện nguyện vọng rút lui khỏi vũ đài chính trị. Trong khi trao đổi với thế hệ lãnh đạo thứ ba, Đặng hiển kế: "Đối với tình hình quốc tế, có thể khái quát lại thành ba câu sau đây: Câu thứ nhất: Bình tĩnh quan sát. Câu thứ hai: Giữ vững trận địa. Câu thứ ba: Trầm tĩnh đối phó, không vội vàng, vội cũng không được. Cần bình tĩnh, bình tĩnh, bình tĩnh hơn nữa. Cầm đầu mà làm, làm tốt mọi việc của bản thân

mình"¹. Sau này khi truyền đạt, Đặng còn thêm một câu thứ tư nữa là che giấu lực lượng. Gộp cả lại, được gọi là "phương châm 16 chữ" để đối phó với tình hình quốc tế trước mắt.

Nếu không bình tĩnh, với "sự biến Liên Xô, Đông Âu" mà vội vã đưa ra nhận định và bình luận thì có thể nói gì?

Nếu nói thay đổi như thế là tốt thì coi như thừa nhận chủ nghĩa xã hội đã phá sản, thế tất sẽ làm lung lay "cái gốc dựng nước" của Trung Quốc, hoàn toàn đáp ứng nhu cầu "điễn biến hòa bình" của các nước phương Tây. Càng phiền phức hơn nữa là nói như thế sẽ mâu thuẫn với việc đánh giá và giải quyết "sự kiện 4-6", không thể nào nói cho xuôi được. Lúc đó, tàn dư động loạn chưa hết, làm như thế khác gì tự đào chân móng của mình.

Nếu khiển trách Liên Xô và Đông Âu, lên án họ là kẻ bội phản chủ nghĩa xã hội, thủ tiêu thành quả của cách mạng tháng 10, làm gãy lá cờ của chủ nghĩa Lenin thì như thế rất có khả năng gây lại cuộc đại luận chiến kịch liệt trong phong trào cộng sản thế giới vào thập kỷ 60. Vả lại, vũ khí mà Trung Quốc dùng để chống lại sự trừng phạt của các nước phương Tây là "không can thiệp vào công việc nội bộ", không cho phép người khác can thiệp vào chế độ xã hội của Trung Quốc. Nếu Trung Quốc vội vã nhẩy ra để chỉ trích chế độ mới ở Liên Xô và các nước Đông Âu, thì chẳng phải là can thiệp vào việc nội bộ của người ta sao?

Về không khí chính trị lúc đó ở Trung Quốc, mỗi nguy thứ nhất không có nhiều khả năng xuất hiện, mà cái đáng lo nhất là khuynh hướng thứ hai. Bởi vì lúc đó, đúng là có

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 321.

nhiều người cho rằng hiện nay "chỉ có Trung Quốc mới cứu được chủ nghĩa xã hội" chứ không chỉ là "chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể cứu Trung Quốc". Họ mong Trung Quốc đứng ra, nhân cơ hội Liên Xô tan rã, vươn lên đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, giương cao lá cờ lớn chống diễn biến hòa bình của các nước phương Tây.

Đặng thấy làm như vậy không phải là nâng cao địa vị của Trung Quốc mà là đưa Trung Quốc ra nướng trên lò lửa. Các nước phương Tây thấy Liên Xô và Đông Âu đã thay đổi, nước xã hội chủ nghĩa lớn chỉ còn lại có Trung Quốc, vốn đã coi Trung Quốc là "trung tâm mới của thế giới cộng sản". Nếu Trung Quốc quả thật giương cao lá cờ đỏ thì thế tất sẽ trở thành mũi nhọn để phương Tây công kích. Như thế, quan hệ giữa Trung Quốc với phương Tây sẽ không còn đất để hòa hoãn nữa. Các nước thuộc Liên Xô và Đông Âu cũng vị tất đã chịu, quan hệ hòa hoãn vừa đạt được với họ có khả năng lại trở thành càng thẳng. Như vậy, Trung Quốc sẽ ở vào hoàn cảnh gặp kẻ địch ở cả hai phía, đi trở lại con đường "chống đế quốc, chống xét lại" cũ, và bị cô lập trên quốc tế.

Mưu lược của Đặng hoàn toàn ngược lại: "Không tùy tiện phê phán người khác, chỉ trích người khác, không nên nói lời gì quá mức, không nên làm việc gì quá mức"¹. Không để lộ mũi nhọn, che giấu thực lực. Ít quản công việc của người khác, càng không nên làm công việc ngu ngốc là chuốc hư danh mà gây tổn hại cho mình, chỉ làm tốt một việc, làm thật tốt công việc của bản thân mình.

Công việc của bản thân mình là thế nào? Coi trọng cả ôn

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 320.

định và cải cách. Dù Liên Xô và Đông Âu thay đổi thế nào, "bản thân Trung Quốc phải giữ vững trận địa, nếu không người khác sẽ dạy bảo chúng ta" (như trên). Nếu không ổn định thì việc gì cũng không làm nổi. Nhưng không thể vì cần ổn định mà vứt bỏ cải cách mở cửa. "Không có cải cách mở cửa thì không có hy vọng". Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến Liên Xô xảy ra vấn đề là kinh tế không tiến lên được, có nước thì vì lâu dài không cải cách. Đảng nhân mạng phải xây dựng lại hình tượng cải cách mở cửa, nghiêm túc tiến hành công việc cải cách mở cửa, tỏ rõ chính sách cải cách mở cửa của Trung Quốc không đổi. Ông cho rằng đó là điều then chốt để giải quyết mâu thuẫn trên quốc tế và trong nước. "Trăm tình đối phó" là như thế.

Về mặt hình thái ý thức xã hội, Đảng thực hiện phương châm "chặt chẽ ở trong nước, rộng rãi với bên ngoài". Đối nội vẫn phải nói tới bài học Liên Xô và Đông Âu, nhấn mạnh sự cần thiết phải chống "diễn biến hòa bình". Nếu không, sẽ không ổn định được cục diện, nhân tố động loạn có thể ngóc đầu dậy. Đối ngoại thì tuyên bố "tôn trọng sự chọn lựa của nhân dân Liên Xô và Đông Âu", không tiến hành tranh luận về hình thái ý thức xã hội. Dù Liên Xô thay đổi thế nào, vẫn phát triển quan hệ với họ. Kết quả, không phát sinh chuyện gì với phía Liên Xô, ngược lại sự tan rã của Liên Xô lại tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Trung Quốc, chủ nghĩa xã hội của Liên Xô tan rã nhưng không hề gây ảnh hưởng gì đến chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Đối với sự trừng phạt và gây sức ép của phương Tây, Đặng nói: một là, phải chống lại, không tỏ ra yếu đuối; hai là, không tự cô lập, tận lực tìm cơ hội hòa hoãn. Thí dụ, để

ngại Lý Chính Đạo nói lại với "những người đã tham gia du hành và ký tên ở nước ngoài, là Trung Quốc không để ý đến vấn đề đó, mong họ không nên lo lắng"¹. Để nghị đại sứ Tổng thống Mỹ "chuyển lời tới Tổng thống Busơ, rằng ở phương Đông, có một ông già Trung Quốc đã về hưu quan tâm tới việc cải thiện và phát triển quan hệ Trung-Mỹ"². Kết quả, những người đã hăng hái trừng phạt Trung Quốc thấy nước Trung Quốc lớn như vậy, lại cũng cỏi không sợ hãi, trừng phạt không có tác dụng, nên cũng dần dần thay đổi: tiếp tục giữ quan hệ với Trung Quốc để khỏi mất mối lợi từ thị trường Trung Quốc. Thêm nữa, Trung Quốc tiếp tục cải cách mở cửa thì không sao, nếu gây áp lực mạnh quá, họ lại đóng cửa lại, thì chẳng phải là thiệt thòi sao? Sau cùng, phương Tây vẫn phải làm theo ý Đặng, lần lượt khôi phục lại quan hệ bình thường.

7.17. ĐẶNG LÀ MỘT NGƯỜI CHÀO HÀNG SIÊU HẠNG CỦA TRUNG QUỐC

Năm 1978, khi Đặng Tiểu Bình sang thăm Nhật Bản, một nhà báo Mỹ cảm phục nói: "Trong chuyến thăm Nhật Bản, Đặng đã đóng vai một nhà chào hàng siêu hạng của Trung Quốc".

Cái mà Đặng muốn chào mời không phải là một thứ hàng hóa, cũng không phải là bản thân ông, mà là Trung Quốc đã một thời ngăn cách hoàn toàn với thế giới. Ông muốn giới thiệu Trung Quốc với thế giới, để Trung Quốc

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 327, 351.

tiến ra thế giới, bởi vì đó là một trong những tiền đề không thể thiếu để hiện đại hóa Trung Quốc.

Hãy xem Đặng đã chào mời như thế nào ở Nhật và ở Mỹ.

Trong nghi thức trao đổi văn bản hòa ước, cờ hai nước treo cao, quốc ca hai nước được cử lên, những cái bắt tay nồng nhiệt, những chiếc cốc chạm nhau... Tưởng như thế đã đủ, nhưng Đặng còn có một cử chỉ mời: Thân thiết ôm hôn Thủ tướng và ngoại trưởng Nhật. Hai nhà ngoại giao nổi tiếng bị hành động bất ngờ của Đặng làm cho lúng túng. Người Trung Quốc xưa nay vẫn giữ gìn gò bó, ngay việc bắt tay cũng là mới học của phương Tây. Ai ngờ được rằng, người lãnh đạo một nhà nước cộng sản lại có thể biểu thị tình bè bạn với chủ nghĩa tư bản bằng cách "ngả vào lòng" họ như vậy. Đặng còn tổ chức một cuộc họp báo kiểu phương Tây ở Tôkyô. Đó cũng là việc lần đầu của một nước cộng sản. Những cử chỉ đó đã gây cho người xem toàn thế giới một ấn tượng: Trung Quốc đã mở cửa, mức độ mở cửa vượt ra ngoài cả dự đoán của mọi người.

Điều mà KaYaYoHei khâm phục Đặng nhất là bản lĩnh nắm vững lòng người của Đặng. Thực ra, việc đi thăm chinh phục nước ngoài, trao đổi văn bản điều ước, làm quen với các quan chức, làm việc công như thế là đủ. Nhưng Đặng lại chú ý đi vào vấn đề tình cảm. Ông đến thăm nhà riêng hai người bạn Nhật, cảm ơn họ đã tích cực góp sức vào quá trình khôi phục tình hữu hảo Trung-Nhật. Việc đến thăm đó hoàn toàn là trao đổi tình cảm đã tỏ rõ là người Trung Quốc biết nhận rõ tốt xấu, không quên tình cố cựu. Còn gia đình những bạn bè đã mất, Đặng không thể đến từng nhà, liền mời họ đến nhà khách nói chuyện

thân mật. Những người thân đó, có người thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba, được đối đãi trân trọng như vậy, không ai không xúc động, có người rơi nước mắt. Lời lẽ của Đặng càng giàu tình cảm: "Các vị là thân thuộc của những người bạn cũ của Trung Quốc, đương nhiên cũng là người thân thuộc của nhân dân Trung Quốc". Đặng hy vọng họ năng lui tới Trung Quốc như đến với người thân. Người Trung Quốc coi trọng tình cảm và tín nghĩa như vậy, thì có lý do gì mà không hữu hảo?

Hai nước Trung-Nhật đều lưu hành trong dân gian câu chuyện Tản Thủy Hoàng phái Từ Phúc đi tìm thuốc trường sinh bất lão. Trong khi nói chuyện với những người lãnh đạo 6 đảng không cầm quyền, Đặng nói mục đích chuyến đi này của mình, ngoài việc trao đổi văn bản điều ước và biểu lộ tình cảm với bạn bè cũ, còn một việc nữa là đi tìm thuốc trường sinh bất lão. ủy viên trưởng của đảng Công Minh đã nói một câu đầy hàm ý: "Thuốc tốt nhất chẳng phải là điều ước hữu hảo đó sao?" Đặng gật đầu, cái mà ông muốn tìm là kinh nghiệm thành công của Nhật Bản. Về mặt này, Đặng giống như một người chào hàng xuất sắc.

Khi thăm nhà máy sản xuất ô tô, Đặng được biết số ô tô sản xuất theo đầu người công nhân hàng năm là 94 cái, trong khi nhà máy ô tô hiện đại nhất Trung Quốc là nhà máy ô tô số 1 ở Trường Xuân chỉ là 1 cái, thì vô cùng cảm khái nói: "Tôi đã hiểu thế nào là hiện đại hóa. Hoan nghênh những nước phát triển về công nghiệp, đặc biệt là giới doanh nghiệp Nhật Bản đã hợp tác với công cuộc hiện đại hóa Trung Quốc. Đây cũng là điều thắt chặt thêm quan hệ giữa hai nước".

Công ty gang thép Tân Nhật, bắt đầu từ năm 1977 đã buôn bán với Trung Quốc với trị giá 3,8 tỷ đôla. Đặng tham quan một nhà máy của công ty, nói chuyện với "vua gang thép" Nhật về những hạng mục hợp tác với nhà máy thép Bảo Sơn, Thượng Hải: "Năng lực quản lý của chúng tôi kém, cần phải học tập. Nếu không dạy chúng tôi về quản lý tốt thì không làm việc được. Chúng ta hãy ký với nhau một hiệp định quân tử nếu Thượng Hải làm không tốt, thì đó không phải là trách nhiệm của học trò, mà là thầy dạy không tốt". Ông này, sau nhiều lần tỏ ý, nhất định sẽ giúp nhà máy thép Bảo Sơn, Thượng Hải sản xuất còn tốt hơn là nhà máy của Nhật Bản nữa.

Người sáng lập công ty Tùng Hạ của Nhật được gọi là "ông thần kinh doanh". Đặng sau khi xem dây chuyền sản xuất truyền hình mẫu, thành khẩn nói: "Những điều chúng tôi cần học tập có rất nhiều, mong tiên sinh Tùng Hạ và các vị giúp đỡ". Ông này nói: "Chúng tôi sẽ truyền lại cho các ngài tất cả".

Trung Quốc cần viện trợ, hợp tác. Đó cũng là điều mà Nhật Bản mong muốn. Trung Quốc có 900 triệu người, tài nguyên phong phú theo sự tiến triển của hiện đại hóa, sẽ cần mua rất nhiều thiết bị cơ khí của nước ngoài. Giới kinh tế Nhật coi Trung Quốc là thị trường buôn bán lớn nhất còn lại trên thế giới. Đặng nắm lấy điểm đó, đã gây nên "cơn sốt Trung Quốc" trong giới kinh tế Nhật. Hơn 200 công ty Nhật đồng thời đăng quảng cáo trên báo chí, chúc mừng điều ước Trung-Nhật có hiệu lực và hoan nghênh ngài Đặng thăm Nhật Bản. Sáu tập đoàn kinh tế còn tổ chức tiệc chiêu đãi. Bình thường, những cuộc chiêu đãi như thế của họ chỉ có không quá 200 khách, khi chiêu đãi mừng nữ hoàng Anh Êlizabeth cũng chỉ có gần 300 người,

nhưng lần này có tới hơn 320 người. Trong bữa tiệc còn thực sự xuất hiện hoạt động chào hàng: Các nhân viên Nhật và các tùy viên của Đặng từng đôi một trao đổi đánh thiệp với nhau.

Chặng cuối cùng trong chuyến đi của Đặng là tại vùng KANSEI. Chẳng phải là Trung Quốc cần thế giới, mà thế giới cũng cần Trung Quốc sao? Kansei là địa phương của Nhật rất cần tới Trung Quốc. Sau chiến tranh, cơ sở kinh tế của Kansei bị yếu đi là do mất thị trường Trung Quốc. Tờ "Tin tức hàng ngày" bình luận "mức độ hy vọng của Trung Quốc đối với giới tài chính Kansei thật ra ngoài dự đoán, mà sự mong mỏi của giới kinh tế Kansei đối với Trung Quốc lại còn lớn hơn thế nữa". Trước khi Đặng tới Kansei, giới kinh tế Kansei đã tiến hành ganh đua kịch liệt trong cuộc chiêu đãi của chính phủ chào mừng Đặng. Sau này, họ lại tổ chức riêng một cuộc chiêu đãi chào mừng Đặng.

Ba tháng sau, cơn lốc Đặng Tiểu Bình từ Nhật truyền tới Mỹ, bắt đầu cuộc chinh phục nước Mỹ.

Giới thiệu Trung Quốc với người Mỹ, cần nắm vững đặc điểm của người Mỹ. Ở đây, không nên tỏ cảm tình nhiều, mà điều quan trọng là biểu lộ rõ cá tính và khí phách của người Trung Quốc.

Brêđinxki là sứ giả của quan hệ hữu hảo Trung-Mỹ, đồng thời cũng là chuyên gia chống cộng nổi tiếng. Sau khi Đặng tới Mỹ mới hai giờ, liền đi xe tới nhà riêng của ông ta ở vùng ngoại ô, tham gia một bữa chiêu đãi bít tết mà ông ta đã hẹn 7 tháng trước.

Van Xơ đã từng oán trách một câu nói của Brêdinxki khi thăm Trung Quốc đã gây trở ngại cho việc phát huy tác dụng quốc vụ khanh của mình. Vì vậy, Tổng thống Cato đã có thời gian hạ thấp vai trò của Brêdinxki, yêu cầu ông ta đứng ở phía sau. Lần đến thăm này của Đặng, rõ ràng là sự tán dương cống hiến của Brêdinxki đối với việc xúc tiến bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ, đồng thời cũng tỏ rõ ràng, để phát triển quan hệ Trung-Mỹ, người Trung Quốc có thể coi cả những người chống cộng là bạn bè, có dũng khí và phong độ để giao du cả với "ma quỷ". Trong bữa tiệc Brêdinxki nói tới việc Tổng thống Cato vì quyết định bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc nên đã gặp phải một số khó khăn chính trị ở trong nước, và hỏi Đặng có gặp khó khăn tương tự không. Đặng khéo léo trả lời câu hỏi không nên nêu ra đó, và nhân cơ hội nói rõ lập trường nguyên tắc của Trung Quốc trong việc giải quyết quan hệ Trung - Mỹ. Ông nói: "Đúng như vậy, tôi cũng gặp phải khó khăn, ở tỉnh Đài Loan, có một số người có ý kiến phản đối".

Tại trung tâm Kennodi, Đặng tham dự một cuộc dạ hội. Có nghệ sĩ đương cầm hàng đầu biểu diễn, có múa ba lê hiện đại có thi đấu bóng rổ... Tất cả đều đặc sắc, làm người xem say mê. Tiết mục cuối cùng là một đoàn thiếu nhi ngâm thơ hoạt bát trình diễn một số bài hát Trung Quốc, đưa không khí dạ hội lên tới cao trào. Sau buổi biểu diễn, người lãnh đạo hai nước và phu nhân lên sân khấu gặp mặt các diễn viên. Cuộc dạ hội đó tốn phí 50 vạn đô la, do một công ty dầu lửa tài trợ. Công ty này cũng như mọi công ty lớn khác của Mỹ, thấy rõ Trung Quốc là một thị trường có tiềm lực to lớn, muốn nhân dịp Đặng Tiểu Bình thăm Mỹ để quảng cáo cho mình. Đặng biến việc này

thành dịp quảng cáo cho Trung Quốc với Mỹ. Tổng thống Cato ghi trong nhật ký: "Khi Đặng ôm hôn các diễn viên Mỹ, đặc biệt là khi ôm hôn các diễn viên nhỏ tuổi đã hát bài hát Trung Quốc, đã biểu lộ tình cảm chân thành. Ông đã hôn rất nhiều thiếu nhi. San này nhiều báo đưa tin, có nhiều khán giả Mỹ đã rơi nước mắt. Nghị sĩ Kchatơ là người cực lực phản đối Trung-Mỹ bình thường hóa quan hệ, nhưng sau cuộc dạ hội này, đã nói là mình thất bại, không có cách nào bỏ phiếu chống lại việc các thiếu nhi Mỹ hát bài hát Trung Quốc. Đặng... thực sự đã làm rung động khán giả có mặt hôm đó và các khán giả xem truyền hình".

Hutston là trung tâm lớn nhất vùng phía Nam nước Mỹ về luyện dầu, hóa học, chế tạo máy và công nghiệp đóng tàu, lại có cả trung tâm vũ trụ. Đặng bỏ ra hai ngày để thăm nơi này. Tại Xmenton phía Tây Bắc Huxton, phía Mỹ đã tổ chức một cuộc chiêu đãi bít tết mang đầy phong vị miền Tây Hoa Kỳ. Dự chiêu đãi, về phía Mỹ, ngoài các quan chức, phần nhiều là các nhà tư bản dầu lửa Bang Téchđát. Họ có mong muốn rất lớn đối với việc đầu tư khai thác dầu lửa và các khoáng sản khác ở Trung Quốc, nên đều tranh thủ cơ hội để quảng cáo cho mình. Có một vị khách không mời, từ Caliphoócnia tới, tìm cách trà trộn vào phòng tiệc. Ông này là một nhà tư bản dầu lửa nổi tiếng thế giới, là giám đốc công ty dầu lửa Tây Hoa Kỳ. Ông ta đã từng gặp Lênin. Vì ông ta từng có quan hệ mật thiết với các thế hệ người lãnh đạo Liên Xô, các cố vấn của Cato sợ ông ta sẽ là nhân vật gây lo ngại cho Đặng Tiểu Bình, nhưng Đặng đã có một cử chỉ khiến mọi người không ngờ: Mời ông ta đến ngồi cạnh chỗ mình, tỏ ý tiếc là được gặp quá muộn. Khi người phiên dịch giới thiệu ông ta với Đặng, Đặng ngăn lời phiên dịch lại, nói: "Rất nhiều người

Trung Quốc đã biết ngài, ngài là bạn của Lênin. Khi Liên Xô gặp khó khăn, ngài đã giúp đỡ họ. Chúng tôi hoan nghênh ngài tới thăm Trung Quốc". Ý kiến đó làm cho ông ta rất phấn khởi. Ông ta nói: "Tôi rất muốn đến Trung Quốc. Nhưng tôi đã già quá rồi, không chịu nổi một chuyến bay của máy bay dân dụng, mà Trung Quốc lại không tiếp nhận chuyên cơ". Đặng cười lớn, phẩy tay: "Điều đó rất đơn giản. Trước khi ngài đi, xin đánh điện báo trước, chúng tôi sẽ xếp sắp, mong ngài mang theo nhiều chuyên gia". Ba tháng sau, quả nhiên ông ta đi chuyên cơ tới Bắc Kinh, và nhanh chóng ký với Trung Quốc một số hiệp nghị sơ bộ về thăm dò dầu lửa, khai thác khoáng sản, giống lúa mới và phân hóa học. Sau này, hầu như năm nào ông ta cũng tới Bắc Kinh và gặp mặt Đặng. Đặng tạo mọi thuận lợi cho hoạt động của ông ta ở Trung Quốc và tặng ông ta một con gấu mèo lớn của Trung Quốc để đem tới thế vận hội Lốt Ănggiolét.

Ở Xmontơn, Đặng còn nhận lời mời đến tham quan một cuộc đua ngựa. Đó là một hoạt động giải trí đầy tinh thần cao bồi miền Tây mà người Mỹ rất ưa thích. Trước khi vào trường đua, phu nhân Trác Lâm (vợ Đặng - ND) đã đội một chiếc mũ cao bồi màu xám. Sau khi vào trường đua, hai nữ kỵ sĩ cưỡi ngựa trắng lại tặng Đặng và Phương Nghị mỗi người một chiếc mũ cao bồi màu trắng có vành uốn cong lên. Đặng lập tức cao hứng đội lên đầu, và ngồi vào chiếc xe ngựa kiểu thế kỷ thứ 19, thoải mái dạo hai vòng quanh trường đua, vẫy tay đáp lại những tràng pháo tay của khán giả. Không lâu trước đó, đã có nhà văn Mỹ tả người Trung Quốc là một "đàn kiến xanh" không hề có cá tính. Ông ta khẳng định đã không thể tưởng tượng được

lúc đó, trước mặt các khán giả Mỹ "con kiến chúa" lại tỏ ra thích thú với cái mũ cao bồi bang Téchdat như vậy. Chuyến tới thăm của Đặng đã làm cho việc buôn bán mũ cao bồi rất chạy ở vùng này. Trong một hiệu bán mũ, mấy trăm chiếc mũ cao bồi đã được bán hết rất nhanh với giá 30 đô la mỗi cái.

Sự tiếp đãi long trọng và hoan nghênh nồng nhiệt trong chuyến thăm Mỹ của Đặng, là việc chưa từng có trong lịch sử ngoại giao gần 20 năm nay của Mỹ. Có thể nói người Mỹ chưa bao giờ có thái độ như vậy với người lãnh đạo một nước cộng sản. Nghe nói, khi Khorútsốp đến Niu Yoóc dự đại hội đồng Liên hiệp quốc, cục di dân Mỹ nhất định đòi ông ta phải điểm chỉ mới được nhập cảnh. Đặng đã giành được sự hoan nghênh phổ biến ở nước đứng đầu thế giới tư bản, chỉ trong tám ngày, ở Mỹ đã dấy lên "cơn sốt Trung Quốc". Người nào cũng muốn gặp ông, bắt tay, hoan hô, chào hỏi và xin ông chữ ký lưu niệm. Hơn 2000 nhà báo đã đi theo, phỏng vấn và đưa tin về hành động của ông: Giờ cao điểm của ba mạng vô tuyến truyền hình Mỹ đã biến thành "thời gian Đặng Tiểu Bình". Đặng không hề mệt mỏi hội đàm với các quan chức Mỹ, hội kiến với mấy trăm nghị sĩ, thống đốc bang, thị trưởng và các nhân vật nổi tiếng trong giới kinh doanh, giới giáo dục trong nhiều trường hợp, còn trực tiếp diễn thuyết trước mấy ngàn người. Phóng viên "Nhân Dân nhật báo" bình luận: Trong lịch sử quan hệ đối ngoại, lập trường của Trung Quốc với các công việc quốc tế và quan hệ Trung-Mỹ đã được công chúng Mỹ hiểu sâu sắc bằng phương thức trực tiếp có hiệu quả. Đó là điều chưa bao giờ có.

7.18. CÙNG NHAU KHAI THÁC

Việc tranh chấp lãnh thổ giữa các nước là vấn đề hết sức khó giải quyết, xưa nay hầu như chỉ có một biện pháp là dùng vũ lực. Đặng Tiểu Bình lại nghĩ ra một biện pháp giải quyết mới, là cùng nhau khai thác.

Phía Bắc Đài Loan có một hòn đảo nhỏ, Trung Quốc gọi là đảo Điếu Ngư, diện tích rất nhỏ, không có người ở, cũng không ghi trên bản đồ, xưa nay vẫn coi là một đảo nhỏ phụ thuộc đảo Đài Loan. Sau chiến tranh Giáp Ngọ, Nhật cắt Đài Loan khỏi Trung Quốc, bao gồm cả hòn đảo nhỏ đó. Năm 1945, Nhật bại trận đầu hàng, rút khỏi Đài Loan, nhưng không ai nói tới việc hòn đảo nhỏ đó thuộc về ai, không ai coi đó là chuyện gì. Sau, trên đảo có dầu lửa, việc quy thuộc trở thành một vấn đề tranh cãi. Năm 1972, khi Trung-Nhật lập quan hệ ngoại giao, thủ tướng Nhật yêu cầu thủ tướng Chu Ân Lai xác nhận rõ hòn đảo đó thuộc về Nhật Bản. Để cho vấn đề nhỏ đó không làm ảnh hưởng tới việc bình thường hóa giữa hai nước, Chu Ân Lai dùng sách lược né tránh, nói hiện nay chưa nên thảo luận vấn đề đó. Phía Nhật đành phải thôi. Năm 1978, Trung - Nhật đã hoàn thành việc bình thường hóa, ngoại trưởng Nhật muốn nhân dịp hai bên vừa trao đổi văn bản điều ước hữu hảo, lại đề xuất với Đặng Tiểu Bình yêu cầu xác nhận đảo đó là của Nhật Bản. Đặng dùng biện pháp né tránh, nói một cách nhẹ nhàng: "Thôi, vẫn giữ như trước, hãy gác lại 20 năm, 30 năm nữa". Hai bên đều thỏa thuận, khi thực hiện bình thường hóa quan hệ không đề cập tới vấn đề đó.

Tháng 10-1978, Đặng thăm Nhật, không khí hữu nghị giữa hai nước nồng ấm. Chiều 25, Đặng họp báo ở Tôkyô. Người lãnh đạo Trung Quốc tham dự cuộc chiêu đãi báo chí "kiểu phương Tây" như vậy là lần đầu tiên. Trước hơn 400 nhà báo nổi tiếng thế giới, Đặng trầm tĩnh tự tin, ứng đối lưu loát, lại mang nhiều phong vị n-mua, không khí buổi họp rất sôi nổi. Bỗng có một nhà báo Nhật nêu ra vấn đề sở hữu đảo Điếu Ngư, xin phó thủ tướng Đặng trả lời. Mục đích nêu vấn đề của nhà báo đó, nếu không phải là cố ý nêu vấn đề gai góc để thử trí tuệ của Đặng, thì cũng là để lợi dụng trường hợp công khai, lợi dụng không khí hữu hảo giữa hai bên nêu lên vấn đề mà các quan chức không tiện nêu ra, buộc Đặng phải tỏ thái độ trước công chúng.

Cần tỏ thái độ thế nào đây? Nếu trả lời là nên quy thuộc về Nhật Bản thì coi như Trung Quốc công khai từ bỏ chủ quyền với hòn đảo đó. Đảo tuy không lớn, nhưng chủ quyền quốc gia là chuyện lớn. Nếu nói nó thuộc về Trung Quốc, thì sẽ dẫn tới tranh luận, ít nhất cũng là phủ một bóng đen lên quan hệ hữu hảo vừa được khôi phục giữa hai nước Trung- Nhật. Các nhà báo có mặt hoàn toàn không ngờ Đặng lại lựa chọn đáp án thứ ba, không những đã khéo léo giải đáp câu hỏi khó khăn, lại "chiếu tướng" lại đối phương. Đặng nói: Vấn đề đó, "hai bên có những ý kiến khác nhau, khi thực hiện bình thường hóa bang giao, chúng tôi đã thoả thuận không đề cập tới vấn đề đó", "nhưng vẫn có người muốn khêu lên vấn đề đó để gây trở ngại cho sự phát triển quan hệ Trung-Nhật. Chúng tôi cho rằng hai chính phủ gác vấn đề đó lại là tương đối sáng suốt. Vấn đề đó gác lại không có quan hệ gì, đợi mười năm nữa cũng không sao. Thế hệ chúng ta thiếu trí tuệ, bàn tới vấn đề đó khó đạt được ý kiến nhất trí; thế hệ sau nhất

định thông minh hơn chúng ta, sẽ tìm ra biện pháp mà hai bên đều có thể chấp nhận được".

Ít lâu sau, Đặng tìm được một biện pháp tốt hơn, đó là: Cùng nhau khai thác, tạm gác vấn đề chủ quyền lại. Người Nhật đã khai thác đảo Điếu Ngư trong rất nhiều năm, nếu cùng nhau khai thác, thì Trung Quốc cũng có phần. Như thế rõ ràng tốt hơn là mặc nhận hiện trạng. Anh khai thác, tôi cũng khai thác. Chủ quyền tạm gác lại, không phải từ bỏ. Hiện nay, không bàn vấn đề chủ quyền, vì bàn sẽ không có lợi cho đại cục là quan hệ giữa hai nước. Công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc còn cần đến sự giúp đỡ của Nhật, giải quyết được vấn đề đó sẽ dễ giải quyết những vấn đề chủ quyền và lãnh thổ với những nước khác. Dù Trung Quốc không coi trọng lắm hòn đảo nhỏ đó, nhưng khinh suất tuyên bố quy thuộc cho Nhật vẫn là hạ sách, không bằng treo vấn đề đó lại, làm cho người Nhật vẫn không yên tâm, không nghĩ rằng chỉ có Trung Quốc cầu cạnh Nhật, và Nhật không có gì phải cầu cạnh Trung Quốc cả.

Đặng mở rộng ra, không chỉ là đảo Điếu Ngư giữa Trung Quốc và Nhật, mà rất nhiều vụ tranh chấp lãnh thổ trên thế giới, đều có thể dùng biện pháp đó để hòa giải mâu thuẫn: Trước hết, chưa nói tới chủ quyền, hãy tiến hành việc cùng nhau khai thác. Cách nghĩ đó có phần giống việc tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh trong cải cách xí nghiệp quốc doanh. Vấn đề chủ quyền rất nhạy cảm, dễ dẫn tới xung đột, thậm chí chiến tranh. Đặng dùng biện pháp cùng khai thác - cùng hưởng quyền sử dụng - để làm dịu mâu thuẫn, thật đáng gọi là bậc thầy trong việc hòa giải mâu thuẫn.

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| - <i>Lời Nhà xuất bản</i> | 4 |
| - Tài thao lược vĩ đại của Tổng thiết kế sư (Thay lời tựa) | 6 |
| - <i>Phần thứ nhất</i> | |
| Mưu lược trị loạn | 12 |
| - <i>Phần thứ hai</i> | |
| Mưu lược phát triển | 176 |
| - <i>Phần thứ ba</i> | |
| Mưu lược kinh tế | 266 |
| - <i>Phần thứ tư</i> | |
| Mưu lược chính trị | 336 |
| - <i>Phần thứ năm</i> | |
| Mưu lược quân sự | 395 |
| - <i>Phần thứ sáu</i> | |
| Mưu lược mặt trận thống nhất | 432 |
| - <i>Phần thứ bảy</i> | |
| Mưu lược ngoại giao | 532 |

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giáo sư TRẦN NHÂM

Biên tập: XUÂN DUY

QUỲNH DUNG

Trình bày, bìa: NGUYỄN THỊ HÒA

Sửa bản in: QUỲNH DUNG

In 2000 cuốn, khổ 15x22cm, tại Nxb Chính trị quốc gia

Số XB: 32/353 CXB ngày 4-7-1996

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội
ĐT : 8252008 FAX : 84 - 4 - 251881

TÌM ĐỌC

* * *

Văn tuyển Đặng Tiểu Bình.

MAO MAO:

- Cha tôi Đặng Tiểu Bình (Quyển I)

GIANG TRẠCH DÂN - LÝ BẰNG:

- Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Giá: 52,500^đ